

# PHAN NHẬT NAM

**ĐỌC  
ĐƯỜNG  
SỬ**





# DẠY ĐƯỜNG SỐ 1

Dọc đường số 1  
Phan Nhật Nam  
Midway Press 2024

---

Copyright © 2012 by Phannhatnam

PHAN NHẬT NAM

**DẠC  
ĐƯỜNG  
SỐ 1**



Midway Press



# MỤC LỤC

Những điều chưa nói	9
Chiếc ngực để trần	21
Để tập làm người	27
Người vợ lính	35
Lá cờ trong đường phố	45
Về một thành phố hư hại	53
Nói với các em bé của quê hương	59
Xin cho được nói	71
Những ý nghĩ sau một cuộc hành quân	85
Những ngày dài trên quê hương	99
Người lính đào ngũ	113
Đứa bé ở Đông Hà	123
Tình già	129
Nghĩ về một kẻ thù kiệt lực	137
Người chỉ huy về già	147

Cái chết của một lãnh tụ	155
Ngày Tây Ninh	163
Viết sau hàng rào giây kẽm gai	167
Những người điên	181
Tạm kết	195



# NHỮNG ĐIỀU CHƯA **N**ÓI

**C**ái lý do để tôi viết cuốn bút ký này thật là tầm thường – tôi bị tù: những ngày ở trong tù thật dài, dài quá đến nỗi không có một công việc để làm có thể nổi điên – một thứ điên chắc chắn cuồng nộ và hung hãn như lửa cháy. Đồng thời còn có những yếu tố phụ khác – viết xong, sẽ có một tí tiền còm – mấy thằng bạn ở nhà xuất bản tán tôi.

Hơn nữa tôi cũng đang cần tiền, rất cần là đằng khác, vì có tiền tôi hy vọng giải quyết rất nhiều chuyện, ở trong đó, có chuyện tình yêu, nói ra để thấy xấu hổ trong lòng; hai mươi bảy tuổi vẫn còn lông bông như một kẻ không nhà; bất lực trước mọi hoàn cảnh, kể luôn những cảnh đời quyết định số mạng mình. Tôi viết cuốn này cũng với sự “thối” của mấy thằng bạn, chúng nó cứ đổ riệt cho rằng tôi có “văn tài, không khai thác sẽ bị mai một! Tuy vậy nhưng lòng vẫn có những xúc động thật sự khi thấy cảnh Đỗ Quý Toàn giới thiệu cuốn “Dấu Binh Lửa” thật nồng nhiệt ở tivi, hay thật! Chót cùng một

nổi chán chường của một đêm ở nhà giam, lòng vẫn thấy rộn rã hân hoan... Điều muốn nói thêm là tôi vẫn không muốn viết bút ký vì thấy mình tội nghiệp vô cùng khi đem cả đoạn đời viết ra chỉ mua vui chốc lát cho người đọc; đau xót để thấy những đau đớn có thật khi biến thành cuốn sách bán đi như tất cả mọi món hàng; cuốn sách chứa đựng những bất hạnh, nếu không to lớn đủ để đánh thức lương tâm nhân loại nhưng cũng đủ làm rơi những giọt nước mắt âm thầm chảy dài trên gò má của một người Việt trên quê hương, cuốn sách đó sẽ nằm lang thang vất vưởng như số phận những cảnh đời trong bút ký – trên khắp cùng quê hương như rơi rớt của một niềm bất hạnh. Những lý do này làm tôi ngần ngại thật nhiều khi cho in cuốn *Dấu Binh Lửa* và lần này thì những ngại ngùng do tăng lên cao – vì ở đây là một bút ký không có tiếng sấm. Không bóng cờ vinh quang. Ở đây chỉ là nỗi nhớ những đời người tôi chứng kiến, những người tôi không biết có thể gọi đúng nghĩa đó hay chẳng vì những người đã đi qua, đã gặp chỉ gọi lên những khổ nỗi bi thảm của một con vật gọi là người Việt Nam, Việt Nam đầy thung lũng của thế giới, nỗi thống khổ đổ xuống triển miên như thác lũ. Những đổ vỡ phải viết cho hết. Cuốn *Dấu Binh Lửa* chỉ là những sự kiện gọi lại trong tôi niềm xúc động và đã nhớ hoài, tuy tôi viết thật thành tâm và cuồng nhiệt, nhưng tôi vẫn thấy thiếu; một thiếu thốn có thật vì sau tám năm lính

không phải chỉ ngân ấy. Tám năm lính đã cho tôi biết được quê hương này là một địa ngục trần thế và những người Việt Nam trên suốt dãy quê hương còm cõi này, những người Việt Nam sống dọc theo con đường số 1, là những người mang nỗi bất hạnh vượt lên tất cả bất hạnh: một thử thách gánh chịu đựng cơn tàn bạo hủy hoại con người. Điều ao ước thật sự của tôi là viết truyện dài cỡ *À l'ouest rien de nouveau* hơn một chút *La vingtième heure* cuốn sách đã mở ra trong lòng tôi những rung cảm kỳ lạ: những rung động đời đời như tình yêu đến một lần trong tuổi 17 gây thành kỷ niệm hoài trên trí nhớ. Tôi đã viết hàng chục lần đoạn đầu cuốn tiểu thuyết dài ao ước đó. Nỗi ao ước bị bỏ dở nhiều lần bởi muôn ngàn lý do, ám ảnh tôi đến kỳ quái; không có khả năng? Thiếu xếp đặt, không chủ tâm? Tôi lần mò từng câu hỏi để giải cho hết thắc mắc, nhưng hình như một cuộn chỉ càng ngày càng thêm khó gỡ... Nhưng đến bây giờ thì tôi biết được: lòng còn nằm trong cơn biến động trên ngọn dây dù mỏng manh qua vực thẳm đời sống, tôi chưa lấy lại được sức lực, chưa chỉnh tâm, chưa tỉnh táo – tôi đang điên mê trong cơn cháy quê hương, một cơn cháy tàn bạo tan vỡ con người. Thôi thì viết bút ký: viết bút ký hay là một thứ cầu kinh trong một niềm cô đơn đen đặc, viết bút ký để thấy những giọt nước mắt vô hình tha hồ tuôn chảy sau bao nhiêu lần nín kín, viết bút ký như một tiếng nức nở được thoát hơi sau hàm răng

nghiến chặt thấm ướt máu tươi từ đôi môi khô héo – tôi viết bút ký như một tiếng thở dài trong đêm.

Cuốn sách này còn để viết cho những người vô danh; những người sống câm nín trên một bờ biển, trong hốc núi, những người ở trại định cư trên cồn cát – những ông già suốt đời chưa thấy điện; hỏi có biết ông Ngô Đình Diệm là ai không? Nghe nói mấy năm trước nay không biết đi đâu! Ông già sống ngoại ô Sài Gòn nhưng chỉ biết Sài Gòn nơi tối tối có đèn sáng mù trời! Cuốn sách còn để viết về những người lính hút mỗi tháng ba bao thuốc. Đi lính Nhảy dù để được đi tàu bay và “thấy” Sài Gòn – Sài Gòn với những đêm nón sắt, áo giáp, súng cầm tay đứng ở một ngã tư đông đúc nhìn ra đường phố loáng ánh đèn và chiếc xe chạy không tiếng động, đến một nơi giải trí với số tiền người lính có được sau khi chết lãnh một lần mười hai tháng lương. Sài Gòn, những người lính Nhảy dù sẽ được gác ở cầu Phan Thanh Giản, đứng thật thẳng in hình trên một bầu trời vàng rực nắng xiên khoai nhìn những người Việt Nam như anh ta đi từng loạt, từng đoàn, xanh đỏ sặc sỡ hướng về phía xa lộ. Tiếng cười giọng nói vang lên như từ một thế giới xa lạ, thật xa một xứ sở đang có tai ương gọi là chiến tranh.

Tôi cũng viết cho những tìm thấy vô cùng cảm động, những niềm tin thật kỳ lạ của một người lính già, già đúng nghĩa với những sợi tóc màu trắng, trắng như một khoảng trống hư vô đằng sau hai mươi

bốn năm lính với một thân thể hằn vết sẹo, mất thị giác và trí nhớ nhưng vẫn nhớ hoài trận đánh đầu tiên một thời trai trẻ trên chiến trường Việt Bắc – nhớ như vậy để mong đừng bị giải ngũ, hy vọng một ngày xưa quân vượt Trường Sơn lòng giặc tại chiến khu. Những tìm thấy rục rờ như một thỏi vàng óng ánh trên bàn tay nghèo đói. Tình thương của một người chú, một lính nghĩa quân ngồi vuốt tóc đứa cháu tìm được trong lòng địa đạo, mang đứa bé trên vai vượt qua bờ ruộng khẩn vái trời phật che chở cho đứa cháu vừa tìm được sống còn, dù mình có bị tan nát dưới làn đạn thượng liên bắn không ngừng nghỉ... Nói làm sao cho hết những tình người mênh mông thần diệu đó.

Và tôi cũng viết cho chính tôi, một tôi thật tội nghiệp như kẻ giác đấu với một địch thủ tàn bạo – tôi đã chống đỡ bằng thanh kiếm tuyệt vọng khi đời đang kêu gào những tiếng lớn đòi máu chảy. Tôi cũng viết cho chính tôi để nhớ rằng tình yêu là một vật có thật cho người. Còn một việc chót để kết thúc tôi viết bút ký vì chính cảnh đời vừa qua kích thích và ảnh hưởng trên tôi quá đổi – có thể mười hay hai mươi năm sau này dù trải qua hàng ngày cảnh sống hung tàn nghiệt ngã đến thế nào tôi cũng không có được niềm xúc động kinh hoàng, cái ấn tượng sâu hoắm dính chặt vào mỗi sợi thần kinh như những ngày tháng cảnh đời vừa trải. Thế cho nên bút ký được viết ra như một cố gắng bóc cho hết cái lớp vỏ

phần nộ, u uất để nói cho cùng một nỗi buồn phiền có thật đã đè nặng trên vùng linh hồn suốt trong thời gian đằng đẵng... Tôi phải viết như thế này để trả lời lại những ý kiến do bạn bè gần xa khi đọc xong cuốn “Dấu Binh Lửa” – những ý kiến thế này... Mà viết hay thì có, nhưng quá hay và quá thật làm sao viết cuốn thứ nhì, hoặc: viết được cuốn đầu như thế, gắng làm sao cuốn sau hay hơn, muốn thế mà đừng kể chuyện lính nữa... Tôi ghi nhận những ý kiến này và hứa cố gắng không nói về lính và chiến tranh – nhưng khổ quá, chuỗi ngày vừa qua và hiện tại của tôi chỉ là những ngày lính tráng tàn khốc – tôi chỉ được xác định rõ nhất ở vị trí một người lính, một người lính tác chiến tan hản trong đại dương tập thể “lính” hỗn độn và buồn phiền – tôi biết nói chuyện gì bây giờ? Ngày mới lớn, ngày vừa khôn, một tuổi trẻ hăng say bây giờ sắp vào một trung niên, khắc khoải, tôi đã chỉ nhìn và sống với cuộc đời bằng một “lính sinh quan”. Tập thể này là một thú cha mẹ nuôi, bóp méo và dạy dỗ linh hồn tôi thành một thú sinh vật – rất lạ với đám đông, rất xa với gia đình – cái sinh vật lính này là con người tại thể của tôi – thế nên bảo tôi đừng viết về lính hoặc những điều bị kích thích từ chiến tranh thì thật quá khát khe như bắt nhà chùa đừng nhìn cuộc đời qua nhãn giới của đạo Phật! Tôi cũng biết gần đây đã có hàng trăm tác phẩm nói về lính, nào là lính si tình, lính suy tư, lính cô đơn – ngay đến hai tác phẩm điện ảnh được làm um sùm

trên báo chí là *Xin nhận nơi này làm quê hương*, và *Chân trời tím*, cũng chỉ nói đến lính. Cuốn phim thì đúng là một món hẩu lốn như jambon chấm nước mắm! Ngoại trừ cái phần hình ảnh và diễn xuất của tài tử đã vượt qua giai đoạn thuộc văn phạm điện ảnh, ảnh, phần còn lại từ đạo diễn, truyện phim, đối thoại, phân cảnh cứ lủng ca lủng củng đầu cái lương, đuôi thoại kịch chẳng ra cái thống chế gì cả. Thế nhưng anh đạo diễn cũng đoạt giải thưởng hay nhất; hay chẳng là hay hơn loại đạo diễn Nguyễn Long hay anh làm tổng “Người đẹp Bình Dương”? Cuốn phim thứ nhì thì chưa biết làm sao? Nhưng cứ nhìn vào cuốn chuyện “Chân trời tím” với một thứ lính “ông nội” như Hạ sĩ Phi, lại do “thần tượng” Hùng Cường diễn xuất nữa thì chắc sẽ hay bằng chương trình thép sủng dành cho lính! Trở lại vấn đề văn chương. Tôi đã biết lính đã bị “bắt cóc” vào tác phẩm rất nhiều. Trong đó thằng lính “đuợc” uống rượu để đến nôn ra mật xanh, mật vàng; đi phòng trà “chơi” ca-ve, gái điếm lu bù và giết ít nhất cả tiểu đoàn Việt Cộng, hoặc bị thương ít nhất cũng vào độ “chân tay biệt ly” và ăn khách nhất là mục “Giã từ ánh sáng” nhưng thường thường bị mất một mắt! Có anh lính lại bị nhét vào mồm những thức ăn khó nuốt như: Thượng Đế, cuộc đời, thân phận... và đôi khi còn cho lính chửi chính quyền. Vừa phải thôi, lính nó có giận đâu thì giận, thuê tiền nó vẫn không dám trêu vào chính phủ. Vì nó có giận thì giận hai ông

kinh tài chú có biết ất giáp trời trăng gì chuyện của dinh và phủ đầu chú! Nhưng có kiệm ước hay không lương lính từ mười năm nay vẫn chỉ để tiêu trong năm ngày: từ 25 đến 30 mỗi tháng! Cơm câu lạc bộ, vợ chị em ta đã tù lâu! Cho nên bắt lính “xuất trại lậu” ra với cuộc đời hơi nhiều; nhiều đến nỗi cái ông tổng kết văn học trong năm 1969 đã viết trong báo *Khởi Hành* (cơ quan ăn nói của lính làm văn nghệ) – không hiểu ông ta có phải lính hay không – đã báo động bằng một giọng văn chán chường khinh miệt thứ văn chương hạ đẳng tầm thường loại nón sắt hai lớp. “Ông ta bảo đại ý năm 69 đã xuất hiện một thứ văn chương lam nham viết về lính tráng quá lỗ, làm thiu thối hư hao cái sinh khí văn nghệ đang bùng bùng sống dậy với những đại tác phẩm cỡ *Mã lộ*, của ông Viên Linh – á! Cũng lại một anh lính (lính thực thụ nghĩa là cấp bậc từ hạ sĩ I trở xuống). Nhưng đây là một thứ lính de Luxe, lính có “ý thức sáng suốt soi hết vào cuộc đời thăm thăm!, nên đã không viết về lính mà viết về cuộc đời – qua hình ảnh *Mã lộ*! Anh ơi, anh phê bình tổng kết ơi. “Ông” Viên Linh không viết về lính vì chính hắn ta bị đi quân dịch làm binh nhì, không có một cái bằng trung học để được đồng hóa Trung sĩ. Anh ta làm binh nhì tâm lý chiến, nên chỉ đánh giặc bằng viết nguyên tử và giấy pelure – ông ta là binh nhì bàn giấy nên có thời giờ la cà các phòng trà để khai triển cái thế giới của loại ca sĩ âm ẹ, của loại tài tử ngã tắt, của những tiếng hát khoe,



tiếng hát của người cô đơn trong đám đông, để viết trên cái thứ báo có tâm vóc “đại nghệ thuật” như cỡ *Kịch Ảnh*, *Màn Ảnh* bốc thơm thế giới phiêu lưu của hắn ta, phiêu lưu từ Brodard qua Pagode xuống Givral; thế giới hoang lạnh của Maxim’s đóng cửa, tắt đèn sau khi thợ hát, thợ đàn nhón nha nhón nháo đi về vì giờ giới nghiêm... Thế nên, sống như thế thì viết về lính và chiến tranh thế nào được? Vậy nếu viết không được thì để cho người khác viết, anh lại ra cái điều trích thượng chệ bút ký của Phan Lạc Tiếp và Vũ Thất – tiên sư cái nhà anh, anh chưa đi được nửa thước nước biển thì làm sao anh hiểu được cái cao cả, cô đơn của người lính thủy – đêm khuya đứng ở boong nhìn xuống một mặt biển chuyển động – nếu anh chỉ đi được từ Vũng Tàu về Sài Gòn, chắc hẳn anh dám đưa vào tác phẩm, đại loại những câu chuyện kể về một chuyến đi chắt ngất mê đắm, vùng biển mở ra trước mặt hun hút như tiếng gọi từ hư vô! Anh cứ đọc truyện của ông Mai Thảo thì rõ – chỉ có mỗi việc đi buôn lậu vượt đăm ba thước sông qua vùng Tề từ thuở xa xưa, nhưng tác phẩm nào chẳng nhắc tới coi như dấu vết của một đời phiêu du. Ôi phiêu du của các anh chỉ là phiêu du vật từ ngoại ô về thành phố; từ giường vợ đến bàn giấy, nên người ta kể chuyện đường xa, không đi hoặc không có can đảm đi đành phải thành nhảm nhí.

Trở lại vấn đề, trước khi làm nghề “văn” tôi làm nghề lính và bây giờ cũng như thế – tôi viết văn, chi

là một nghề tay trái, một nghề phụ, phút trốn tránh cái nghiệp dĩ nặng nhọc, để rong chơi trên một lối bình yên – tôi viết văn như một thứ nghỉ ngơi nhàn hạ. Vì vậy tôi không là “văn sĩ”, tôi chỉ là một gã lính ngoại tình cùng đoàn thể để làm nhân tình lẻ với văn chương. Và lúc gian dối này tôi cũng không quên cái bản thể lính tráng đã được xác định bằng một số quân, một chuyên nghiệp quân sự và ám số chức vụ theo suốt một đời... – tôi viết về lính vì tôi không có đời sống nào khác hơn nữa.

Nhưng tại sao phải biện luận hoài huyễn – sống thế nào thì viết thế đó; Nietzsche đâu phải nổi tiếng vì những luận lý siêu hình không tưởng. Sấm ngôn của Zarathoustra chỉ là tuyên ngôn của một thái độ sống tích cực. Gheorghiu với *La seconde chance* đâu phải được nghe từ một bàn giấy kín cửa. Thôi nói đâu cho xa, cứ trở về với một Hàn Mặc Tử, Quách Thoại để thấy một đời sống khổ đau có thật hiện hành trong thi ca... Thế nên Thế Phong với *Tự sự Ký*, hoặc “Nếu anh có em làm vợ” cũng xác định vị trí của người viết giữa giòng đời. Thế thì, tôi là lính sống giáp mặt với chiến tranh trong khoảng thời gian hun hút của đời người có lý nào để viết được một điều khác hơn – có suy nghĩ chẳng thì hãy nhớ lời thề “Thiên tài lớn” – mà chỉ có tác mà chưa có sáng! Đúng như thế, nên tôi cố nhủ với mình: Hãy trầm tĩnh xuống để gạn lọc lấy những yếu tố cần thiết và cảm xúc tính nhiều nhất để hoàn thành một tác phẩm khác hơn là

bút ký lẳng nhăng trần tục này! Đấy, có suy nghĩ cũng là thắc mắc về nhận xét này, chứ đâu phải về những nhận xét của những đồ tể văn nghệ tay non hỗn láo đại khái như cái anh phê bình và tổng kết ở báo xuân *Khởi Hành*. Nhưng, thôi hãy chờ đợi cơn lẳng xuống – cái hội Long Hoa của tinh thần ở đâu còn xa lắm; trong khoảng đời náo động viết lem nhem thế này đi cho đỡ mệt. Văn chương, luận lý quá thì nó hóa thành cái gì đây? Tại sao không nghĩ như Hoàng Hải Thủy: tôi chẳng viết những điều gì to lớn, tôi chỉ viết những điều mà không ai viết được như tôi! Thế bây giờ tôi cũng nên khen cho mình một phát hãy viết về lính và chiến tranh nhưng không giống một ai, – chúng văn chương bàn giấy đó có biết và sống được một phần trăm đời sống tàn khốc của chiến tranh này đâu mà nhì nhằng. Để ý làm gì...

*Biên-Hòa, Ngày 22-2-70*

*Ngày của một người*



# CHIẾC **N** GỤC ĐỂ TRẦN

**N**gày hôm qua đụng lớn, Tiểu đoàn lấy được một lô súng đạn, thừa thắng xông lên truy kích địch để lừa chúng về ngã Quốc Lộ 4. Bên trái là sông Tiền Giang: Tiểu đoàn 3 nhảy dù bên phải làm thành phần chặn bít. Tiểu đoàn tôi lừa địch từ đông sang tây. Việt Cộng phân tán thành từng toán nhỏ để chạy trốn – ba đại đội tác chiến được sử dụng để lục soát không chừa một hốc nhỏ... Việt Cộng được moi lên từ các ao bèo, bờ lúa, đụn rơm, cuộc truy kích vừa khôì hài vừa hào hứng như trò chơi. Tôi lảm lì đi giữa hàng quân, trận đánh ngày hôm qua, một đêm mất ngủ, cái chết hàng loạt của Việt Cộng, những thây ma lênh bênh lẫn lóc, tất cả đổ nhào xuống một lượt trên linh hồn còn hồn nhiên. Tôi ngất ngư như lần đầu tiên uống rượu – nhưng đây là một cơn say đen. Xua quân đi vào một khu rừng dừa rộng thênh thang, tiểu đội bên trái, tiểu đội bên phải, lục soát dọc theo hai con rạch nhỏ bao quanh khu vườn. Tôi đi vào ngôi nhà đang âm ỉ cháy, những chiếc cột lớn

lông chông hỗn độn bốc khói xanh ngắt... Một người đàn bà áo trắng quần đen tay ôm một chiếc lẵng mây trước ngực ngồi im trên nền gạch đôi mắt nhìn thẳng ngơ ngác, thấy chúng tôi đi vào chị ta đứng dậy, đứng thẳng người như pho tượng, như một thân cây chết với con mắt không phản ứng. Thành bé theo tôi cùng tên hiệu thính viên lên ngay vào bếp kiểm thức ăn. Tôi đi đến trước chị đàn bà...

- Làm gì chị ngồi đây? Không biết đang đánh nhau sao? Im lặng, đôi mắt vẫn ngơ ngác nhưng lóe lên một tia nhìn sợ hãi, bỗng nhiên chị ta đưa thẳng chiếc lẵng mây vào mặt tôi, động tác nhanh và gọn như một người tập thể dục. Một thoáng ngạc nhiên tôi đưa tay đón lấy... Hai bộ áo quần, chiếc khăn trùm đầu, gói giấy nhỏ buộc chặt bằng dây cao su, mở gói: Hai sợi giây chuyền vàng, một đôi bông tai...

- Của chị đây hả? Vẫn im lặng, một nỗi im lặng ngọt ngào lạnh lùng.

- Con mẹ này điên rồi Thiếu úy, chắc sợ quá hóa điên. Tên hiệu thính viên thì thầm sau lưng tôi; mắt nó sáng lên khi nhìn vào những miếng vàng chói trên giấy... - vàng, chắc cũng hơn một lượng, lấy đi Thiếu úy, em thấy mấy đại đội khác nó lấy như điên... Ê! đi đi - tên lính xua tay đuổi người đàn bà đi chỗ khác; lạnh lùng chị ta xoay người bước đi như xác chết nhập tràng - chị kia quay lại đây tôi trả cái này; tôi nói vọng theo. Người đàn bà xoay lại, cũng với những bước chân im lặng, trở về đứng trước mặt tôi

nhưng đôi mắt bây giờ chứa đầy sợ hãi, một nét hốt hoảng thật thảm hại làm nhăn nhúm khuôn mặt và run đôi môi... Chị ta còn trẻ lắm, khoảng trên dưới 27, 28 tuổi, da trắng mát tự nhiên, một ít tóc xõa xuống trán làm nét mặt thêm thanh tú. Tôi đưa trả chiếc lẳng mây, chị đàn bà đưa tay đón lấy, một cánh tay run rẩy như tiếng khóc bị dồn xuống... Chiếc lẳng bị rơi xuống đất, hai cánh tay thả xuống mệt nhọc song song với thân thể... Một dòng nước mắt chảy dài trên má! Tôi hươì mũi súng trước mặt chị ta – ngồi đây; tôi chỉ nòng súng vào bực tam cấp – khi nào tụi tui đi thì chị đi theo... Tại sao khóc. Nhặt vàng lên đi chứ. Im lặng, chỉ có mỗi im lặng thật kỳ quái thân thể người đàn bà cứ run lên bần bật, nước mắt ràn rụa... từ từ chị đưa bàn tay lên hàng nút áo trước ngực – không! không thể như thế được, tôi muốn nắm bàn tay kia để ngăn những ngón tay run rẩy đang mở dần những hàng nút bốp, để phơi dưới nắng một phần ngực trắng hồng! Không phải như thế chị ơi... Người đàn bà đã hiểu lắm vì tôi không lấy vàng và bắt đứng lại. Không, chị ta không hiểu được lời nói của tôi – một người Việt Nam ở cùng trên một mảnh đất – chị ta tưởng tôi thèm muốn thân xác và đòi hiếp dâm! Tội nghiệp cho tôi biết bao nhiêu, một tên sĩ quan 21 tuổi làm sao có thể biết đời sống đầy máu lửa và đờn đau tủi hổ đến ngần này. Tôi đi lính đánh giặc chỉ với một ý nghĩ: đi cho cùng quê hương và chấm dứt chiến tranh bằng cách góp

mặt. Thê thảm biết bao nhiêu cho tôi với ngộ nhận tui hổ này... Thê thảm cho tôi, cho những người lính chung quanh vì lính chúng tôi có thể tàn bạo trong khoảnh khắc, tham lam trong lén lút nhưng chúng tôi đâu phải là một thứ lính Tây trên quê hương – một thứ người ngoại cuộc của những tàn phá kinh tởm do chiến tranh này. Chúng tôi có lòng nào hưởng cảm giác trên xác thân của một người đàn bà Việt Nam trong cơn vỡ nát kinh hoàng đau đớn. Khổ lắm, người đàn bà của tỉnh Kiến Hòa nào đâu có biết rằng chúng tôi không bao giờ muốn huênh hoang hung bạo trên vườn xanh bóng mát này, chúng tôi đâu có muốn tạo những ngọn lửa oan uổng thiêu đốt căn nhà bình yên như giấc mơ của chị... Và những mảnh vàng đỏ, thân thể chị đây nào ai có can đảm để giang tay cướp phá và xâm phạm. Tôi muốn đưa tay lên gài những chiếc nút áo đã bật tung lộ liễu, muốn lau nước mắt trên mặt chị nhưng chân tay cứng ngắc hổ thẹn, và chị nữa. Người đàn bà quê thật tội nghiệp, đời sống nào đã đưa chị vào cơn sợ hãi mê muội để dẫn dắt cho những ngón tay cởi tung hàng nút áo, sẵn sàng hiến thân cho một tên lính trẻ tuổi chỉ bằng em út, trong khi nước mắt chan hòa trên khuôn mặt đôn hậu đầy kinh hãi.

Quân rút ra khỏi làng, chị đàn bà đi theo chúng tôi, vẫn với những bước đi ngượng ngập cứng nhắc. Vẫn đôi mắt nhìn vào khoảng trống không cảm giác. Người đàn bà Việt Nam bước đi trong ngõ ngàng với



một hạnh phúc khốn nạn: hạnh phúc đến chót sau những đau khổ rời rã, hạnh phúc lạ lùng như chiêm bao – thấy thân thể chưa bị xúc phạm!

Quân rút ra gần đến Quốc lộ, con sông bên trái đẩy thuyền, hỗn độn bóng người chen chúc... Dân của vùng hành quân trốn ra từ ngày trước, tiếng người kêu la vang dội một khoảng sông. Họ hỏi thăm tình trạng nhà cửa, người thân thích bị kẹt trong vùng hành quân, đã có tiếng khóc vang lên... Trời ơi, nhà ông Năm bị chết hết cả rồi bà con cô bác ơi, bà con cô bác ơi! Tiếng kêu thê thảm như một kẻ đắm đò... Lai! mày đó Lai ơi! Bà già dưới sông mồm kêu tay ngoắt người đàn bà theo tụi tôi. Chị ta dừng lại như để nhớ một dĩ vãng, như nhớ một đời sống đã qua đi... Lai! Lai ơi, má đây con ơi... Chị đàn bà đứng lại xoay về phía dòng sông... Má! Má! Tôi thấy đôi môi run rẩy thì thầm: nhà cháy rồi! Nhà cháy rồi! Chị ta đi lẩn ra phía bờ sông cũng với những vết chân của người mất hồn, bóng ảo trắng nổi hằn trên đám dứa xanh...

Tôi cúi đầu đi thẳng, mắng mấy thằng lính đứng tần ngần nhìn theo người đàn bà.

- Tiên sư, đi lẹ còn qua phà sớm – lòng ngập một niềm ăn năn kỳ lạ...

*Kiến Hòa tháng 8-1964*



# ĐỂ TẬP LÀM NGƯỜI

Chiều hôm nay là mồng 5 Tết, rời bỏ được Sài Gòn với khí hậu nóng như thiêu đốt không gây nổi một ý niệm về mùa xuân, thành phố đang sôi sục xuống đường, biểu tình, đảo chánh, thật dễ chịu như thoát khỏi nơi chốn ngục tù. Máy bay xuống phi trường Vũng Tàu trong ánh nắng dịu dàng của đầu xuân và bên kia là biển... Bao lâu rồi mới thấy lại cây dương liễu, cát trắng và mùi gió biển. Sao những vật này cứ ám ảnh tôi hoài như kỷ niệm của mỗi tình thời mới lớn. Tối giao thừa vừa qua là một đêm giao thừa hạnh phúc nhất kể từ bảy năm nay: bảy năm với bảy giao thừa khốn nạn, thê lương và buồn tủi xót xa;... giao thừa của đêm khuya gió lạnh trên đèo Hải Vân, mây phủ kín lưng đèo và tôi co quắp trong một khoang xe vận tải dơ dáy, chết máy nằm cạnh sườn núi với cô đơn của một kẻ không nhà. Bảy giao thừa qua chém trong tôi những lát dao để gây nhức nhối, suốt đời nhớ mãi, nhớ hoài như một vết chàm khắc lịm vào xương. Nhưng giao thừa rồi thật đầy đủ, bạn

bè, em gái tôi và tình yêu của một cô gái nhỏ, bánh mứt, tiếng cười giọng nói vang đầy căn phòng trọ - cảm ơn tất cả, tôi đi đây bỏ lại 5 ngày ứng chiến tại Sài Gòn. Tôi mang hết cả niềm vui của một đêm giao thừa hạnh phúc theo suốt một mùa xuân.

4 giờ sáng, quân xuất phát từ Phù Mỹ tiến vào mật khu Hắc Dịch. Trung đội tôi dẫn đầu Đại đội. Đại đội dẫn đầu Tiểu đoàn. Lính lầu nhàu: Trung đội từ ngày có mặt Thiếu úy về đến bây giờ cứ phải đi đầu hoài! - tao muốn thế đâu, đi đầu ngán thấy mẹ chứ thích quái gì, nhưng gắng đi mấy cha... Rừng già, đi không khó, quân tiến nhanh như đi trên khoảng trống. Trước mặt chúng tôi 2 Tiểu đoàn 5 và 6 nhậy dù đang được trực thăng vận để tìm Việt Cộng lại. Chúng tôi có nhiệm vụ làm thành phần chặn bít, không cho Việt Cộng chạy thoát ra hướng quốc lộ 15. Mặt trời lên cao rừng bắt đầu nóng, lớp cỏ tranh bị cháy rải tro lên dày mặt đất, bước chân người lính đi khuấy lên những lớp bụi đen nghịt, mồ hôi chảy đầm đìa dính theo từ lớp tro lem luốc và ngứa ngáy không chịu được - anh cố coi thử có con suối nào không? Đại đội trưởng liên lạc trong máy ra lệnh tôi... - bản đồ tôi loại 1/100.000 nhỏ quá chẳng thấy có con suối nào cả, địa thế cũng không có vết suối... - bảo mấy thằng con giỡn nước coi chừng kẹt nước... Đến chiều cả Tiểu đoàn kiệt sức, nước không có, phải di chuyển gần 10 cây số đường rừng, lính bải hoải tưởng như xô nhẹ cũng đủ ngã. Lệnh cho

đóng quân đêm. Chẳng cần làm lều, bố trí Trung đội xong tôi nằm vật xuống đất, mệt, đói và khát nước đến muốn ngất. Có chút cơm nắm mang theo nhưng không dám ăn vì không có nước, bi đông còn một tí nước, tôi uống từng ngụm nhỏ chỉ vừa đủ ướt môi – bên kia 2 Tiểu đoàn 5 và 6 đùng địch, chúng tôi nghe rõ tiếng súng nổ từng hồi, súng của ta lẫn Việt Cộng, trực thăng vũ trang được gọi đến, tiếng động cơ cùng tiếng súng vang đầy một khung trời.

- Thiếu úy, ăn cơm không? Thái, thằng bé theo làm cho tôi, chia một lon cơm nóng.

- Ở đâu mà có được? Em nấu buổi chiều, lấy nước từ rễ cây. Tôi nhai từng miếng cơm nhỏ sợ tan biến thật nhanh ở trong mồm...

- Liệu Việt Cộng có đánh vào Tiểu đoàn mình không Thiếu úy?

- Nó đánh mình mới có hy vọng rút ra được, nếu không cứ nằm thế này thì chết khát.

- Em cũng nghĩ như vậy...

Đêm mùa khô, trời đầy sao. Sau khi có mấy miếng cơm nóng với ngụm nước nhỏ tôi tỉnh cả người, đốt diều thuốc gói đầu vào nón sắt ghé tai vào máy truyền tin xem chừng với các toán phục kích... Bên phía hai Tiểu đoàn bạn trận đánh mỗi lúc một ác liệt, chưa bao giờ tôi thấy gunship đánh trận đêm nhiều đến như thế.

Quân rút ra đi như một lũ ma đói, 2 ngày, 2 đêm thiếu nước và mất ngủ, mọi người phờ phạc trông

thấy. Trung đội tôi đáng lẽ dẫn đầu trở ra lại phải đi chót Tiểu đoàn – Đại đội 73 đi đầu, Trung đội của Toàn vừa đi được 20 thước đập một trái lựu đạn – 2 chết, 2 bị thương... Mấy thằng lính của Trung đội tôi cười như mếu – may quá, mình đi đầu là chết rồi! Tôi cũng nhủ thầm mình có số mạng...

Người trước đi, tôi đi theo chẳng cần đội hình ý tứ gì nữa, hai ngày vừa qua có được 4 muống cơm, người tôi không còn một sức lực nào nữa... Tôi dặn lính:

- Tụi mày cứ theo Trung đội trước mà đi sát vào nhau đừng để lạc...

Đầu gục xuống, súng vác trên vai, tôi thở không những bằng mũi mà cả bằng chiếc mồm hả thật lớn, chiếc lưỡi căng phồng, nhúc nhối và đôi môi khô không còn chút cảm giác. Tro rừng, đất bụi bám đầy cả mặt mũi, bay đầy cả vào mồm, không còn tí nước bọt nào để nhổ ra, tôi đưa tay vào mồm chà trên lưỡi từng tảng tro đen! Quốc lộ 15 đây rồi, có thửa ruộng nhỏ bên đường, tôi úp chiếc mặt vào giòng nước đục ngầu phủ một lớp bùn non... Uống! Uống! Như một loài thú hoang trên sa mạc... Ngày hôm nay mới mồng tám Tết.

Về đóng quân ở quận Đất Đỏ, trong vườn cây măng cụt xanh tươi bóng mắt. Tôi căng võng đọc sách, cho lính đi mua gà về nhậu với rượu đế, ngà ngà say suốt ngày. Nắng như thêu hoa trên áo, những ngày thật bình yên. Nhưng đêm thì thao thức không ngủ được, những hôm trời trăng sáng đem lính đi

phục kích nằm trong rừng tiêu, cây tiêu dưới bóng trắng lạnh trông như những bóng người. Vẻ đẹp của khu vườn chứa đầy bí ẩn kinh dị... Chim heo bay qua kêu từng tiếng thật ai oán và tôi nhớ em, tình yêu đã mất. Ôi tôi đã xa em từ tháng 7 năm 1964 đến giờ – xa em quá lâu rồi đấy hở? Sao lòng tôi vẫn thao thức nhớ thương đến độ điên cuồng... Cả ngàn đời em cũng không biết được tình yêu đó.

Ngày 19 tháng 2 – 1 giờ sáng Tiểu đoàn nhận lệnh trở về Sài Gòn, cho lính lên xe trong đêm tối, lính yên lặng không kinh ngạc. Có quái gì đâu, những trò hề này chúng tôi đã quá quen! Đảo chánh, chỉnh lý hay cái gì đi nữa cũng chỉ vậy thôi, chúng tôi vô can, đứng ngoài – Đm. về Sài Gòn lại đứng đường, gác chợ nữa như thằng ăn mày. Tiếng chửi thể rơi vào im lặng, mọi người còn ngái ngủ. 6 giờ sáng vượt cầu Phan Thanh Giản, xuống xe quân tiến vào Đài Phát thanh. Đại đội tôi có nhiệm vụ dẫn đầu... À, chuyển này tôi làm “cách mạng” thực sự rồi – những chiến sĩ can trường đã đánh bật quân phiến loạn ra khỏi đài phát thanh trong buổi sáng hôm nay! Mẹ đời, coi chừng Đài Phát thanh lại gọi đích danh tôi để ca ngợi không chừng... Tiến vô, thôi đánh trong thành phố với người anh em một lần cho biết. Trung đội tôi chạy lượn vào con đường nhỏ để đâm ra đường Phan Đình Phùng... Đến ngã ba, nơi rẽ tay trái là Đài Phát thanh, hai tên khinh binh chạy đằng trước tôi thối lui lại... Thiết giáp! Thiết giáp! Thiếu úy khoan ra đã...

- Đm. Tao đâu có ngu, đạn 12 ly 7 đụng vào là hết chữa, chết cái này lãng xẹt, đéch có tuyên dương công trạng được. Tôi báo cáo với ĐạiĐội Trưởng tình hình rồi xin mượn khẩu SKZ 57 ly. Tôi hỏi ông ta. Bây giờ tôi khai hỏa xông thẳng vào Đai Phát-thanh hay sao? – Bậy! Bậy! Chết bây giờ, xông con C. đội đó để tôi hỏi ý kiến Tiểu Đoàn...

Lệnh cuối cùng: không được khai hỏa trước, chỉ sẵn sàng tìm cách vào Đai Phát thanh và chiếm mấy cái xe thiết giáp một cách yên tĩnh...

Làm sao làm như vậy được? Xe nó bằng sắt chứ phải bằng giấy đâu mà tôi lấy khơi khơi! Tôi phản đối với Đại Đội Trưởng. Tôi không biết lệnh trên người ta kêu xuống như vậy! Tôi chửi thề với mấy thằng lính... Đm. muốn đảo chánh thì tới đây mà chiếm Đai Phát thanh, mắc mớ gì kéo tội mình vào. Tôi bò sát chân tường liếc về phía Đai Phát thanh để quan sát: 2 chiếc thiết giáp đậu im lìm chỉ súng về phía chúng tôi một cách đáng ngại, cửa các pháo tháp đóng kín chứng tỏ người ở trong đó đang sẵn sàng... Những cửa sổ trên lầu Đai Phát thanh lấp ló hòng súng và những chiếc áo xanh của lính bộ binh... Tôi bò lui báo cáo với Đại đội: Lên không được! Cả Tiểu đoàn có lên cũng chết nữa chứ đừng nói một Trung đội tôi... Anh cố làm sao vào trong đài đi! Tôi mở máy phân bua với mấy thằng lính... Đại úy bảo gắng vào đài. Thằng nào muốn làm ca sĩ thì thử liêu đi! Mấy tên lính lắc đầu cười méo mó...



Tôi bò ra ngã ba một lần nữa; bây giờ cửa của hai chiếc tháp đã mở, mấy anh lính thiết giáp leo lên ngói im lìm... Tôi bốt ngại; tháo chiếc khăn đỏ ở cổ ra phất phất mấy cái, mấy anh lính bộ binh từ trên đài đưa tay phất lại... Lính thiết giáp thì thầm hỏi ý kiến nhau. Tôi lấy tay chỉ vào người tỏ ý muốn vào đài; mấy anh thiết giáp gật đầu. Tôi chỉ vào chiếc xe và lấy tay đánh vào đầu tỏ ý sợ bị bắn, mấy anh trên xe cười rộ ngoắt tôi vào.

Xong tôi đứng dậy đi về phía mấy chiếc xe, mồm cười thật tươi. – Sao không có gì chứ bạn? Tôi hỏi mấy người lính ngói ở pháo tháp. Có mẹ gì đâu, tự nhiên bắt giữ Đài Phát thanh thì giữ chứ biết gì? Tôi ngoắc tay ra dấu cho Trung đội tôi chạy vào đài, lính vừa chạy vừa kháo chuyện cử y như trẻ con chạy đua... Lúc tôi vào đến trong đài, lính của tôi và lính bộ binh đang ngồi nói chuyện với nhau mấy thằng lính rờ vào lớp giấy chống tiếng động tại phòng ghi âm tò mò một cách khôi hài, có đứa dựng nắp chiếc piano lên. Đánh như điên... Cái phòng này để tụi ca sĩ hát ra dô đây mà... Mà hát cái lương tao coi chơi. Lính đùa như phá. Bên phòng kia, một anh đang ngồi viết bản tin mới nhất chắc thế nào cũng có câu: “Quân cách mạng đã chiếm lại Đài Phát thanh...”

Tôi đi vào tiệm phở ở trước cửa đài có mấy anh lính thiết giáp ngồi ăn ở trong đó, chúng tôi cười với nhau – Vừa rồi tôi cứ sợ các bạn bắn tôi chứ?

– Bắn ông làm quái gì? Đang đi hành quân bỗng nhiên được lệnh về giữ Đài Phát thanh chứ biết khi gì đâu. - Các ông ở đâu đến? - Dưới Mỹ Tho. – Tôi cũng vừa ở Bà Rịa về, chẳng ra con mẹ gì cả? – Ủ, người lính thiết giáp ghếch đôi giày đầy bùn lên mặt ghế đánh rầm.

Tôi bước chân ra khỏi quán phở, nói nhỏ với thằng lính: – Ở đây hình như có chỗ chơi bời? Mà kiếm thử xem. – Thấy thấp thoáng trước thêm đài một lô sĩ quan cao cấp đang đứng nói chuyện hân hoan...

Đột nhiên tất cả những ồn ào lắng xuống, tôi như bao cứng bởi một nỗi buồn rầu, giận dỗi vô danh – tội nghiệp cho tôi biết bao nhiêu, nào ai biết được? Sĩ quan trẻ đẩy lương lai!

*Sài Gòn tháng 2-1965*

# NGƯỜI **V**Ợ LÍNH

**Đ**óng quân ở ngoại ô Sài Gòn thật dễ chịu, nhiệm vụ của chúng tôi chỉ mỗi việc làm sao chia quân tràn ngập hết khu vực trách nhiệm: lục soát kỹ càng đường để Việt Cộng len lỏi đột nhập hoặc đặt súng cối bắn vào Sài Gòn.

Mày để Việt Cộng đặt súng bắn vào Sài Gòn là về nhà xách bị đi ăn mày! Anh Ba “râu” dặn tôi hàng chục lượt như vậy.

- Anh Ba yên chí, nó làm như vậy thì hãy bước lên xác tôi, ơ... nhưng mà nó bắn vào Sài Gòn chứ bắn vào mình đâu mà sợ

- C. nói như vậy thối bỏ mẹ.

Tuy nói vậy tôi cũng lo hết lòng, các Trung đội được phân tán mỏng khắp vùng ngày tuần tiểu đêm phục kích. Ra cái điều chỉ huy, tôi “chỉ thị” cho các anh Trung Đội Trưởng: Mấy ông làm sao để cho Việt Cộng đặt “ống nhổ” bắn vào Sài Gòn thì Đại đội tề hơn Đại đội Địa Phương Quân đấy. Xong rồi. Ban chỉ huy Đại đội cùng Trung đội súng cối, lựa một

cái nhà dân thật rộng, ít người, căng võng đào hố. Lính cởi áo đi bắt ếch, câu cá rô cho Đại đội trưởng nhậu rượu. Tôi mặc áo quần bà ba đen, đội nón lá mang súng colt mượn một con ngựa kéo xe, đi lính kính từ Bà Điểm lên các ấp thật xa, trông như một thứ hiệp sĩ lỡ thời đi tìm một quê hương đã mất. Hết rong chơi trong đồng ruộng, tôi kéo Mễ lên chiếc xe Honda đợi đến tối phóng về Sài Gòn, con đường đất lồi lõm gập ghềnh, chiếc xe phóng như bay trên mùi lúa nồng nàn. Hai giờ sáng trở lại, xe chạy như một cơn gió ngả nghiêng, ánh đèn dạt trên một vùng tối thăm thẳm, giọng hát nồng nặc hơi rượu vang nhừa nhựa như một cơn vui tàn tẻ, đang lịm dần. Những ngày ở Bà Điểm thật dễ chịu. Đóng ở Bà Điểm vợ con lính từ Sài Gòn hay các tỉnh gần thủ đô kéo lên nườm nượp. Từ ngày thành lập đến bây giờ Tiểu đoàn đi không ngừng nghỉ, nay về đóng được ở ngoại ô Sài Gòn, một hoàn cảnh thuận tiện để vợ con cha mẹ đến thăm.

Những người vợ lính tay bế con, tay kia xách một gói thức ăn, thường thường ló lên một ổ bánh mì – bánh mì một thứ quà không sang cũng không hèn, cái đáp số tội nghiệp và thích đáng biểu lộ một tình vợ chồng tầm thường, sâu kín nhưng thiếu thốn rất nhiều điều kiện vật chất. Bóng của những vợ lính đi trên con đường nắng dẫn đến nơi đóng quân của Đại đội gây cho chúng tôi những xúc động lặng lẽ thoáng một chút đắng cay.

Trong đám vợ của những người lính đến thăm có vợ thằng Bốn – thằng lính ở tổ chỉ huy của tôi, một gã trai người Trung hiền lành có thể gọi là ngờ nghệch; nhưng cô vợ trái lại có một vẻ ranh mãnh quỷ quyệt và ăn mặc lòe loẹt nổi hẳn lên giữa những người đàn bà nheo nhóc con cái... Có một điều lạ lùng mỗi khi tôi thúc dục đều vắng bóng nó – Thằng Bốn đâu rồi? – Dạ nó ra nhà máy xay lúa với con vợ rồi. Vì nghĩ rằng đấy chẳng qua là thái độ thông thường của những đôi vợ chồng trẻ, nên tôi bỏ qua! Tuần lễ đầu tiên đã hết chúng tôi đã dời Đại đội vào trong những khu vườn hoang xa các ấp có dân chúng. Gần đến buổi trưa có một chiếc áo màu thắp thoáng đàng xa, tiến về chỗ đóng quân... Lính kháo nhau âm ĩ. – Đm. lại vợ thằng Bốn chứ không ai nữa! Quả thật như vậy, cô ta đã đi bộ từ bến xe cuối cùng vào đến đây, gần 10 cây số đường ruộng, đôi dép Nhật nằm ở tay, quần xắn cao lên tận đùi hai vạt áo buộc trước bụng. Tôi gọi thằng Bốn, cho phép nó đưa vợ về Sài Gòn Thấy nét mặt ngây ngô bối rối của nó khi biết được tin cô vợ đang đợi ở ngoài bờ ruộng thật tội nghiệp.... – Cho anh đi phép đưa bà vợ về, mai lên và nhớ bảo đừng theo nữa. Khi nào ra làng rồi hay. Nó lúng túng ngượng ngập cảm ơn tôi, cúi mặt xuống đỏ gắt. Thằng Bốn vừa rời khỏi chỗ đóng quân tại lính bắt đầu kháo chuyện...

- Tao biết con mẹ này quá, nó “mê” chồng quá cỡ

rồi! Thăng Hùng, kẻ mồm mép nhất trong đại đội bắn quả đạn khơi mào...

- Sao mày biết rõ vậy – Sao không. Cứ nhìn cảnh nó lội ruộng vào thăm chồng cũng đủ biết. Còn hôm ở dưới Bà Rịa, thằng Bốn bị gác không về được, nó nổi điên... Đm. nó xa thằng chồng là “ứ” thối cái cần cổ! Thăng Hùng chấm dứt câu nói bằng một tiếng cười khoái trá.

- Mẹ, mày chưa có vợ thì làm sao biết chuyện vợ người ta. Anh thượng sĩ thường vụ “chỉnh” thằng Hùng.

- Sao chưa! Tui cũng vợ một con như ai!

- Đm. như vậy vợ mày đéo thương mày nên nó mới không thèm để ý mày.

- Vừa thôi ông ơi, chẳng thà vậy còn hơn kiêu vợ thằng Bốn.

Nhưng sau này thì tôi thấy rằng đúng là vợ thằng Bốn “mê” nó thật. Đóng quân dù ở hốc hẻm nào – chung quanh những cánh đồng lầy lội loáng nước mênh mông, ánh nắng chói chang phản chiếu trên mặt nước úa phèn, cô ta vẫn mò đến cho kỳ được, thấp thoáng từ một bờ ruộng ngoài chỗ đóng quân để đợi chồng – đang đi lục soát vào đến những khu sinh lầy miệt Xuân Thới Thượng xa tít.

- Bốn, mày coi lại chuyện vợ con đi chú. Tao thấy kỳ kỳ thế nào?

- Dạ em cũng biết vậy! Nhưng nói nó không nghe! Trung úy, nó nhỏ nhẹ trả lời tôi. Tôi không phiền hà gì hết! Tôi xác định để cho nó yên lòng!

Làm sao tôi có thể phiến muộn trước cảnh lúc buổi chiều kéo quân về đại đội vợ thằng Bốn tắt tả từ một gốc cây chạy ủa vào: – Anh Bốn, anh Bốn, em đợi đây từ sáng sớm nè!... Tôi làm sao phiến muộn nó khi thấy người vợ bắt đầu rời chỗ đóng quân lúc trời vào hoàng hôn, bước thấp bước cao trên con đường sóng trâu lầy lội sau một ngày chờ chồng, dưới gốc cây trong một cánh đồng nóng cháy. Có thể đó là một thôi thúc về tình dục của một tình yêu “mê” như lời thằng Hùng nói – nhưng điều đó có gì đâu phải hổ thẹn! Cách biểu lộ một đòi hỏi không che dấu, thái độ nồng nàn hối hả, một nét mặt bút rút vì thèm muốn dù sao vẫn là những sự thật tầm thường cao quý. Biết thế nào hơn khi cái thân thể ứa tràn sức lực đó, với kỷ niệm của những cảm giác đầy đủ đó rung động hoài hoài trên những cỏ hoa của trí não như một thứ sương núi không tan biến: Những kỷ niệm về một thiên đường có thật, một thiên đường thật rõ ràng gần gũi ở trong đó thân thể dật dờ ngậy ngất như một thánh súng được ban xuống cho cuộc đời nghèo hèn – làm thế nào hơn được khi cơ thể như một chiếc buồn no gió dật dờ trên một đại dương xúc cảm ào ào những lượn sóng tọt đỉnh điên mê! Người vợ đó vẫn là người đàn bà với sự thụ động thật tội nghiệp của nó. Có gì đâu đáng hổ thẹn khi đã có hàng ngàn ngày phản bội một cách thô bỉ, đã có hàng ngàn đêm lừa dối, mê muội đắm đuối bên cạnh một gã đàn ông. Một gã đàn ông không phải là

chồng! Một gã đàn ông không phải là người yêu – gã đàn ông cái đấp số độc nhất cho những thèm thuồng bông lữa, những ham muốn làm đục ngầu trí óc, dặt dờ thể xác, đốt cháy từ mỗi nguyên tử li ti của tế bào trong da thịt. Những ham muốn đã phải bị che dấu dưới một vẻ hiền lương chông chênh một lớp đôn hậu rồi bởi mực nát, hay một thứ đùng đăn bệnh tật nên khi ngã xuống, ngã thật sâu, lún chìm trong một vũng đặc đen cảm giác đồng nghĩa tội lỗi – với những phản ứng lâu ngày của một giống cái bị nhận chìm. Vậy thì có gì mà phải hổ thẹn cho một người con gái ít học, tất tả đi tìm chồng ở nơi xa, có gì phải hổ thẹn cho một người đàn bà phải nồng nhiệt với chồng sau những tháng ngày dài dằng dặc chờ – một đợi chờ thê lương của một nỗi say đắm bơ vơ.

Nhưng người vợ lính đầu có phải chỉ là một chờ đợi nặng trĩu dục tình như vậy. Đấy còn là những đốn đau lo lắng thốt không nên lời – những sợ hãi làm xanh da mặt, run đôi tay trong những sợ hãi khi nghe tin đơn vị đụng trận và có người chết. Ai? Chết lúc nào? Bao nhiêu người? Chạy thật nhanh từ trại gia binh qua đến hậu cứ của Tiểu đoàn. Nhìn vào văn phòng đại đội của chồng mình, hỏi những người lính ở hậu cứ. – Trung sĩ, chồng tôi sao? Có ai chết! Lạy chúa! Tôi cứ tưởng ảnh vì người ta nói là Hạ sĩ... Lạy chúa! Chúa đã được cảm ơn vì đã không gieo tai họa! Chúa đã được gọi đến như chúng nhân hào hiệp để chúng nhận dùm một hạnh phúc bình



thường. Người chồng không chết và sẽ trở về! Người lính đó còn là những cánh đồng phong ba cho cơn lốc của buồn phiền đau tủi, cho những đắng cay như hạt muối nóng đặt trên một vết thương rướm máu. Những buồn phiền động trên từng đầu ngón tay khi đếm những tờ bạc còn thơm mùi giấy, nhưng có một vết ố của đất đỏ hay một vết xám của bùn non do người chồng gửi về từ trận địa. Một anh lính bơ phờ gầy guộc ngồi đếm đi đếm lại những tờ giấy bạc bằng những ngón tay cẩu ghét, mơ ước bỗng nhiên xấp bạc trở thành nhiều hơn một giấc mơ nhẹ nhàng quên được cảnh đời với hai đôi chân đang ngập trong bùn và lúa cỏ ở bờ ruộng nơi ngồi xuống gây cảm giác ngứa ngáy, khó chịu như nổi hèn mọn đang có thật – những tờ bạc có được sau ba mươi ngày đo chân dọc bờ ruộng, trong rừng sâu, trên cồn cát, ba mươi đêm ngủ võng, nằm hầm, mắt mở thật lớn sau một lớp cỏ ướt sương và toàn thân ngâm chặt dưới nước bùn lạnh giá! Những tờ bạc chỉ đủ mua phần gạo cho một người đàn bà cùng bốn đứa con trong một tháng! Những người đàn bà vợ lính đó còn có những buổi sáng dậy thật sớm, bế đứa con nhỏ nhất, dẫn đứa bé lớn nhất ra đứng xếp hàng với những gia đình khác, đổi diện một dãy xe GMC im lặng. Toán lính ủa lên xe. – Nhớ đừng đánh bạc! Mình hãy cẩn thận! Nhớ gửi thư về thăm em! Có hàng quân tiếp vụ nhớ mua cho tui! Một ngàn căn dạn, vạn nỗi lo, triệu triệu lần lo lắng được biến thành câu nói một

mạc, giản dị nhưng ngậm ngùi như hai bàn tay bắt đầu rời nhau, như nụ hôn vụng về của người lính tắt dần trên má của đứa bé đang gục đầu ngủ kỹ... Minh đi bình yên! Câu nói tắt dần trong tiếng rú động cơ xe chạy như một nỗi thù hận không tên.

Người vợ lính còn có những đêm được đánh thức để nghe một câu nói lạnh buốt như mũi dao thật nhọn xuyên qua người, đâm lủng trái tim, những gân máu hai bên thái dương sẽ đập đập liên hồi, màu đen của đêm sẽ biến thành màu vàng, và trở lại thành đen nhưng một màu đen có mùi máu, một màu đen nồng nặc tiếng khóc và còi chết – màu đen của bất hạnh theo câu nói đi đến như cơn giông lửa – Anh chết rồi! chị chuẩn bị mai lên văn phòng, đi với tôi tới nhận xác... Người lính chết, chết là hết nhưng không bao giờ hết cho người vợ lính – không hết cho một chuỗi ngày tháng dài đằng đẵng sau lưng cùng với một lũ con nheo nhóc, những đứa bé sẽ lang thang trên các đống rác chất ngất được đổ từ những chiếc xe nhà binh Mỹ, thằng bé sẽ mặc cái áo của bố, dài đến tận đầu gối. Tóc rối, mắt khô, chân tay là những rễ cây khẳng khiu, đen đũi nổi những đường gân tím thẫm như đường giây điện chạy trên một bầu trời thê lương. Những người vợ lính và đứa con linh sẽ dự phần vào cuộc đua khốn nạn, dẫu chân trần sẽ vượt thật nhanh trên những hộp sắt bóng loáng hay rì sét, những bước chân chạy nhanh như cơn đói, mặc những vết cắt sâu hoắm vào

da... Chạy! Chạy thật nhanh để xô vào một núi đồ ăn thừa, một đống rác mới, bới móc, tìm kiếm, không phải bằng mười ngón tay nhưng bằng cả khốn nạn của một kiếp người... Có suối mồ hôi nào chảy trên đồng sinh lực độc hại đó, có giọt máu nào thấm vào và trái cam thừa, vỡ ra như một vết thương tủi nhục. Làm sao cho hết những ngày u tối của người vợ lính sau cái chết của người chồng?

Những ngày sau tôi đem Đại đội về đóng chung với Bộ chỉ huy tiểu đoàn – vợ thằng Bốn lên ở hẳn với một gia đình người dân trong làng chỗ đóng quân. Đúng cô ta quá “mê” chồng! Tôi nhớ lại câu chuyện vợ của một anh sĩ quan, chị ta tuyên bố: Tôi yêu anh ấy, tôi không làm sao chịu nổi, nên phải phạm tội... Lẽ tất nhiên đó là một hành động xấu, nhưng tội nghiệp biết bao khi khả năng chịu đựng của cơ thể một người đàn bà với những đòi hỏi nồng nàn như rượu đỏ. Hãy tha tội và nghĩ đến ngoại tình khốn nạn, ngoại tình như một trò chơi hay một bốn phần vinh hiển trong cuộc chạy tìm vật chất với những lý do bào chữa ngạo mạn xác xược. Hãy tha tội cho những linh hồn đơn sơ đó với những đòi hỏi nhiệt tình trên thân thể người chồng, để ném những viên đá trừng phạt trên những phần sơn rục rở nhưng che dấu những tàn tệ đáng hổ thẹn ngàn đời.

*Bà Diễm, Tháng 4-1966*



# LÁ CỜ TRONG ĐƯỜNG PHỐ

*gửi Phan Duy Nhân*

**C**húng tôi đến Đà Nẵng lúc thành phố đang nằm trong cảnh chết, nhà đóng cửa, thành phố vắng vẻ, giầy kềm gai giăng đầy; biểu ngữ chống chính phủ căng la liệt khắp nơi, thành phố lặng lẽ như một nỗi phản kháng tuyệt vọng. Im lặng đáng sợ như một trái bom đã được rút chốt.

Tôi không ngờ được trở về với thành phố tuổi nhỏ trong hoàn cảnh oái oăm như thế này, con đường Khải Định chạy qua đường Ông Ích Khiêm đến Chùa Tỉnh Hội giờ này đầy lặng lẽ và nguy hiểm. Con đường này thuở xưa qua khỏi cầu Vồng ngập lá phượng xanh dẫn đến biển, vòng xe đạp học trò lăn đi thản thoai như bánh xe hồng trong cổ tích nhưng bây giờ thì hết rồi..., chia lính đi hai bên đường súng cầm tay, áo giáp, nón sắt vì từ một ngôi nhà nào đó biết đâu không có một họng súng hướng về tôi? Người bắn đó là ai? Có thể là một người tuổi nhỏ tôi đã biết, tạm dừng chân ở cầu Vồng, xuống

khỏi chiếc dốc rẽ về phía tay trái, là đường Đông Kinh Nghĩa Thục, trước sân vận động: nhà của M. Tối mùa đông gió thổi, lá cây phượng rơi đầy sân. Tôi cùng T. và M. ngồi cạnh nhau ở bậc tam cấp trước thêm nhà; thổi khẩu cầm bài *Etoiles Des Neiges*, tuổi 17 đẹp như nốt nhạc hoang đường, tình bạn, tình yêu, ước vọng mù mờ của một tuổi mới lớn hòa hợp, se sắt nồng nàn như cơn gió mùa đông làm căng da mặt, nê những đường môi rơm rớm hơi máu nóng... Đà Nẵng bên kia cầu Vĩnh qua hai ngã tư, nghĩa trang người Pháp trên một đồi cao đầy bóng cây đại – tôi trải chiếc blouson trên một mộ bia ngủ thiếp đi trong mùi thơm nồng nồng của hoa sứ, trời mùa đông xám đặc như xuống thấp, trên độ cao u ám của nghĩa trang tôi sống như gạch nối của nỗi chết cùng sự sống. Bỏ nghĩa trang tiến thêm một đoạn, rẽ về phía tay trái: trường tôi. Thuở ấy chỉ có một dãy nhà ngang tám lớp, hàng cây phượng mới trồng trơ vơ trên nền cát trắng! Lúc nhập học trời vào thu, trong lá cây kiên kiên đầy bướm ngài sắc sỡ, lũ bướm chập chờn hay yếu đuối như một đời dài các phải chạm vào cuộc sống gió bão nơi chốn này, lớp học thứ hai kể từ tay trái, bàn thứ hai bên phải, tôi dùng mảnh chai khắc tên trên bàn học với hy vọng một tương lai trở về trong vinh hiển, đi vào lớp học ngồi lại trên chiếc ghế băng học trò mát lạnh, thật im lặng rồi chào người thầy học cũ để đi ra; thành kính như Đại tướng Carnot trong bài học thuộc lòng ngày nhỏ...

Nhưng bây giờ tôi đang trở về trên quê hương thơ ấu và không phải là như vậy, ngôi trường kia và tôi giờ này quá xa cách và người ở thành phố này có thể đồn ngã tôi trong khoảnh khắc. Đời sống đã giết hết kỷ niệm. Lệnh tập hợp đại đội lại đi về phía chùa Tỉnh Hội vì lực lượng biểu tình từ trong chùa đang tiến ra. Ở Sài Gòn suốt thời gian cuối năm 1964, tôi đã va mặt với đủ các loại biểu tình, đã hiểu thế nào là nơi chịu đựng của một người lính khi đối mặt với đám đông nhân danh Tổ quốc và Thượng đế... Nhưng ở đây thì khác tôi linh cảm đến một sức mạnh bí ẩn làm động cơ thôi thúc một tập hợp thật hỗn độn về một phía chống với Chính quyền. Đằng sau đám đông trước mặt này là gì? Tôn giáo, Đảng phái ái quốc cực đoan hay là mặt trận?

Tôi không rõ, nhưng với đám đông này tôi không thấy phần nộ như ở lần trước V.H.Đ. đường Trần Quốc Toản Sài Gòn, bây giờ là một nỗi buồn rầu mệt nhọc đang trải đầy...

Coi chừng tụi nó có súng, có thể chúng tấn công vào anh... Đám biểu tình dẫn đầu bởi một người mang lá cờ. Gã phất cờ và bắt đầu bằng những lời lẽ khích động, những lý luận thông minh, được diễn tả bằng một giọng hùng hồn đánh thếp đầy nhiệt tình. Tôi chóng mặt, người như muốn ngồi xuống với một nỗi xót xa... Dinh, đúng nó đấy, thằng bạn của tôi, thằng bạn của những ngày còn bé đã nuôi dưỡng hoài bão thay đổi đất nước và văn hóa... Không phải

là một hoài bão viễn vông nhưng là một ước vọng có thật ám ảnh hoài hoài và bây giờ cũng bằng giọng nói đó, ánh mắt đỏ rực lửa đam mê đầy nhiệt tình, nó đứng trước mặt tôi! Dinh ơi, mày có biết cho tao không? Lệnh tấn công được ban ra, tiểu lệnh riêng phải bắt cho được gã cầm cờ, chúng tôi và cảnh sát đã chiến bắt đầu tấn công, tôi thấy nó, thằng bạn của tôi, tóc xõa dài xuống trán, tay nâng cao lá cờ lúc chạy lui... Hình ảnh này giống như một cảnh trong *War And Peace* do Mel Ferrer đóng. Tôi không phải là Napoléon, nhưng cũng là kẻ chiến thắng trên bạo lực và thằng bạn tôi đang chạy lui về đằng sau, chưa bao giờ tôi cảm phục một người trong đời đến như vậy...

Một viên đạn nào đã trúng nó, tôi thấy nó ngã quy, cảnh sát đã chiến nhào tới, tôi thấy cánh tay nó đưa lên vùng vẫy, những ngón tay cứng rắn nhưng tài hoa – những ngón tay trước kia mỗi khi diễn tả ý nghĩa hay đọc một câu thơ, nó hoa lên trước mắt tôi...

*Dem tình thương dựng nên lời.*

*Không tro tàn, bếp lạnh*

*Mỗi độ xuân sang rộn tiếng trẻ thơ cười.*

Câu thơ mở đầu cho Đặc san *Chỉ Đạo* của Thủy Thủ được nó ngâm đi, ngâm lại nhiều lần, những ngón tay dài kia theo câu thơ chuyển động trước mắt tôi... Nhưng bây giờ chỉ còn là những ngón tay tuyệt vọng. Dinh ơi, tôi kêu những tiếng đau đớn trong lòng.

Từ thuở bé tôi vốn đã không thích làm chuyện



lớn, nhưng tôi với nó chơi với nhau vì cùng có thái độ thiết tha với những điều mình ưa thích. Những ngày ở Đà Nẵng tôi và nó chưa thân với nhau lắm. Nhưng kể từ những năm về sau, lúc nó về ở lại căn phòng nhỏ cạnh cầu Bạch Hổ – lúc này chúng tôi mới thật cần nhau. Căn gác nhỏ trong mùa mưa lạnh buốt như một thỏi đá, gió từ sông thổi lên luồn qua khe cửa trống trải lỏng lẻo. Nó ngồi như một kẻ điên, một thứ điên tỉnh táo, tội nghiệp, làm nhảm kể cho tôi nghe cảnh người ta vớt xác đứa em gái độc nhất của nó – đứa bé gái tóc dài, mắt đen, 12 tuổi, thông minh và xinh xắn như một nàng tiên nhỏ... Nó kể cho tôi nghe cảnh người ta kéo xác em nó vào bờ, rồi nó ôm cái thân thể nhỏ bé ấy vào tay, bế xác em đi thất thểu trong bầu trời đông u ám. Những câu chuyện rời rạc về một người cha, một người gác cổng xe lửa bị lao xương, một đứa em bị bệnh tê liệt, hậu quả của một thứ dương mai di truyền, lâu lâu lên cơn một lần giật bắn người, sùi bọt mép! Những câu chuyện đó lập đi, lập lại hoài bằng một giọng nói, không bằng những tiếng hú thất thanh, tuyệt vọng như một loài chó bị trấn nước.

Nhưng trong những ngày tháng thê thảm đó, tôi chưa hề nghe nó một lần than vãn. Không phải là một thái độ thách đố kịch cỡm, nhưng với một can đảm dũng mãnh, nó vẫn chủ tâm dịch cho hết cuốn *Condition humaine*, vẫn nuôi dưỡng những hoài bão tưởng như chỉ là huyền thoại và nhất là về thơ một

cách si mê, cùng với tình yêu của một người con gái tên Hà... Sau này có gặp phải những cảnh đời khắt khe, tôi vẫn cứ ngỡ rằng chịu đựng vì nghĩ đến nó, một thằng bạn dị biệt, tài hoa và can đảm đáng kính phục.

Từ đó trở về sau này, tôi không được tin tức gì về Dinh nữa cho đến ngày hôm nay. Không biết vì một chủ quan nào, tôi vẫn nghĩ rằng nó không thể là một người Cộng sản được. Đấy chỉ là một nghệ sĩ mang nhiệt tình vào đời sống và ấp ủ hoài bão làm quê hương lớn lên, tôi tin chắc như vậy. Dinh ơi, lâu quá tao không gặp mày, nhưng tao vẫn nhớ lá thư tình dài hơn hai mươi trang giấy học trò của mày. Nhớ, để nghĩ rằng đấy tuy là tình yêu mơ mộng của một tuổi mới lớn, nhưng đồng thời xác định nỗi nhiệt tình tha thiết của mày, lòng của một người luôn luôn muốn sống cho chân thật. Mấy năm sau này dù mày có vào khu ra báo cho mặt trận tao vẫn nghĩ rằng đấy chỉ là một thể sống trong giòng đời sôi nổi và đam mê của mày. Không có một chủ nghĩa Cộng sản nào trong mày hết, chỉ có một lòng tin: đem tình thương tạo dựng nên đời... Phải thế không Dinh? Tao là kẻ lòng bông, lếu láo ngay cả trong tư tưởng, đối với tao chẳng có gì đáng để gọi là lý thuyết và chủ nghĩa, những hình ảnh của mày để tao nhớ chỉ là những buổi chiều mùa đông, mưa giăng kín mặt sông, mày làm thơ để tặng cho Hà viết vào cuốn nhật ký của tao... “Từ đó xa em đời ở trọ”...

Mày chỉ nên làm gã thi sĩ lang thang. Ai có thể

biết được một tương lai sau này: Tao biến thành một tên lính chiến thắng, chúng kiến lúc mày ngã xuống cho một què hương thật đẹp trong hư vô.

*Đà Nẵng, tháng 7-1966*



# VỀ MỘT THÀNH PHỐ HƯ HẠI

**T**rên chiếc xe chở toàn thể sĩ quan về hội quán Phượng Hoàng, tôi chợt nhớ đến một điều hôm nay là ngày sinh nhật tôi đúng 23 tuổi...

Hôm nay là sinh nhật của tôi, tôi được hai mươi ba tuổi rồi đó... Thiếu tá Tiểu Đoàn Trưởng hơi đùa: Hai mươi ba tuổi, già quá hả? Mỗi người lao nhao theo để trêu chọc... Hai mươi ba tuổi, quan hai còn nhỏ lắm, không ăn thua gì đâu... Tôi phản đối nhưng cũng năm năm lính rồi, chứ ít gì. Đúc nói nhỏ vào tai: Mới bằng thời gian người ta đau lậu thôi con trai! Tôi cụt hứng ngồi im. – Thế nào người anh hùng nhỏ tuổi, nhớ vợ phải không? Châu “ghẻ” ké thêm một câu... Đm. con giai tôi dám không biết cái “ấy” của vợ ở đâu nữa, tôi cứ tưởng nó nhớn lắm, ai ngờ chỉ mới hai mươi ba tuổi. Anh Ba “râu”, tay ăn nói bạt mạng nhất ở Nhảy dù, phán thêm một câu làm tôi chết đứng... Tôi còn trẻ lắm, hai mươi ba tuổi chưa biết mẹ gì? Ai biết được thế nào là hai mươi năm đã qua của tôi – năm ngày hành quân vừa rồi, hai mươi

lầm cây số đường rừng không thấy mặt trời, ngày di chuyển từ bảy giờ sáng, đêm đóng quân thức giấc liên miên vì sợ Việt Cộng đột kích. Người tôi đã ở tận cùng của khổ cực. Tối hôm qua, tám giờ tối rút ra gần quận Lệ Thanh, miền núi đêm lạnh như cắt da nhưng cũng phải nhào xuống giòng suối lạnh buốt để kỳ cọ, nằm trái bắp sống ăn không kịp nuốt vì đói! Cảnh khổ của ba năm liên tiếp không đủ cho tôi già sao? Cực khổ, tai ương, nhọc nhằn, cùng với những rối rắm, phiền hà của thời gian qua chưa đủ làm tôi trở nên người lớn? Tôi lầm lì cho đến hết bữa ăn. Ăn xong mọi người kéo nhau vào phòng nhảy...

- Nhảy đi mà, có mấy em được lắm... Trang đề nghị -nhảy mẹ gì, mà cứ kêu bia cho tao. Cái phòng nhảy mờ mờ ảo ảo đến bực cả mình, ăn chơi tỉnh lẻ linh kinh, quê mùa không chịu được. Lại thêm cái anh Nhật Trường ở đâu lò dò lên ca một bài để tặng các anh chiến sĩ... Đm., tặng với chả tặng! Ngày hôm kia trong rừng sâu, đại đội tôi đi đâu chưa kiếm ra được bãi tải thương, hai thương binh mang theo nặng như hai bao gạo, rừng dày quá không cáng được phải dẫn tụi nó đi từng thước... Trên đầu, máy bay trực thăng lượn vòng đợi, dưới đất Tiểu Đoàn Trường thúc giục, tôi như cơn lửa cháy trong đầu, thế mà anh thợ hát này ở đâu trên L-19, bấm combiné của máy truyền tin không lực để hát một bài tặng các anh “thiên thần nón đỏ”! Hát với chẳng hát, tiên sư anh, tôi lại tặng cho mấy quả bây giờ. Tôi lầm bầm

chửi thể đứng dậy... Can! Can! anh Ba “râu” cuống quýt... – Thôi, thôi, cho tôi xin bố, bố không muốn ngồi đây thì cút đi chỗ khác! Đi đi cho được việc... Trang dẫn nó đi hộ tao, để nó đánh lộn ở đây thì anh Tường ảnh nhốt cả lũ bây giờ – Cút! Trang dẫn tôi ra cửa, có con hổ nhồi bông ở ngưỡng cửa ra vào, tôi sẵn chân đá luôn một cái. Mẹ kiếp! cứ voi với hổ suốt cả đời.

- Bây giờ mày muốn đi đâu? Trang hỏi.

- Tao đi lang thang.

- Đi lang thang làm quái gì? Lên cái chỗ “dưỡng quân” cho biết – Ủ, đi thì đi. Trung tâm dưỡng quân nong nặc khói thuốc, ta với Tây hỗn độn, chen chúc; bia được uống không phải từng chai nhưng từng két; uống để đê xuống cái mùi gái, mùi lính, mùi nước hoa dĩ thỏa, mùi của thân thể không được tắm rửa, mùi của “chất” đàn ông và đàn bà sau ngàn lần ân ái, bao nhiêu lâu đọng trên giường, trên gối, trong kẽ ngách, dưới sàn nhà – sàn nhà, một địa ngục thô bỉ được soi sáng bằng ngọn ngọn đèn lù mù yếu ớt, dày đặc đất đỏ của muôn ngàn đôi giày lính dẫm lên; hàng trăm cái “áo mưa” nằm lênh kênh, tung toé – để giấy nhà binh dẫm lên nhừa nhựa, như lên thân người chết! Chưa có chỗ nào thô bỉ và nhầy nhựa hơn... Con gái điếm đứng trước mặt, ánh sáng không soi rõ chỉ thấy một phần bụng nhăn nheo, đầy vết thâm tím thẫm.

- Anh cởi quần áo ra đi chứ? Im lặng. Nó vẫn tiếp

tục cởi một phần áo quần còn lại... đến ngồi bên mép giường. Xong đưa tay ngoắt tôi:

- Em cởi quần áo anh nghe? Nó đưa tay lên nút áo của tôi... – Không cần để thế này “chơi đúngng”! – Đâu có được?

- Sao không?

- Em không quen, khó chơi lắm, với lại em thấp thua anh – Ặn thua mẹ gì! Mà đúng trên giường. Con bé lắc đầu không chịu... Tôi đấm một cái thật mạnh, nó văng giữa người trên chiếc giường la inh ỏi. Ngoài sân có tiếng người chạy, phòng bên cạnh có tiếng con điếm khác chửi thẳng Mỹ toi bời... Fuck you! Tôi phóng nhanh ra cửa, ngoắt Trang leo lên xe, chạy nhanh như chớp về phía Pleiku... Mà say rồi hả? Ừ. Tôi nhường lái cho nó, người mệt lả như sau một cuộc đua quá sức...

- Bây giờ làm gì? Trang hỏi... Cứ đi vào cái bar nào đó chẳng được. Pleiku, thành phố của snack bar, người tử tế không có ai ra đường sau tám giờ tối, tôi nghĩ vậy. Thành phố của đi điếm công khai, của đổi chác dâm dật lộ liễu, thành phố hết tình người, giữ gìn làm gì? Phải, giữ gìn làm gì? Phá cho thả cửa... Còn gì nữa đâu, thành phố này chỉ trước hai năm thôi, tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu tư, tôi đến đây chạy như giông bão để tìm em. Tôi đến đây vào buổi tối, trời mù sương thành phố kín cửa, tôi chạy như kẻ điên, như người mất trí; tôi đập cửa từng nhà, hỏi gặng từng người qua mặt... em ở đâu?



Em ở đâu?... Đây là nhà em, con đường Hoàng Diệu nổi dài hoang vắng, lầy lội không ánh sáng, không bóng người... Tôi chạy vào nhà em – tưởng chừng như có giọng nói, nụ cười và em sẽ có, có thật đây đủ, có như những lần đã có trong tay tôi...

Nhưng tất cả không còn gì? Chiếc dốc thật hoang vắng đưa tôi về chỗ trọ, buồn thảm như đường về cõi chết....

Hơn hai năm đã qua, hôm nay trở lại thành phố, còn gì đâu những ngày xưa nữa... Đĩ điếm, xanh đỏ, loè loẹt xuất hiện trong đường phố; tiếng cười và giọng nói đâu còn vóc dáng Việt Nam, và em? Và em cũng đang tan biến đâu rồi trong tận cùng đổ vỡ của quê hương...

Tối hôm đó, tôi không biết đã đi vào bao nhiêu quán rượu? Không biết phải chứng kiến bao nhiêu khuôn mặt nham nhở, bệnh hoạn, bao nhiêu chiếc mồm thoa son đỏ loét mở ra, khép vào như những vết thương ghê lở. Tôi chỉ biết rằng say, say thật nhiều. Say đi, quê hương ta còn không giữ, giữ gì đến thân ta... Say đến nỗi không nhắc nổi bước chân; và vào lúc mười hai giờ đêm, thành phố chỉ là một lớp sương mù bao phủ, le lói vài ánh đèn đường nhạt nhạt mênh mông, tôi ngồi ngay hè đường run rẩy ăn tô phở, ánh lửa hồng từ bếp lửa chiếu lên chập chờn soi rõ mặt... Mấy ông đi chơi gì mà khuya vậy? Người bán phở hỏi vu vơ... một giọng nói người Huế khàn khàn; lại một kẻ đi tha phương kiếm sống như tôi đi

đánh giặc kiếm tiền! Trang hát nhỏ, thì thầm một  
đẳng cay, xót xa nào đọng trên mi mắt. Ngày này tôi  
được hai mươi ba tuổi.

*Pleiku, tháng 9 năm 1966*

# NÓI VỚI CÁC EM **BÉ** CỦA QUÊ HƯƠNG

Từ tháng tư đến hôm nay là sáu tháng, sáu tháng liên tiếp của những ngày dài hành quân không ngừng nghỉ. Tháng 4 tháng 5 ở ngoại ô Sài Gòn. Từ Vĩnh Lộc kéo qua Vĩnh Hạnh đến Bình Trị Đông, cả một giải ruộng đồng từ Bà Điểm đến Bà Quẹo, đi qua quen thuộc từng bờ ruộng, từng cây đa, đình làng, trường học. Đứng ở ấp Vĩnh Lộc nhìn về phía trái là Vĩnh Tín với một tường đất bao bọc chung quanh, nhìn lui lại Vĩnh Hạnh với những cây ô môi xanh ngắt, bên phải ấp là đường liên quận có ngôi chùa đổ, những hồi chuông buồn ngân êm ả... Tôi đã gặp được các em trong xóm nhà lá từ mù ánh đèn dầu, các em đang đưa ngón tay thơ ngây trên từng chữ cái, trong bóng tối âm u của xóm nhỏ, tôi căng võng ngủ ngoài hiên nhà nghe em học cừu chương, tập tính toán để biết rằng đời chồng chất bao nhiêu u tối. Tôi gặp em với thằng Năm “điên” ở cuối ấp ông Cha. Tóc em dài xuống gáy nhưng nét mặt em nhanh nhẹn và thông minh. – Em có đi học không? – Dạ có,

vừa đậu vào đệ thất... Em vừa đậu vào đệ thất, có một cái gì cảm phục tràn đầy trong lòng vì tôi biết rằng em sẽ phải đi bộ hàng ngày một quãng dài từ đây về trường quận, vở cầm tay, chân đất, đầu không nón em sẽ đi một mạch từ xóm Gò Cát băng qua một dãy ruộng dài, lầy lội, vượt qua cái kinh nhỏ ra ấp Tân Quý để rồi theo con đường đất đỏ lồi lõm đến Quốc Lộ, nơi có ngôi trường... em sẽ dậy từ lúc 4 giờ sáng dẫn trâu ra đồng cho ăn thật no, trở về lúc 5 giờ kíp gói lá chuối đựng phần cơm thật thanh đạm, gồm có nhúm cơm với con khô bằng ngón tay cái – Em sẽ học những gì hở em bé? Em sẽ học về vận tốc của xe hơi, của tàu bay, em sẽ học về điện – cái phép màu mà xóm quê chỉ nghe kể đến trong hàng chục năm nay; điện, cái ánh sáng rực rỡ người của xóm em vẫn thấy ở Sài Gòn nơi xa, xa chỉ 5 cây số đường chim bay, điện, nơi chỉ có ở huyện thoại, ở sau lưng thôn xóm một đường nhìn! Hãy gắng lên em bé ở ngoại ô Sài Gòn đừng nghĩ rằng sẽ học để biết nói tiếng Anh là kiếm ra tiền, hãy học thật giỏi để hiểu rằng em đang sống trên mảnh đất màu mỡ nhất của quê hương, học để biết ngựa Bà Điểm là một thú ngựa giống hạng tốt nhất thế giới, giống ngựa thật đẹp đẽ, rũ bờm chạy trên bờ đê buổi chiều dưng mãnh như đà sống của dân tộc. Hãy học thật giỏi để trở thành những người chủ của quê cha, xóa tan những hận thù tàn bạo của lớp cha anh đã để lại như vết máu hoang trên bờ tre của ấp Xuân Thới Thượng;

học để biết ở 18 thôn vườn trâu ở Hóc-Môn – quản lý bên kia Quốc lộ – ở đó đã có những người nông dân vô danh với can đảm của một người sống cho quê hương, đã đánh tan một đạo quân hung tàn, đầy vũ khí... Học đi em, em bé của ấp Gò Mây, Gò Cát, học để xây dựng tại nơi đây, nơi đầu của kinh, nơi con Nụ, con Xe (ở đây người ta đặt tên cho trâu, bò) đang gặm cỏ, xây những ngôi nhà thật vững chắc, không phải để ngoại kiều mượn nhưng để thay thế vào những chiếc nhà đã cũ kỹ sẽ sụp xuống cùng thời gian và giông tố, học để điện sẽ sáng trên con đường Vĩnh Lộc. Học để xây một chiếc nhà máy xay lúa thật lớn ở Vĩnh Hạnh, người ta sẽ gánh lúa từ Bà Hom, từ Bà Điểm đến, người ta sẽ gánh lúa từng hàng, từng lớp để về đây, nhà máy sẽ chạy suốt đêm, nhà máy sẽ chạy suốt ngày và hạt gạo trắng ngần “hạt ngọc của trời” sẽ chảy hoài như một hy vọng không tắt – bé thân yêu ơi, hãy học thật giỏi để đánh tan u tối, để đánh tan nghèo hèn – học để không sợ hãi, học để xây dựng lại quê hương.

Tháng 8, tháng 9 quân lên miền cao nguyên, tỉnh Pleiku, thành phố ngập lụt dĩ điểm và hư hại, thành phố của tội lỗi phủ đầy như cơn sương buổi sáng – nhưng tôi hy vọng ở các em, những em bé khoẻ mạnh, trắng hồng, má đỏ, em sẽ là những chim sẽ mang về tươi vui thành phố, các em sẽ là tiếng hát thơ ngây vang lên trên đường dốc lầy lội bùn non. Nhưng các em quá tệ, các em đã đốt thuốc để gán

đầu môi, các em đã ngâm lệt một miếng thuốc để làm vè giang hồ một mối! Các em thở từng đám khói xám ra đằng mũi, tang thương như một phần đời của tuổi thơ bị đốt cháy. Các em đã tập ngồi cong người ở quầy rượu, đã nhìn vào khoảng ngực trần của đám gái xanh đỏ một cách si mê, các em đã giành giật, đánh lộn để nắm tay cho được một tay ngoại nhân, bàn tay em nắm được sẽ là dấu hiệu của sự thành công! Người chủ chứa sẽ cho em tám chục đồng bạc, tưởng thưởng cho một sự khôn khéo và xoay xở... Em có biết chẳng em đang đi trên một đoạn đường ghe lở nhất của đời người; em đang dục phần vào một cuộc mua bán ghê tởm nhất của nhân loại: bán thịt người, thịt của những gái quê ít học, thịt của những thiếu nữ Việt Nam, những người chị của các em đã ngã xuống trong một khoảng đời chông chênh và khờ dại. Các em có biết chẳng, những chú bé ở Pleiku, các em đang tuột dần xuống một vực thẳm đen đúa, tội lỗi, các em đang khởi đầu cho một nghề nghiệp xấu xa hơn kẻ sát nhân: nghề ma cô, nghề dẫn khách cho gái chơi, cái nghề tục tằn và khốn nạn nhất của con người – ôi các em đã làm ta chóng mặt!

Bây giờ tôi đang ở Bình Định, quê hương của dừa xanh và hào khí Quang Trung. Từ đèo ông Hồ đổ xuống đèo Phù Cũ, quân đi như chạy đua – ngày hôm kia một Tiểu đoàn của Trung đoàn 42 đụng địch dưới chân đèo, những người lính bộ binh đã dồn địch chạy từ phía biển, quân nhảy dù phải xuống thật

nhANH để chặn con đường Việt Cộng chạy ngược về Bồng Sơn. Lệnh được chặn đường đèo lại, xe cộ, bộ hành tất cả phải được cấm không cho vượt vào khu đang độnG độ... Chính lúc này thì tôi thấy em, tôi để ý đến em vì đôi mắt em đầy thù hận. Ngày hôm kia bên kia đèo ông Hổ, ở ngọn đồi cuối làng Hà Tây anh đã mất một người bạn, bạn anh chết thật tức tưởi, nghẹn ngào vì quả mìn độc ác, chết chỉ kêu được những tiếng: Nam... Nam... ngón tay run run chỉ tay vào vết thương người tái xanh vì lo sợ và chết đi như cơn gió vô tình thổi qua! Nhưng anh đâu có lòng nào thù hận trong cuộc chiến này, anh chỉ mong đi kiếm một thanh bình cho quê hương. – Em thấy đó, cả một đoạn đường xe lửa ngút ngàn bị bóc hẳn, cha chú của em ở vùng này đã đào xới, đã cắt khúc mạch máu của quê hương để làm hàng rào, thành lũy cho “thôn giải phóng” có giải phóng gì đâu em? Anh chỉ thấy giải phóng cho những mặc cảm què cụt hận thù vô lý. Em thấy đấy, mấy con đường Quốc Lộ số 1 sinh lực chính của sức sống dân ta tổ tiên đã tạo nên bằng những nhát cuốc dũng cảm, đã đổ từng tảng đá kiên trì trong cuộc Nam tiến trầm lặng nhưng vũ bão. Nhưng em thấy đấy, người anh, người cha của em đã đào xới con đường trong tột đỉnh của phá hoại, đã chôn mìn từng mỗi thước đất ở vệ đường, đã đào hầm chông dưới mặt lộ. Có giết được thằng “Mỹ ngụy” nào đâu em, anh chỉ thấy một chiếc xe hàng nằm chơ vơ chổng bánh lên một trời tang thương và

dưới đất la liệt thịt da cùng xương máu. Em bé Bình Định ơi, đừng nhìn anh đầy thù hận và hằn học như vậy! Các anh đến đây rồi đi xa, quê hương này trả lại cho các em để lấp lại những hố mìn, trồng lại cây dừa bên cạnh chiếc đầm xanh ngắt ùn ùn sóng vỗ, trả lại quê hương này cho em để em biết rằng hạnh phúc thật sự là chiếc xe hàng chạy suốt từ Bồng Sơn qua Vạn Phú, Dương Liễu, Bình Dương Đông, qua đèo Nhông đến Phù Ly, Phù Cát. Hạnh phúc là con đường đất đỏ từ Quốc lộ vào đến tận bờ biển không có chông mìn, hầm bẫy để một chiếc xe lam chất đầy dừa xanh và cá biển chạy bình yên trong ruộng lúa làm nháy nai một bầy trâu đang ngơ ngác đứng gặm cỏ bên đường. Đấy các anh đến đây chỉ để cốt tạo nên những hạnh phúc nhỏ nhoi đó, các anh nào phải là một một lũ lính “ngụy” hung tàn, hiếu sát, nhậy dù chuyên mổ tìm người! Tội nghiệp các anh lắm, chú bé Bình Định ơi! Hãy xóa tan thù hận, mở đôi tay để nhận quê hương rách nát này và xây dựng nó đẹp như hồi kết thúc một màn hát bội đầy màu sắc của quê hương em... Đất cát này anh trao lại cho em cùng với tương lai.

Nhưng thôi, tất cả giận hờn, hy vọng, bực bội ở trên xin xóa bỏ vì anh thương các em, một nỗi thương xót thật tình, thương như chính thương thân. Không thương mến sao được khi các em được ném vào trong một đời sống nghiệt ngã với thân thể mong manh của một loài cỏ dại và trí óc vang hoài



hoài những mơ ước thật tàn tệ, những mơ ước có được một chén cơm gạo đỏ trên nằm cong một con cá khô nâu sậm, chắc chắn được cắn chặt giữa hai hàm răng: các em có những mơ ước thật tội nghiệp như dùng hai bàn tay bám đầy đất mở lần lần lớp giấy bóng của một chiếc kẹo chanh và nhẹ nhàng đút vào mồm, mút nhẹ, sợ tan đi chất đường mỏng manh như niềm vui ngắn ngủi. Anh cũng thương các em biết bao nhiêu – các em từ một nhà mồ côi, các em ngơ ngác, vô hồn như một lũ ma hoang, vất vưởng từ một địa ngục có thật ở địa cầu. Anh đã thấy các em nằm la liệt, đầu trọc, thân hình khẳng khiu, gầy guộc trợn trừng nhìn vào một khoảng không. Im lìm như phiến đá lạc loài trên sườn núi. Anh thương các em vì nhớ cảnh 15 năm về trước, từ viện mồ côi bà xơ trước trường Thánh Tâm ở Đà Nẵng, hai em trai khoảng 12 tuổi, mỏng manh trong hai chiếc áo người lớn phủ dài xuống đầu gối, những tảng tóc đen kịt, cái bản mọc dài xuống gáy, hai em chân đất run rẩy đi trong lạnh cóng của mùa đông, còng lưng dưới sức nặng của chiếc quan tài – chiếc quan tài đóng bằng gỗ của két đựng sữa còn nguyên những chữ Nestlé, Mont-blanc, chiếc quan tài vụng về với những chiếc đinh đóng cong queo nửa chừng bị đánh cụp lại, chiếc quan tài có những khe hở thấy rõ da thịt của một kẻ chết trần truồng ở trong, một kẻ chết chưa có ý niệm về đời sống, kẻ chết với 6 tuổi đói khổ, thê lương, chết vì mắc bệnh kiết lỵ, kiết sức

vì đại tiện nhiều lần, không phải là đại tiện, nhưng là một thứ bài tiết những chất lỏng lợn cợn, một thứ nước đục lờ nhờ như máu - em đã chết vì “ia” hết sinh lực của đời em. Hai em đã gánh xác chết đó đi lang thang dọc theo đường Hùng Vương để ra mạn ngoại ô ở ngã ba cây Lang; đoạn đường dài hơn ba cây số đã kéo mất hết sinh lực của các em, vì các em đói; các em đã đặt cái quan tài thảm hại đó biết bao nhiêu lần để ngừng nghỉ trên đoạn đường đưa kẻ chết vào lòng đất. Các em còn tội nghiệp ngàn lần hơn kẻ chết vì còn đang sống; các em đặt chiếc quan tài bên vệ đường để dựa lưng vào những gốc cây kiêu kiêu ngời thờ nhìn những người qua đường uống những ly nước đá chanh với tia nhìn xót xa như nước mắt. Rồi cả ba em, hai đứa gánh quan tài, đứa cầm cuốc đào huyệt vì quá thèm thuồng đã vây quanh chiếc xe bán nước giải khát nhật những vụn đá rơi xuống đất. Cả ba đứa há chiếc mồm đói khát lên trên một mẫu đá bám đầy bụi đỏ... Có em nhật được thổi nước đá lớn định đút vào mồm, nhưng sau một thoáng tần ngần em đi đến chỗ quan tài, đặt thổi đá trên đầu ván thiên... Em nhường thổi đá lại cho đứa bạn thèm thuồng đã chết! Nước từ thổi đá tan ra đọng trên lớp gỗ thấy ghê người như dòng máu chảy từ thân ma. Rồi các em tiếp tục bước xiêu vẹo mang đứa bé chết ra ngoại ô. Cánh đồng cát khu nghĩa địa chơ vơ hoang vắng trong chiều đông với những ngôi mộ nghèo nàn đắp bằng cát loang lổ một

thứ cở đại đầy gai sắt. Ba đứa em thay nhau đào chiếc huyết; gió rét luồng qua manh áo mỏng làm run nhát cuốc. Những giọt mồ hôi đã đọng đầy trán nhỏ rơi xuống cánh môi khô nẻ vì thiếu ăn. Huyết đào xong các em đặt nhẹ chiếc quan tài xuống, không quên lấy lại chiếc thùng – để còn chôn thùng khác – ôi, chôn kẻ khác hay là chính thân thể các em. Ba đứa không dám dùng cuốc để đẩy cát xuống huyết vì sợ kinh động kẻ chết; các em dùng chân để lùa lớp cát đầu tiên... Những hạt cát xám theo kẽ hở chạy vào lòng quan tài tạo thành những đường nứt nẻ trên lớp áo quan... Tưởng tượng khuôn mặt của người chết phủ đầy cát bẩn, anh bần khoản như một kẻ phạm tội nặng nề. Ngôi mộ được đắp cao khoản tám phân, em bé nhất tiều tiện lên đó – để giữ cho cát khỏi trượt! Tội nghiệp cho em biết bao, với mười tuổi hơn em làm sao biết được đó là điều sỉ nhục kẻ chết, em chỉ biết đem một phần phẩm vật của thân thể – dù là một chất nước thừa tặng cho người bạn nhỏ đã già từ đời. Các em làm dấu thánh giá chấm dứt bài cầu kinh ngắn ngủi, bóng ba đứa lủi thủi bước về tội nghiệp như xác ma lang thang trên bất hạnh.

Nhà anh ở ngoại ô trông ra một cánh đồng nghĩa địa, bên trái là Quốc lộ 1 bên phải đường sắt xuyên Việt đi ra Thừa Thiên. Tuổi nhỏ thuở ấy cũng rất là nghèo khó; suốt ngày thơ thẩn dưới gốc cây kiền kiền để nhặt những trái rụng chơi trò giặc giả với một kẻ vô hình. Nhà anh ở thật cô đơn dựa một

rừng lau ngút ngàn không hàng xóm, hoặc anh đến cây quăn ở ngã ba, bên cạnh đình làng tìm dưới lớp cỏ xanh kín những trái quăn vàng tươi nhỏ bằng đầu ngón tay ngọt, chát, ứa một lớp mũ trắng giữa hai kẽ răng. Anh thuở ấy cũng chẳng lớn hơn các em bao nhiêu nên khi nhìn vào những đám ma cô quanh đó lòng có những đốn đau kỳ lạ phủ đầy phần nộ xuất hiện như ý định giết người trong đêm khuya chợt vụt lên trong một linh hồn tịch mịch. Nhưng từ đấy anh nghĩ rằng mình vẫn có hạnh phúc trong vòng tay của gia đình, dù là một gia đình thật nhỏ nhưng cánh tay của mẹ thì đầy đủ và vĩ đại. Đã bao lần ta đi theo các em, ta đã giúp các em “chôn lại” một thân thể hôi hám dòi bọ vì lần chôn trước quá cạn mưa làm trôi cát đi để lộ chiếc quan tài vỡ tung, chân đứa trẻ chết co lên lộ hẳn ra ngoài, chiếc đầu gối mất một miếng thịt vì lũ chó hoang đói khát. Những ngày quen với các em anh còn hiểu được một điều: những phán xét của đám đông phần nhiều tàn bạo và độc đoán; vì người ta nói rằng con trẻ ở các viện mồ côi hung tàn và quá độ. Chính mẹ cũng cấm giao du với các em, nhưng khi ở gần các em anh mới biết đời bất công và nghiệt ngã. Các em gọi anh bằng anh, một chữ anh thật trang nghiêm và tha thiết, nào có xứng đáng gì đâu: cũng tang thương ốm đói như các em; nhưng các em quý trọng anh như chưa quý trọng một ai khác, không phải vì hai đồng bạc nhịn quà sáng để mua tặng các em nằm xôi ở hàng

xôi đầy dẫy phu phen trước chợ Cồn. Nhưng các em kính trọng vì sáng đó anh đi học ngược đường gặp các em gánh quan tài đi chôn... Chúng ta gặp nhau ở trước hàng xôi đó, lúc các em vì đói và mệt nên đặt chiếc quan tài ngay lề đường ngồi bó gối nhìn người lớn cắn ngậm hàm răng vào những miếng xôi bốc khói. Không, các em không cảm phục vì năm xôi nhường lại nhưng các em kính nể sự học mà anh đang có được.

- Anh học đệ thất hả?

- Ừ...

- Năm nay anh mấy tuổi...

- 12 tuổi, đệ thất là đệ tiểu học rồi. Giải thích cho các em nghe với một thống khoái hân hoan. Ngồi trên một rễ cây, nhìn các em chia nhau phần quà sáng, chợt khám phá ra niềm hạnh phúc tuyệt diệu: hạnh phúc vì được yêu mến và thương người. Anh học bài học nhân ái cho tuổi thơ trên lề cạnh một thầy chết lạnh tanh.

Các em bé thân yêu, các em đang lớn và sẽ lớn trên quê hương khốn khổ này; thuở bé anh đã mang trong người bao nhiêu tin tưởng hy vọng như một người già trồng cây nhỏ trong khu vườn với tin tưởng ngày cây xanh lớn... Nhưng đời đã đốn ngã rồi – anh chưa hết tuổi trẻ mà nghe như máu buồn phiền trôi giạt bênh bồng trong châu thân. Anh còn ở tuổi trẻ, nhưng tuổi trẻ cũng nhạt nhẽo như một ly rượu lỗng ra vì nhiều đá, nhờn nhợt hắt hiu se sắt như một

thứ mưa nhỏ vừa đủ ướt bàn tay trong buổi chiều miến Nam đột nhiên u ám một tiết cuối năm... CƠM mưa muộn màng như một thứ núa kéo võ vàng, tội nghiệp. Anh đã trồng bao nhiêu thương mến cho đời trong tuổi nhỏ, rồi đến bây giờ cũng queo quắp, khô héo như một thứ cây độc hại trồng trên một xác chết đang rửa nát, nằm dưới một lớp cát bốc hơi rừng rục. Thôi, anh và cái tuổi trẻ mất dạy này đã nát ra như một thức ăn thừa ném vào lòng cống rãnh – anh gởi hy vọng này lại cho các em. Hãy quên hết khổ khổ, xóa hết oan khiên, quên một tuổi thơ đen như lòng địa đạo, khô như nắm cơm rang cùng vài hạt muối được nuốt vào lòng sau hai ngày nằm bên xác nội, cuối cùng một đường hầm xâm xấp bùn non... Quên hết đi các em, hãy hy vọng như những ngày em cắp sách đi học từ ấp Gò Cát lên đến Bà Điểm; những ngày em theo cha ra đầm Trà Ổ quăng chiếc lưới óng ánh ánh mặt trời, hãy thổi bùng những hy vọng để sống cho đáng mặt người. Hy vọng để sống như nụ cười. Hãy hy vọng để qua chặn đường đỏ lửa này nổi sức cho các anh – kẻ thụ nạn tội nghiệp của một chiến tranh tồi tệ.

*Bình Định, Tháng 10-1969*

# XIN CHO ĐƯỢC NÓI

Những giòng viết sau đây thuộc về phần độc hại nhất của cuốn “Dấu binh lửa” – bị kiểm duyệt. Thoạt tiên tôi cũng rất đồng ý với nhân viên kiểm duyệt. Cái đoạn “mất dạy” này đụng chạm đến nhiều thứ: Anh bạn Mỹ Quốc và tập thể lớn nhất Quốc gia – Quân Đội – không những đụng chạm mà còn có thể nói xỏ xiên, bôi xấu. Chẳng phải bằng một thứ văn chương quý phái gì nhưng bằng một thứ chữ nghĩa hần học, một thứ xà phòng đen chà sát tận tình... Tôi đồng ý cũng vì nóng ruột một phần muốn xem “tác phẩm” đầu tay của mình sớm chào đời, đồng thời anh “Giám Đốc” tổ hợp Đại Ngả cứ cười ruồi khuyến khích: In được là quý giá lắm rồi con trai ạ... Thế cho nên đã bắt tay cầm ơn rồi rít, hân hoan ra về. Nhưng đến hôm nay, lúc bình tĩnh nhất, ngồi đọc lại thật kỹ để thấy rằng những điều tôi viết thật đúng, rất đúng, có thể nói là không có gì đúng và thật hơn nữa. Và nếu như thế thì sự cho in, tôi nghĩ vô cùng cần thiết và đúng đắn. Tôi sẽ nói

rõ từng vấn đề một, nói với một sự chủ quan, lẽ tất nhiên, nhưng chắc chắn rằng rất trung chính. Trung chính xứng danh cho một người cầm viết, viết một giòng đời mình chứng kiến.

Thứ nhất đối với người Mỹ; có thể nói rằng nếu có một hạng người nào ở Việt Nam có cảm tình chân thật với người bạn Mỹ thì đấy chính là những người lính Việt. Những người lính tổng quát, những người lính ngũ võng, ăn cơm sậy, uống nước hổ bom... chú không phải là những người lính “hành chánh” – nếu có sự OK của ông cố vấn, tất cả mọi chuyện sẽ trở nên tốt đẹp, và không, sẽ là những cảnh ngồi chơi xơi nước, ăn mà bị gậy. Cũng không phải những người lính “giới chức” chỉ huy thì lem nhem, tài năng chỉ bằng hạt cát, nhưng ông cố vấn gặt đầu thì tất cả thừa thắng xông lên. Không, cái số nhỏ đó không đáng bao lăm, tôi muốn nói đến những lính thật thà chỉ cho một anh Mỹ lối vào hầm bằng một giọng Việt Nam... Ê... Ê hầm đây Mỹ! Trong khi chú GI cuống quýt vì phi trường Dakto cháy và nổ như một rừng bom. Tôi muốn nói nỗi biết ơn của một người lính Nhảy dù bị thương nằm tênh hênh dưới nắng... trận đánh còn đang tiếp diễn với mức độ tàn khốc, nhưng trên trời chiếc trực thăng tải thương của Sư đoàn 1 Không Kỵ Hoa Kỳ vẫn lượn vòng chờ đợi. Sau một cái nheo mắt, anh Phi công tuổi vừa quá hai mươi làm một cú rơi tự do chiếc trực thăng đang ở thể hovering rơi xuống như một viên đá. Sự sống của



phi hành đoàn, giá tiền của chiếc tàu bay với mỗi giờ bay gần trăm ngàn đồng tiền Việt... tất cả chỉ có làm sao cứu cho được anh lính Việt Nam nghèo hèn... người lính Nhảy dù đã tỏ lòng biết ơn khi xuống đến Phi trường Tây Ninh, cố đưa bàn tay chào anh phi công khi gã trẻ tuổi này đưa một ngón tay cái lên để giã tù. Tôi muốn nhớ những cảm tình chân thật đó để xác định một điều với các chiến hữu người Mỹ – chỉ có những người lính Việt Nam chúng tôi mới thật sự là kẻ biết ơn các bạn trong cuộc chiến tàn khốc này. Chúng tôi biết ơn các bạn vì chỉ có chúng tôi mới biết những kinh khiếp từng giờ, từng phút ở Khe Sanh. Tiểu Đoàn 3 Nhảy dù từ Khe Sanh trở về 3 tháng sau có người còn nguyên cảm giác kinh hoàng của những ngày sống dưới đạn súng cối và hỏa tiễn của Việt Cộng... Tội Thủy Quân Lục Chiến Mỹ thiệt tội, có thằng từ Okinawa sang đến Đà Nẵng, bị chở thẳng đến Khe Sanh, ba tháng sau khi được đổi nó mới tắm một lần. Người lính của tôi đã nói thế – tôi nghĩ rằng đó là lời ca tụng chân thành nhất của một linh hồn Việt Nam mộc mạc gửi đến các bạn thay một lời cảm ơn... Phải nói tri ơn mới đúng. Vì chính cá nhân chúng tôi – một đời sống Việt Nam nghèo đói nhưng bây giờ bảo phải đi chiến đấu tại một xứ sở xa xăm như Bolivie, Ghana và chết ở đấy cho một thứ tự do mơ hồ – chắc chắn chúng tôi từ chối. Thế nhưng các anh đã đến đây, các anh đã chiến đấu thật dũng cảm – dũng cảm như đã một lần ở Bastogne, ở

Wake... đã hơn một lần ngã xuống cho tự do. Chúng tôi xin tri ân những chiến hữu Hoa Kỳ đã nhỏ máu và chấm dứt đời sống trên mảnh đất nghèo tên gọi Việt Nam.

Vậy thì những tình cảm có thật trên kia hẳn phải xác định một điều: tôi không thể nào ghét người Mỹ được lẽ tất nhiên tôi không đến nỗi quá lý tưởng như nhà văn Doãn Quốc Sỹ đã bàng hoàng cảm động khi đến nhà một bạn Mỹ thấy bàn thờ Việt Nam. Nhà văn nếu đã cảm động đến lịm người khi chứng kiến giữa một không khí made in USA trong lòng của Washington DC một bàn thờ trầm hương nghi ngút thì quả thật hơi quá đáng vì tôi nghĩ rằng cái bàn thờ kia sở dĩ có, thì ngoài lòng ngưỡng mộ về cách thức sinh hoạt của dân tộc Việt, còn là một loại trang trí quyến rũ, một mode mới lạ, một thứ thời trang kiêu kỳ chứng tỏ khả năng thẩm mỹ và sự thông hiểu của chủ nhân về một nền văn minh xa lơ xa lác! Tôi không ghét người Mỹ vì đêm bị thương nhìn lên bầu trời thấy ánh lửa chớp lòe dưới thân máy bay tải thương cứ lượn vòng, đạn Việt Cộng bắn lên như đan lưới... Người phi công Mỹ, anh có sợ không anh? Lẽ tất nhiên từ trên một độ cao đen thẫm lao xuống một vùng lưới đỏ rực sự chết, lòng người nào chẳng âu lo – nhưng tôi thấy anh cứ hạ thấp vòng bay để chờ lệnh đáp xuống – anh trở về trong đêm khuya, ánh đèn đỏ xa dần như một lời xin lỗi vì không chu toàn công tác. Hiểu như thế để kính phục

sự tận tâm, lòng trách nhiệm của các anh biết bao nhiêu. Gần đây hơn ở Tây Ninh bảy giờ tối ngày lễ Tạ ơn, các chiếc hook đã bay về Biên Hòa để bắt đầu cho một đêm vui chơi, nhưng từ trên đài cao BARE nói như van vì phi hành đoàn còn lại, dưới này Đại úy DOYLE tự động biến thành một anh mồm hàng, “Thằng mập” lái chiếc Jeep của The Foxe rọi đèn pha để làm bãi đáp cho một chuyến hook cuối cùng để đem lưới đạn vào rừng cho một căn cứ lính Dù Việt Nam... Đã sống với các anh như thế lòng nào để thù ghét các anh được? Hơn nữa dân tộc tôi – một giống dân hiếu hòa, mến khách và lòng nhớ ơn thì không bờ bến...

Nhưng tại sao tôi đã viết những giòng sau đây với một thứ cuồng nộ bùng bùng trên mỗi hàng chữ. Động cơ nào đã làm tôi quên hết tất cả tốt đẹp của các anh để chỉ nhớ tới một thảm cảnh ở Sơn Mỹ, một vết chàm An Hòa, để chỉ nhớ tới những kênh kiệu đáng ghét của anh Trung Tá da màu cổ vấn ở Trung Tâm Vạn Kiếp... Nhờ như vậy để thấy rõ có một nỗi uất giận đang dâng cao. Bây giờ bình tâm tôi có thể nói, người Mỹ đã và sẽ không bao giờ chiếm được lòng tin của một dân tộc khác vì hai yếu tố: thứ nhất chính là loại chính trị gia tráo trở lẽ tất nhiên trong sinh hoạt này làm sao tìm được thứ Lỗ Túc (魯肅 - chính trị gia, tướng lĩnh quân sự và nhà ngoại giao phục vụ dưới trướng Tôn Quyền vào cuối thời Đông Hán ở lịch sử Trung Quốc) tân thời, lấy trung

chính làm phương châm hành động. Nhưng thiết nghĩ, đường lối hoạt động trước sau làm sao nên cố gắng cho thật thuần nhất và có một ít trung tín để đối xử cùng con người và hình như các tay chính trị gia người Mỹ phần đông không làm như vậy. Họ chỉ ước làm sao làm yên lòng dân chúng nói rõ ra là cử tri đã dồn phiếu cho họ trong một thời gian ngắn mặc dù chính người Mỹ đã đặt ra danh từ kế hoạch dài hạn... Nhưng chỉ có kế hoạch dài hạn cho công việc chớ không có cho lòng người.

Ai đấy nếu không phải Thượng Nghị Sĩ Kennedy Fulbright trong những năm 50 đã cổ võ việc người Pháp rút ra khỏi Việt Nam. Và những năm 50 là gì? Nếu không nói là một Việt Nam thật xa xôi không dính dấp, liên quan đến Mỹ Quốc đang vững vàng vì vừa thắng được một cuộc chiến tranh hạn chế. Giục người Pháp rút ra khỏi Việt Nam sẽ được mang một tước hiệu tiến bộ của một đầu óc sáng suốt, một quan niệm chính trị cởi mở đối kháng với ý niệm thuộc địa đang tàn hủy dần... và người Mỹ đã thay người Pháp, những người dân hăm hở bỏ phiếu cho quan niệm tiến bộ kia đã đến Việt Nam và chiến đấu cho đất nước xa lạ này vào những năm 60... Và bây giờ người Mỹ đã đến lúc đòi rút quân về vì không gì vô lý hơn để cho những người lính trẻ chết cho một Quốc Gia có thủ đô là nhà điểm khổng lồ! Người Mỹ quả là một giống dân rất dễ bị cảm xúc vì danh từ. “Dân Tộc Tự Quyết” như một đòn quyền căn bản

người Mỹ đánh ra chiêu thức tự do trước một lập luận chính trị. Nhưng “Dân Tộc Tự Quyết” cũng chính là câu thần chú để mở màn cho những bàn tay phù thủy tha hồ quyết định vận mệnh một Quốc Gia khác bằng cách can thiệp thật phủ phàng như những câu tuyên bố hỗn xược... Cần thay đổi chánh phủ Sài Gòn, và chánh phủ Sài Gòn là gì? Nếu không là một con bài quyết liệt của giai đoạn máu lửa trước đây cũng do chính người Mỹ đã tạo ra. Tôi một sĩ quan cấp úy thật nhỏ nhoi để không biết được niềm thâm kín của những âm mưu, nhưng biến cố Mậu Thân đã làm cho tôi lợm giọng trước quyết định của một số giới chức người Mỹ – lệnh án binh bất động cho lính Mỹ trong thời gian đó, lẽ tất nhiên không phải do ông Tướng Tư Lệnh Mỹ tại Việt Nam – nó phải ở từ một nơi nào khác, tột cùng của quyền uy và mưu lược – vì Việt Cộng đã bôn tập và xâm nhập bằng cách nào để lọt qua hàng ba bốn hàng rào nhân lực bố trí khắp nơi bắt đầu từ mật khu tiến về đô thị... Ôi, Mậu thân để thấy ngõ ngang trong cơn mê một lát dao nào đã đâm ngập sau lưng.

Sự lầm lẫn của chánh khách có thể suy diễn đến yếu tố thứ hai để làm người Mỹ ngộ nhận về người Việt Nam. Tôi nói một “ngộ nhận” tiên khởi mở đầu cho mạt lộ và bêu xấu ác ý của những định kiến độc ác về người Việt Nam... sự ngộ nhận bắt đầu từ những điều thật phổ thông – trên chiếc phi cơ bay vào không phận Việt Nam người nhân viên của cơ

quan USAID được phát một hand-book để chỉ dẫn cách thức sinh sống tại Việt Nam, những phong tục, thành phố và người Việt. Thế nào là một thiếu nữ Việt Nam? Đó là một cô gái Thượng đeo gùi, vú xệ, đóng khố, căng tai... người thiếu nữ Việt Nam đây? Thế này là đối tượng cho những scandale làm lung lay nhiệm sở của bao nhiêu giới chức thú gộc, con gái Việt Nam đối tượng cho những quyến rũ âm thầm nhưng nồng nàn khó dứt? Một thú “gái bao” thượng thặng: tốn tiền nhưng cũng vô cùng lý thú là thế này sao? Ngàn câu hỏi hỗn độn rối tung một trí não đã vô cùng trật tự sau bao nhiêu năm – máy bay xuống phi trường Tân Sơn Nhứt – những nữ tiếp viên Hàng Không áo xanh đón rước dịu dàng không kém một đồng nghiệp ngoại quốc nào... Cô là người gì? Tôi... người Việt Nam! Người nữ tiếp viên Hàng Không ngạc nhiên như trước một câu hỏi giễu cợt. Gã ngoại quốc tưởng mình đã đến nhằm Quốc Gia! Tấm hình của người con gái thượng được so sánh đến từng chi tiết một – tại sao có những khác nhau đến kỳ lạ ngần này? Tôi không vẽ vờ, cứ lập một cuốn tự điển bách khoa nào đó, đại để như cuốn Dunlop Illustrated Encyclopedia of Facts loại up-to-date nhất, in xong trong tháng năm 1969.

Cuốn sách chỉ dẫn đầy đủ tất cả những gì mà người Mỹ cần biết... và lẽ tất nhiên có nói đến Việt Nam. Một Việt Nam được chỉ dẫn tận tình thay vì như các Quốc Gia khác chỉ có một bức hình về thủ

đô; hay một nét đặc thù như chuỗi của Somalia, thành phố thuyền của Tân Gia Ba. Nhưng Việt Nam được chiếu cố rõ ràng hơn – Việt Nam món hàng ăn khách của thế giới (phim ảnh ăn chơi như *la Piscine* cũng có luận về cơm Việt Nam) nên đã có hai bức hình giới thiệu người Việt Nam. Và thế nào là một người thanh niên Việt-Nam? Tôi buồn cười đến độ đứt tung thân thể vì hình ảnh ba anh Mèo hay Thổ gì đầy mặt bết, mắt một mí, quần khăn, đeo vòng bạc tùm lum trên cổ với lời ghi chú: Thanh niên Việt Nam với y phục cổ truyền miền núi – nếu người Việt Nam như thế này thì người Mỹ quá cần phải sang đây để giúp đỡ về trồng lúa, bắn súng đánh giặc chống cộng sản (khổ thật, Việt Cộng cũng là một thứ người Việt Nam). Bây giờ tôi nói đến chuyện anh quan ba Khôi “bụng” sang Mỹ được người Mỹ mời ăn kem với câu chỉ dẫn: cái này lạnh lắm, chỉ ăn từng miếng nhỏ! Thôi thì cũng đành phải cười như mếu, không lẽ đem trận đánh Bạch Đằng Giang ra khoe. Thế kỷ mười sáu tổ tiên ta đã biết đóng cọc xuống giòng sông. Cọc ít nhất phải bằng cọc cầu xa lộ và sông Bạch Đằng ắt hẳn phải có lưu lượng lớn hơn sông Sài Gòn, và Tổ Quốc anh lúc đó là gì? Nếu không là một bãi đất hoang gồm có mọi da đở cởi truông gởi thông điệp cho nhau bằng khói!

Đấy, người Mỹ đã nhìn người Việt Nam như vậy... một lũ dân bán khai không hơn không kém... Nước thuộc loại kinh tế kém mở mang chưa qua khỏi giai

đoạn nông nghiệp thì người thuộc về loại bán khai là chắc chắn. Nói rõ hơn chỉ là một lũ Mọi. A, nếu đã là một loại mọi như một thủ Sioux, Apache thì những người da trắng cần gì phải gìn giữ, quý trọng. Vì Mọi là gì? Nếu không phải là một loại người hạ đẳng để kẻ da trắng có quyền phung phá hầu làm sáng tỏ cái khả năng văn minh của họ. Từ thái độ riêng đối với người Việt Nam đến thái độ chung đối với con người – người Mỹ cũng chẳng lấy gì làm tiến bộ – người là gì? Trước tiên chỉ là một bộ máy sinh lý mang những phản ứng tâm lý, chỉ là tâm lý và dùng ở nơi đây. Tất cả đều có thể liệt kê đánh số, đặt ký hiệu để tính toán và định giá trị... Hỏi Marckovic: đi R và R ở Hạ Uy Di có vui không? Rất vui vì giá tàu bay phải trả hơn 120 đô la. Đấy, niềm vui cũng có giá tiền rồi. Tiền ít niềm vui sẽ ít; như giá tiền trả cho gái điếm để mua cường độ của cảm giác – nhiều tiền, gái sẽ ngon lành và điệu nghệ hơn! Một anh Mỹ bao một chị em bán bar, gã ta chi tiêu thật rộng rãi, nếu chú ý cho kỹ sẽ tìm được câu giải thích: số tiền gã kiếm được sau khi đã đóng thuế, chi tiêu, gửi vào các trương mục tiết kiệm, còn dư một số – số tiền này thay vì để đóng vào một câu lạc bộ, mua cây súng săn, để đi du lịch gã đem bao một gái Việt Nam... Thật là liên lợi, một cuộc du lịch thỏa thuê trên một thân thể nhỏ bé chắc nịch và ngất ngây say đắm chẳng bù với một bà vợ hôi mùi thuốc lá tận trời xa. Con bé Việt Nam dễ tính, bao bột giặt, cái quạt điện không đáng là bao



nhưng cũng gây thành những mừng rỡ quá độ. Tính sổ lại món tiền đổi lấy bao nhiêu ân ái, gã thấy lợi – môn du lịch trên thân thể một đàn bà Việt Nam so với những tận tình hào hứng – mỗi lần đi tìm hoa ở quê nhà tốn kém bao nhiêu nhưng cũng không làm sao lý thú bằng... đàn bà Việt thật quá rẻ.

Đấy người đã nhìn người như vậy, người đã đánh giá người theo tiêu chuẩn số tiền kiếm được, chiếc xe đang đi... vậy thì chúng ta đừng làm lạ nếu người Mỹ đã tệ với chúng ta vì đây chỉ là một lũ mọi với giá trị kinh tế thấp kém, năng lực sản xuất hằng năm trung bình chỉ hai đô la... Lợi tức Quốc Gia hằng năm nếu được chia đồng đều cho mỗi đầu người chỉ khoảng trên dưới hai mươi đô la. Vậy cho nên những điều tôi viết là sự thật... thật như những xác người ở Sơn Mỹ, thật như lời tuyên bố đưa dân Việt Nam di cư qua Mã Lai... Vì thật như thế, nên tôi xin được quyền trình bày ở phần những trang sau. Hãy cho tôi nói thật với lòng trước một cảnh Việt Nam khốn khó, trong đó bạn và tôi đều dự phần làm nạn nhân.

Vấn đề thứ hai là đối với Quân Đội. Như tôi đã nói ở phần mở đầu của cuốn sách này: tôi chỉ có thể xác định trong một tập thể lính: đây là cảnh đời-tại-thể của tôi; vì chính lẽ này không thể nào phán xét bảo rằng tôi bêu xấu hoặc nhìn lệch lạc Quân Đội – nói như thế oan uổng tội nghiệp như bảo tôi bôi bẩn vào mặt chính mình. Tất cả những điều tôi viết sau này chỉ có một ý nghĩ thật giản dị: người lính Việt

Nam đã chịu đựng thống khổ vượt giới hạn, và nếu đã không làm gì giúp nó hãy để yên cho nó một góc trời u tối để lết lê một đời sống tồi tàn. Nhưng gần đây có những sự kiện như vụ tiếng bác tiếng chì giữa một anh lính và một em nữ sinh trên báo *Hòa Bình*: Thế nào là yểm trợ tinh thần tích cực cho lính? Cuộc cãi nhau nếu có, chỉ nên giải thích như là một ngộ nhận giữa dân và lính. Nỗi ngộ nhận thâm như trận chiến đẫm máu trong hang sâu giữa hai anh em mù tối. Những điều tôi viết ra về lính cũng chẳng có ý muốn gì ngoài ý nghĩ làm đẹp Quân Đội hơn. Chúng tôi là Sĩ quan cấp úy, một loại Sĩ quan chỉ huy không có khả năng làm thay đổi gì ở tập thể này, sự quyết định ở các vị cao cấp. Và Sĩ quan cao cấp đã được cấu tạo thế nào? Các vị đó đã được thăng chức hàng loạt, đã được chế tạo cấp thời, thừa thải... Người ta gọi vụ thăng chức là vì nhu cầu Quân Lực. Nhưng các vị đã lên lon lớn, để ngồi lông bông, để ra vào trống vắng, điều kiện vật chất và tinh thần không đủ cho tước vị mang trên vai, từ đó nảy sinh ra tị hiềm, nảy sinh bè đảng, phe phái để chạy một chỗ tốt... Và chỗ tốt là gì hơn là những chức vụ chỉ huy hành chánh, những biệt phái ngoại ngạch... Và cuộc chiến tranh này với những vị chỉ huy cao cấp như thế sự chiến thắng đã nằm ở một nơi thật xa vời. Tôi cũng phải viết về Quân Đội vì không lúc nào Quân Đội thâm cảm cho bằng lúc này... Thuở xưa chỉ một ông Thượng Sĩ – *Quan Quân* cũng đủ có một tác

phong thật nghiêm túc, sự nghiêm túc có được vì no đủ quyền uy do Quân Đội bồi đắp trong khi bản chất *Quan Quân* chỉ là một cựu khổ xanh, một thứ nông dân đổi đời. Thế nhưng hôm nay những Thượng Sĩ già của chúng tôi, sau hai mươi năm lính, buổi tối cọc cạch chiếc xe đạp mang từng thùng đạn trong đựng chè và cháo đến các phòng ngủ khóa sinh kiểm từng chục bạc lời... Tội nghiệp biết bao nhiêu cũng như một Đại úy ba mươi bốn tuổi, vợ sáu con – cái gánh nặng kinh khiếp cho một thứ trung niên cùn nhụt... Và người Đại úy đó đã làm gì để đối kháng một thứ nghèo đói tầm thường cay độc hơn là bùng từng két bia Mỹ vào trong một quán hàng đầy dẫy phu phen, lơ xe đồ để bán cho một mụ nạ giòng..., chiếc kính đen cúi gằm thật chặt trên két bia nặng trĩu. Ở Tân Vạn... cán bộ đã như thế lính thê thảm biết bao nhiêu... Vậy xin cho tôi nói...



# NHỮNG Ý NGHĨ SAU MỘT CUỘC HÀNH QUÂN

**N**ghĩ về một lời sỉ nhục:

Ngày thứ năm chúng tôi kéo quân xuống đồng bằng, ba mươi cây số đường núi bỏ lại đằng sau lưng, mây mù hạ thấp xuống xóa tan bóng núi như che khuất một niềm khiếp sợ. Trời miền Trung cuối năm đục ngầu u uất, mưa gió ào ào như muốn đè bẹp đoàn quân. Tám giờ tối về đến chỗ đóng quân, ngọn lửa đốt lên đưa bàn tay trên hơi nóng, tờ báo, ly cà phê – hạnh phúc đầy đủ nhất của một người lính sau những ngày cơ cực.

Những tin tức được lướt qua hối hả, Thượng Nghị Sĩ R. Kennedy tuyên bố: “Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa không góp công vào cuộc chiến đấu”. Có một cái gì ngưng chảy trong mạch máu... Tại sao có thể có những lời tuyên bố như vậy? Thái độ của Chánh Phủ? Của Tướng lãnh? Của báo chí, dư luận trong và ngoài nước? Phản ứng đầu tiên là phẫn nộ, phẫn nộ vì bị sỉ nhục, bị đánh giá quá thấp và tiếp theo là buồn nản kỳ quái... Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa

không chịu chiến đấu. – Đã bao lần chúng tôi bị cái phán xét đó, ngọn roi tàn bạo quật vào những nỗi xót xa không phải một cá nhân nhưng là tập thể đem đời sống làm nỗ lực cuối cùng đối đầu với Cộng Sản. Tại sao lại có những tình trạng như thế xảy ra – loại phản ứng tương tự như của ký giả E. Martin đòi sát nhập Quân Lực Việt Nam vào Quân Lực Hoa Kỳ với những lý do thật ngớ ngẩn. “Đề học hỏi thêm kinh nghiệm chỉ huy ở các cấp chỉ huy Mỹ. Đề được mua hàng ở P.X” – Tại sao hàng loạt loại tuyên bố trên được tung lên trên hàng triệu tờ báo trong cùng một chiến dịch, những người cầm quyền ở Việt Nam đã không phản ứng lại một cách đầy đủ và chính xác,

Cầm tờ báo ở tay, cổ nén uất nghẹn, nhìn lại câu tuyên bố để cố tìm một câu trả lời thỏa đáng cho bản thân. Lẽ tất nhiên sẽ chủ quan để ve vuốt tự ái, nhưng không phải thiếu trung thực. Chúng tôi đã biết có một vài tuần quân số tổn thất của Quân Lực Mỹ lớn hơn Việt Nam vài chục hoặc vài trăm; nhưng đoạn thời gian đó chỉ là một con số thật ngẩn trong toàn thể chiến cuộc dài dằng dặc này. Con số tổn thất trên sẽ vô cùng thấp kém nếu ta so sánh thêm số tổn thất của các lực lượng bán quân sự, của hội viên Cảnh Sát Xã, của Nghĩa Quân, của cán bộ Xây Dựng Nông Thôn, của lính Biệt Kích và nhất là những người thường dân Việt Nam... Nếu tổng cộng hết những tổn thất đó, chúng ta có thể nói rằng số người Mỹ ngã xuống trong một tuần sẽ vô cùng nhỏ bé so

với người Việt Nam đã ngã xuống một giờ trên đất nước. Nhưng nói như thế, chúng ta sẽ vô cùng khôi hài trong ý định “tranh chết”. Hơn nữa đây là cuộc chiến của chúng ta. Chúng tôi tri ơn rất nhiều những người Mỹ đã chết trong cuộc chiến tranh này, nhưng chúng tôi cũng sẽ vô cùng phẫn nộ trên những báo cáo và thống kê xác chết để sỉ nhục Quân Đội và tổ quốc Việt Nam.

Trong một chiến dịch hỗn hợp. Quân Đội Mỹ bị thiệt hại nhiều; các chính khách, tướng lãnh, ký giả Hoa Kỳ phải biết rõ một điều: Việt Cộng đã phổ biến trong hàng ngũ của chúng quan niệm: “Phải bám chặt, tiêu hao, phục kích, tiêu diệt lính Mỹ, cố tránh đến mức tối đa Quân Đội Cộng Hòa”. Việt Cộng chỉ chấp nhận giao tranh với Quân Lực Việt Nam trong những thế kẹt. Vì đánh vào Quân Lực Mỹ, Việt Cộng mới đạt được những yếu tố sau: Đánh Mỹ, mới có thể tuyên truyền được: Miền Nam bị Mỹ xâm lăng. Lớp tuổi trung bình của lính Bắc Việt là 18, 19 tuổi. Số tuổi của kết quả 12 năm nhào nặn trong tư tưởng sắt máu – số tuổi hăng say, nóng hổi nhiệt tình dân tộc. Nhưng cũng chính là lớp tuổi không bị cố chấp, dễ ngã lòng và phẫn nộ. Không gì hoang mang đối với một tên lính trẻ vừa được bổ sung vào chiến trường miền Nam khi thấy trước mặt cái vóc dáng nhỏ bé của người lính Việt Nam xung phong vào họng súng của nó. Trong trận đánh ở đồi 1416 Dakto người lính của tiểu đoàn 3 Nhảy dù Việt Nam trước khi xung

phong đã lớn tiếng sỉ vả Việt Cộng. Âm thanh của những người sinh ở miền Bắc Việt Nam đã làm cho những tên lính trẻ Bắc Việt bàng hoàng!

Đánh Mỹ, Việt Cộng nuôi dưỡng binh sĩ trong hàng ngũ của chúng cái mặc cảm tự tôn đối với địch thủ không quen thuộc trong trận chiến du kích, trong những địa thế đặc biệt của miền nhiệt đới.

Chúng tôi sẽ vô cùng ngu ngốc khi phủ nhận khả năng vĩ đại của người Mỹ trên những kế hoạch có kích thước rộng lớn, khả năng tiếp liệu hùng hậu, sự phối hợp thật chính xác và nhanh chóng giữa kỹ thuật và con người. Nhưng chúng tôi có thể nói rằng Quân Lục Mỹ chưa có kinh nghiệm đủ về chiến trường du kích. Cuộc hành quân hỗn hợp giữa chúng tôi và Thủy Quân Lục Chiến Mỹ sau năm ngày, chúng tôi hoàn toàn vô sự, Thủy Quân Lục Chiến chết và bị thương hơn 100. Việt Cộng đã bám sát theo từng vết chân của lính Mỹ, bắn tỉa, phá rối khi đóng quân. Thủy Quân Lục Chiến gọi máy bay mang thức ăn, nước đá, liên lạc không lực L.19 lượn sát ngọn cây... Vô tình biến thành mục tiêu tốt cho súng cối địch. Di chuyển theo đường thông thủy, Việt Cộng chặn đầu bắn sẻ, dàn hàng ngang theo binh thư để xung phong trên một địa thế chỉ di chuyển được khoảng 100, 200 thước trong một giờ; hết Đại Đội này đến Đại Đội khác đưa nhau vào hiểm địa. Chúng tôi không nói rõ các chi tiết này để chê bai, nhưng đây là những nguyên nhân gây nên thiệt hại mà Quân Lục Việt



Nam tránh khỏi được. Trong chiến dịch Dakto từ đầu tháng mười cho đến tháng mười một Việt Cộng chỉ bám sát để giao chiến với Quân Lực Mỹ ở những rặng núi về phía Tây hoặc phía Nam Dakto. Trong khi đó ở phía Bắc và Đông, chúng ẩn trốn thật kỹ, đến nỗi chúng tôi chỉ cho hoạt động tuần tiểu ở cấp Tiểu Đội. Mãi tới ngày 17 tháng 11, Chiến Đoàn 3 Nhảy Dù được trực thăng vận đến tận vị trí. Việt Cộng mới ra mặt giao tranh.

Quân lực Việt Nam Cộng Hòa, các đơn vị từ cấp Trung đoàn trở xuống không thể đơn phương mở cuộc hành quân vì thiếu thốn nhiều phương tiện cơ hữu.

Trái lại tại một Tiểu Đoàn Mỹ, sẵn trực thăng họ có thể mở một cuộc hành quân trong ngày, không đóng quân tại địa điểm hành quân. Người lính Mỹ với khẩu phần ăn trong túi, vũ khí ở vai, nếu cần phải đóng quân đêm chỉ cần thêm một cái khăn nylon kèm ở thắt lưng, chiếu chiếu có thức ăn nóng được chở đến vị trí hành quân. Cuộc hành quân trung bình là một ngày, dài lắm là 4, 5 ngày xong có trực thăng đưa về vị trí đóng quân. Người lính Việt Nam trong cuộc hành quân mang trên người trung bình 40 ký lô, quân trang thực phẩm đạn dược cho 5 hoặc 7 ngày hành quân; 40 ký lô đè nặng trên một cơ thể trung bình 50 ký lô để băng rừng vượt suối trong suốt một tuần. Kéo quân ra khỏi vùng hành quân về giữ an ninh cho một Quận lỵ, hoặc ngoại ô một

thị trấn nào đó, chiếc võng ngủ ở ngoài trời... Đây là nghỉ ngơi để đợi cuộc hành quân kế tiếp. So sánh như trên, không phải để đòi hỏi đả ngộ tương xứng, nhưng những ai muốn đòi hỏi Quân Đội Việt Nam mở được nhiều cuộc hành quân làm đầy báo cáo hãy so sánh nhân lực và tiếp liệu của hai Quân Đội.

Vậy những kẻ ở nơi trời xa dùng căn cứ trên thống kê xác chết và báo cáo để sỉ nhục Quân Đội chúng tôi. Hãy đóng trọn vai trò của kẻ giúp đỡ, dân tộc chúng tôi sẽ nhớ ơn mãi mãi. Đừng đổi mặt thành kẻ chủ nhân, yêu sách và chê bai – trên xác chết mọi chuyện trở nên bình đẳng, đừng nhân danh những người nằm xuống để bôi bẩn Quân Đội chúng tôi. Những người cầm quyền trên quốc gia này hãy nói hộ chúng tôi niềm ao ước: Được sống và chết có tự do đi kèm – không là một hành động để trả nợ.

Chúng tôi cũng mong ước báo chí biện giải giúp chúng tôi, đừng chấp nhận vì phản ứng nghề nghiệp những lời tuyên bố có tác dụng dim chúng tôi xuống tận cùng của tủi hổ. Nếu có thì hãy theo chúng tôi để có thể viết lên bên cạnh những lời tuyên bố hẹp hòi và ngu xuẩn đó những đời sống và cái chết bình thường nhưng dũng mãnh của chúng tôi. Hãy phá tan cái mặc cảm thua kém, cái huyền thoại kịch cỡm, trẻ con của người anh hùng miền Viễn Tây. Chiến tranh này không có chỗ cho loại anh hùng cá nhân ở vóc dáng W. CARPENTER, không đủ kết luận cho Quân Đội Mỹ. Đây là chiến tranh của kiên nhẫn và

câm nín, kẻ thắng trận sẽ là chúng tôi người tự vệ chính đáng trong tự do...

### **Nghi về một hiện tượng mất chủ quyền**

Chủ quyền chúng ta bị mất, từ những cơ cấu của chánh quyền Trung ương, đến những cơ quan địa phương, từ đơn vị lớn, cấp Quân Đoàn đến các Chi Khu hẻo lánh. Chủ quyền chúng ta bị mất khi hàng trăm ngàn quân Mỹ kéo theo ngả Cam Ranh, Chu Lai không một lời tham khảo ý kiến Chánh Phủ Việt Nam. Khi các phân khoa Đại Học đòi tự trị với thành phần lãnh đạo tốt nghiệp từ Mỹ Quốc. Chủ quyền Việt Nam mất khi ở ngoại ô các tỉnh lỵ, người Mỹ lập đồn trại, làm đường dựng lên những bảng hiệu cấm người Việt Nam qua lại, viết bằng tiếng Mỹ thật lớn với câu dịch ngớ ngẩn ra tiếng Việt. Chủ quyền của chúng ta mất khi Quốc Kỳ Việt Nam treo ở bên trái trước cổng các căn cứ Mỹ, lá cờ cũ mềm vàng vọt úa nát... Chủ quyền của chúng ta mất ngay giữa thành phố Sài Gòn, dọc theo xa lộ Biên Hòa, hàng đoàn xe Mỹ trống rỗng chạy nghênh ngang. Quân Cảnh Mỹ chặn trước và sau không cho xe Việt Nam qua mặt, người Cảnh Sát Việt Nam đeo chiếc kính cúi xuống im lặng. Chủ quyền chúng ta mất tan nát, mất nhục nhã, mất đầu đốn; thành phố Biên Hòa nhỏ bằng khu Đa Kao. Quân Cảnh Mỹ thổi còi chặn xe, bắt lính Việt Nam và thường dân ngay trước mặt Quân Cảnh và Cảnh Sát Việt Nam, trước mặt Ty Cảnh Sát Biên-Hòa.

Chủ quyền chúng ta như một bình nước cạn tới đáy, một cây khô hết nhựa. Mất một cách chứng hùng, trơ trẽn, sỗ sàng, mất không một lời phản kháng, trong chua xót và vô tình. Chủ quyền chúng ta mất trong buổi sáng ở Trung Tâm Vạn Kiếp, viên Cổ Ván Mỹ da màu nghênh ngang theo Đại Tá N. duyệt qua toán quân Việt Nam, mất ở buổi trưa Vùng 2, pháo binh Mỹ bắn vào lính dù Việt Nam. Biệt khu 21 không phản kháng được. Chủ quyền chúng ta còn gì? Không còn gì hết, không còn lại được một tí nhỏ cho chúng ta hãnh diện là một người Việt Nam.

Và chúng ta đã thật sự mất hết khi chính trên báo chí và đài phát thanh đã vang vang một chiều hướng ngôn ngữ của Mỹ Quốc. Chúng tôi dừng lại ở nơi, cái cực điểm của sự nô lệ, sự nô lệ chúng ta đã chấp nhận như một điều dĩ nhiên: bởi nhan nhản trên báo chí và đài phát thanh cái loại cú pháp đặc biệt của Mỹ, được xem như là một dấu hiệu của sự tiến bộ, của những con người “văn minh”, loại cú pháp... “đã được mô tả... Ví dụ mục tiêu của lời tuyên bố của Ông X đã được mô tả... Chiến trận đã được mô tả...” Tất cả đã được dịch lại từ thành ngữ “TO DESCRIBED AS”. Văn chương Việt Nam làm gì có được cái cú pháp cũn cỡn và kỳ cục như trên. Chúng ta có hàng bao nhiêu thành ngữ để diễn tả lại ý niệm đó “có thể là, được xem như, được coi như, được quan niệm”... Văn chương chúng ta làm gì có được những câu văn: Ý định của ông MORSE được mô tả

như là"... Hơn hai mươi năm học và đọc tiếng Việt Nam, tôi chưa bao giờ biết đến cái thứ văn phạm què quặt này, thế nhưng hôm nay, 1967 trên báo chí đã xuất hiện như là dấu hiệu của tiến hóa! Những bản tin đã được dịch từ UPI, AP và đã được những dịch giả, áo không có cổ, quần Jeans nhạt, vớ trắng loại "UP TO DATE" dịch lại. Đấy, chủ quyền của chúng ta đã ra đi từ đấy, từ những cơ quan độc lập. Và báo *Sống* sẽ bị chính quyền đóng cửa vì tội tố người Mỹ hung hãn, nhưng không ai buộc Uyên Tuấn, Nguyễn Thụy Long phải viết: "Mục đích trận đánh ở DAKTO được mô tả như là một cố gắng... Nhưng báo chí của chúng ta viết như vậy, đài phát thanh chúng ta đã đọc những bản tin có những câu què cụt như vậy. Vậy thì chúng ta đừng trách cứ một ai, chúng ta hãy nhủ thầm với chính bản thân... Chúng ta là một dân tộc được mô tả như là một dân tộc mất chủ quyền!

### **Nghi về trận chiến không kết thúc**

1965, chúng ta bị Việt Cộng tấn công suốt bốn vùng Chiến Thuật. Những trận chiến ở Ba Gia, Phù Cù, Đức Cơ, Đồng Xoài làm nghiêng hẳn ưu thế chiến thuật về phía Việt Cộng. Quân Đội Đồng Minh ào ào đổ vào Việt Nam chiếm đóng mọi yếu điểm, không lực Mỹ tăng cường oanh tạc cả hai miền Nam, Bắc. Chúng ta không biết rõ sự thiệt hại của miền Bắc như thế nào, nhưng cứ so sánh với miền Nam, có thể nói rằng miền Bắc cũng chẳng còn có

gì đúng vững; cả một đoạn đèo Cả còn bị sụp đổ huống gì những cơ sở nhân tạo. Hai năm qua chúng ta đã đạt được thắng lợi trên bình diện quân sự, nhưng chúng ta nhận thấy không có điều gì tiến bộ cho chính bản thân và đất nước. Quân đội vẫn giữ nguyên tình trạng cũ, quân số, vũ khí trang bị, sinh hoạt vẫn không có gì thay đổi. Chiến tranh này của chúng ta – chúng ta chưa thay đổi, chiến tranh vẫn còn nguyên bộ phận của nó. Quốc lộ 1, trên vài đoạn đường đã giao thông lại được, nhưng tốc độ gài mìn, chặn xe dò thu thuế của Việt Cộng vẫn còn nguyên. Nghĩa Quân chúng ta vẫn chân mang dép nhật, súng Garant M1 vác vai, hành quân tùy hứng. Quân đội từ cấp Tiểu đoàn trở xuống vẫn chịu loại hành quân vô thưởng, vô phạt, tỷ lệ hiệu quả không vượt quá mười phần trăm. Những cuộc hành quân chỉ cần để làm đầy trang báo cáo, có nhiệm vụ đáp ứng không phải từ nhu cầu chiến trường, nhưng từ một văn phòng nào đó... Chúng ta vẫn chưa chiến thắng, kể cả loại chiến thắng thuần nghĩa quân sự, vì chưa đánh trúng được điểm sống của địch – đừng đòi hỏi kết thúc từ quân đội đồng minh, câu trả lời phải ở chúng ta.

Chúng ta chưa chiến thắng được vì quân đội vẫn còn là những người khổng lồ không linh hồn, chỉ là những tay súng với niềm bi đát thật lớn ở trong lòng. Mỗi người phải tự kiểm cho bản thân lời giải thích tạm bợ, để che dấu cái chua xót của mỗi ngày mỗi giờ khi phải tàn sát một kẻ thù không xứng đáng gọi

tên. Gã trai trẻ đi vào một Trung Tâm huấn luyện... có thể vì đã giận dỗi gia đình, không đủ khả năng và phương tiện để tiếp tục đi học – một tuần sau gã xuống tóc, mặc quần áo lính, dây kềm gai thật cao để ngăn cấm gã đào ngũ, hình phạt của hạ sĩ quan kỷ luật thật đích đáng vì một vài hành động do thói quen của đời sống dân sự. Bữa cơm lính với những cục cơm vàng úa vữa nát, nuốt vào như một thứ hổ, cá không bao giờ móc ruột, vỡ nát khi đôi đũa vừa chạm đến, miếng thịt heo không bao giờ có thịt, sợi lòng heo cứng như một cọng cây khô. Cũng có khi viên Chỉ Huy Trưởng đến khám – dễ quá, nhà bếp sẽ làm một chảo thức ăn thật ngon, viên Chỉ huy ném thử. Tốt! Soong thức ăn đó được dành riêng cho đám lính cũ trong đơn vị. Gã tân binh vẫn cắn chặt hàm răng trên hạt cơm giá lạnh mặn chát bởi nước xì dầu.

Thôi, gắng chịu đựng trong thời gian tân binh, rồi sẽ trở thành người lính, cái thần tượng hào hùng của em gái hậu phương: Dạ Lan, Thẩm Thúy Hằng, Hoài, Hà từ thủ đô đến Bến Hải đang âm ỉ những lời ca ngợi... Hãy cố gắng để trở thành lính, rồi sẽ đi chiến dịch, mây lạnh đờn xa, anh hùng hỏa tuyến, có đây đủ báo chí, nhạc kịch, có đối thoại với lính, có lính tìm bạn, đủ tất cả rục rờ hào quang chung quanh tước vị người lính... Hãy cố gắng trở thành lính.

Rồi đến lúc ba lô, vũ khí nặng oằn vai, dốc núi trơn trượt, rừng xanh ngắt không thấy mặt trời, lửa đan như đốt cháy con người. Chiến trường quá tàn

bạo, quá phủ phàng. Gã lính trẻ thẳng thốt chưa kịp chuẩn bị cứng rắn cho linh hồn, còn bắt được đài hậu phương, lũ “đánh đi bằng mồm” còn đó, nhưng tất cả là vô ích. Rút quân xuống đồng bằng, lương lính nghèo khổ không đủ tiền đi chợ, khẩu phần phát cho 4 ngày chỉ ăn được hai hôm; đóng ở làng chung quanh vỉa hè của nhà dân, thái độ dửng dưng thù ghét và đàng xa ánh sáng thành phố còn đó. Phòng 5 Tâm Lý Chiến ở đâu? Tết, Noel, Ngày 1.11... Nữ Xã hội, bao thuốc lá đen, cười cười, nói nói. Xong. Chiếc trực thăng trở về... Đấy, hiện tình chung của Quân đội chúng ta là thế. Gã lính trẻ có gì? Một rỗng không thật lớn ở trong lòng – không chịu nổi: đào ngũ. Tiếp tục sẽ biến thành một cái máy chịu đựng không sinh thú, cắn răng xuống để qua ngày, ly rượu để uống thật nhanh để tạo nên cơn say về thành phố gây hỗn loạn – lỗi ở ai? Không phải ở chúng tôi, cái yểm trợ tinh thần phải từ trên xuống, từ dân ra, phải chuẩn bị từ học đường, phải bàng bạc thật sâu rộng và thật lòng trên sách vở của báo chí... nếu không, tất cả vẫn còn nguyên tình trạng cũ, cái thế giới của nhà nhảy, đô thị, mini jupe, quốc hội, dĩ điếm, tất cả cái thế giới này phải biết nhập vào với chiến tranh để học đường, xã hội, quân đội không còn là thế giới cách biệt – không còn hậu phương lơ lửng ghê tởm và một tiền tuyến bạo động buồn rầu...

Hãy tạo cho quân đội một tinh thần mới và một yểm trợ tinh thần có hiệu lực và thiết thực hơn.



Chúng ta chưa chấm dứt chiến tranh vì, chưa đánh trúng đích, chúng ta mất sức một cách vô ích. Địch giựt một cầu nhỏ gần quận lỵ, chi khu hồi hả gọi tiểu khu, tiểu khu cầu viện khu chiến thuật, khu gọi lên vùng xin quân trừ bị. Ném một tiểu đoàn thuộc lực lượng trừ bị xuống một vùng chỉ có du kích. Lính cứu kính bực bội vì phải hành quân xa nhà lâu, không gặp đúng đối thủ, và điều nguy hại nhất là mất hẳn lòng tin yêu của dân. Lực lượng tổng trừ bị, trước một làng, từ cấp chỉ huy đến binh sĩ đều xem như một mục tiêu để tấn công, gọi pháo binh bắn vài trái tiên liệu, xung phong ào ạt, du kích chạy trốn sau khi bắn vài phát súng báo động – chỉ còn lại nhà cháy. Ông bà già than khóc máu, lính xung phong đạp phải chông và mìn chống cá nhân – dân và quân biến thành những đối tượng thù nghịch lẫn nhau. Đoàn quân ào ạt đi qua, tình trạng du kích không thay đổi. Kết quả của vài vũ khí cá nhân thô được thật là nhỏ bé nếu so với phí tổn phi pháo, thương vong vì mìn bẫy, và nhất là sự rạn vỡ giữa lính và dân.

Chúng ta đánh mạnh và mau, nhưng đánh vào khoảng trống – mở hành quân vào một vùng núi non hiểm trở, phụ bản tình báo ghi sự hoạt động của một tiểu đoàn địch nhưng chưa rõ danh hiệu, chưa biết khả năng và thói quen – hoạt động địch được ghi nhận vì nơi đây có tiếng súng bắn lên máy bay! Súng gì? Du kích hay chính qui, không cần

biết – lính nhảy dù mà, vào đi! 5 ngày trên rừng thê thảm như bóng ma đòi cả Tiểu đoàn lục soát trên trục tiến quân phát hiện được một chiếc hầm với hai cây súng trường cũ mục. Rút quân xuống làng lính mệt nhọc đi không nhận xét cẩn thận – làm sao để đề phòng trong bóng tối của một mùa đông ẩm ướt miền Trung? Đạp phải mìn: 2 chết. Người lính đã chết trong tận cùng của vô ích, làm sao để đánh thắng? Vấn đề được đặt lại ở đây.

*Phong Điền, tháng 12 1 1967*

# Q NHỮNG NGÀY DÀI TRÊN UÊ HƯƠNG

Tàu rời của Thuận An lúc năm giờ sáng, cơn say chiều hôm qua làm vầng vất đầu óc. Mặc anh thường vụ đại đội lừa lính lên tàu, tôi leo vào khoang trong sau buồng máy dựa lưng vào ba lô nhắm mắt ngủ thiếp... Tiếng máy tàu, cảnh vật hai bên bờ, ánh nắng đầu tiên của một ngày dịu dàng lờ lờ ru, thêm vào đó bình bông của men rượu và sông nước, tôi ngủ yên như trong cuộc rong chơi. Nắng rọi vào mắt làm tỉnh ngủ. 6g45 sáng tôi ngồi hẳn dậy, đốt điếu thuốc đầu tiên của một ngày nhìn bọt sóng sau mạn tàu, người hững hờ như đang rơi trong khoảng trống lúc dù chưa bung. Cảnh vật hai bên bờ thật đẹp, lật bản đồ: tàu đang đi vào địa phận đầm Thủy Tú bên trái Tây Vân Sơn, bên phải Hương Thủy, Phú Thứ... Những ngày hè thuở nhỏ tôi cũng hay rong chơi trong những giòng sông đẹp đẽ như thế này – sông Cu Dê chảy ra biển ở Nam Ô dưới chân đèo Hải Vân. Tôi theo con sông vào đến nội địa đất Quảng Nam con sông đầy cát, hai bên núi đưng nước trong vắt,

bóng núi in hình trên giòng sông tạo thành những ô cắm thạch thật đẹp... Thuyền chèo bằng mái làm vỡ những bọt nắng lung linh trên mặt nước. Tôi không biết đường đến chùa Hương thơ mộng như thế nào? Nhưng con Sông Cu Dê đầy bóng nắng của sớm mai tuổi nhỏ kia vẫn chảy hoài trong tôi như một mơ mộng không biên giới. Sáng nay tôi cũng đang đi vào trong cảnh đẹp của quê hương nhưng lòng hồ hững hờ cơn say...

Tàu đến địa điểm đổ bộ, khu trục gọi đến “raser” một phát: cả một làng đang bình yên bỗng chốc biến thành biển lửa... Bốn chiếc FOM dàn hàng ngang chạy nhanh vào bờ... Xuống, xuống, xuống thật nhanh, đem cái súng cối lên trước... Chậm như rùa – Hiến “chó xù”, Trung Đội Trưởng súng cối kê ngay tôi một phát: – Vừa thôi ông ơi. – Nhảy dù chú phải Thủy quân lục chiến đầu mà ông bảo đổ bộ nhanh bằng mồm ông được... – Kệ mẹ ông, chậm thì chết cả lũ bây giờ. Tôi phóng mình xuống nước, ngập tới cổ Đm. – tôi chửi thề tùm lum; chưa gì sáng mai đã phải tắm sớm! Đằng xa hai đại đội tác chiến đã lập một đầu cầu; tôi tà tà lội vào bờ. Đại đội tôi đã lên đủ; thấy tôi lên sau chót, thằng Phen xạ thủ súng cối nói dối: – Trung úy bảo tụi em chạy theo Trung úy mà bây giờ mới đến – C., tôi trả lời – đi theo đại đội trước...

Quân đi qua làng, làng thật nghèo và hoang vu, cát sẫm, gai xương rồng, luống bắp cần cỗi; ôi sao

cái đất của quê hương tôi tội nghiệp và thảm hại đến như vậy. Đàn bà, ông lão bế con, cái, cháu, chắt ra đứng hai bên đường để đợi chúng tôi đi qua. Họ chúng tỏ sự chân thành bằng cách có mặt! Vài ngôi nhà vừa cháy vì trận oanh tạc vừa qua, người chủ nhà không thèm chữa vì biết rằng có chữa cũng vô ích! Ngọn lửa tung hoành tự do, lan theo những đụn rơm lũy tre hùng hực..

*Lũy tre già xao xác vắn mình đau.*

*Đàn súc vật lao đầu kêu tuyệt vọng...*

*... Ôi quê hương đắm chìm trong khói súng.*

*Có bao giờ được thấy bóng thân yêu.*

Từ thuở 9 tuổi, không hiểu tại sao tôi đã thích bài thơ “Cháy quê hương” của một tác giả vô danh, những câu thơ bình dị nhưng thiết tha của một lời van xin..

*Lửa nghi ngút đốt ngang trời bão loạn,*

*Mây điên cuồng phủ kín bóng quê hương.*

*Những cụ già tóc bạc khóc đau thương...*

Sáng hôm nay, tôi cũng đang đi đốt quê hương, sáng hôm nay, tôi cũng đang đi làm một tên lính viễn chinh trên phần đất mà tổ tiên đã bằng một nỗ lực phi thường gây dựng nên trên bờ cát, trên dải ruộng đầy phèn chua, một quê hương đẹp như trong cổ tích. Đây con đường cát nhỏ in bóng tre, đây cây đa, tha thướt, những rễ phụ đẹp đẽ, đây chiếc đầm xanh ngắt mờ mờ sương khói... Ôi! Tôi đi đốt quê hương của tiền nhân, tôi đi cắt mạch máu của tổ tiên, tôi

đi tàn hại, cuống dâm trên thân thể đã tan hoang vì bom đạn của một giải đất nghèo tên gọi là Thừa Thiên – này ông già có nhà cháy, sao “ôn” không khóc?... Khóc làm chi nữa “en” ơi! Nhà cháy ba lần, con đi lính gãy chân nằm ngoài Mang Cá; giặc Tây lúc xưa “đút” nhà hai lần, giặc ni “đút” ba lần... còn chi mà khóc nữa “en” ơi! Ông ở đây với ai? Với hai thằng cháu này, cháu kêu tôi bằng ông nội... Ông nội ơi: lúc xưa tôi cũng có một bà nội, bà nội thật già tóc bạc trắng, mỗi một buổi chiều để dành cái bánh đa để thằng cháu sau khi ngủ dậy có cái ăn. Bà nội thương cháu, ấp ủ cháu lớn lên với đời, che chở cho cháu vì “hắn thiếu cha”. Tôi được nuôi lớn lên bằng tình thương, được đặt tên là “Mặt trời của nước Việt Nam”. Bố mẹ đâu có biết đứa con sau này lại về quê hương như một kẻ xa lạ, đắm mình trong tội cùng của cuống nộ và điên mê.

- Trung úy cho phép tôi tới đằng cái nhà kia một lát – người lính Địa Phương Quân của chi khu Phú Thứ thuộc thành phần tăng phái cho chúng tôi để nhận diện du kích hoặc người tình nghi trong vùng – chúng tôi đang hành quân trong lãnh thổ của chi khu này. Anh đi lảng tránh coi chừng đạp phải mìn “chân tay biệt lý” thì đời tàn...

- Không sao đâu Trung úy, tui người vùng này mà, nhà anh tui chỗ đó.

Người lính đi một lát trở lại với hai đứa bé, một đứa khoảng sáu tuổi, đứa kia hơn ba.

- Con ai đây?

- Dạ, cháu kêu bằng chú, cha tụi hần chắc đi theo mặt trận, mạ hần trốn đâu không thấy.

- Bây giờ anh đem nó theo?

- Dạ... người lính yên lặng xốc thằng nhỏ trên vai xuống, móc túi lấy mấy chiếc kẹo nhà binh đưa cho hai đứa bé. Thằng lớn cầm lấy chiếc kẹo, tần ngần một lát. – Chú cho cháu ăn cơm, đói lắm. – Người lính móc từ ba lô nắm cơm gói bằng giấy báo, hai đứa bé ăn trong nháy mắt; thằng lớn cầm mảnh giấy trong hai tay lè lưỡi liếm sạch từng hạt cơm còn sót lại. Tội nghiệp quá mấy em ơi! Tội đưa tay vuốt đầu thằng nhỏ, tóc nó cứng như một thứ rễ cây – khổ khổ cho mấy em biết mấy, ba tuổi đã phải trốn trong căn hầm tối tăm, ẩm thấp, nhịn đói nhịn khát đã hai ngày, ba tuổi chưa biết cởi chiếc quần để đi tiểu, nước tiểu đọng vàng ố một mảnh quần... Em có khóc không hỡi em. – Hai đứa bé tang thương ở làng Phú Thứ? Với sợ hãi của tuổi thơ, các em cũng đủ biết cái thân phận khổ nạn của một đứa trẻ Việt Nam trong thời loạn lạc nên đã nén những sợ hãi để không khóc... Tương lai nào cho các em, đứa ba tuổi cố nén tiếng khóc để chỉ biết đánh bò cạp, tương lai nào cho em, một đứa sáu tuổi đã biết ôm em vào lòng, mắt nhìn lên một miệng hầm đen tối để chờ đợi một trái phá, một tròng súng chấm dứt đời chưa kịp nở lấy một ngày trong sáng... Ôi! Các em, người tôi căng trên một đồng than hồng, nhỏ từng giọt máu đón

đau. Đau thương biết mấy hả trời... Đạn nổ... Đạn súng tay, súng cối từ bên cánh trái nổ vang – Tiểu đoàn 7 bên cạnh đang đụng địch. Việt Cộng tưng thể chạy về phía tiểu đoàn tôi. Đạn 12 ly 7 từ phía tiểu đoàn 7 bắn về, tuy đạn cao nhưng vẫn tạo thành cảm giác e ngại. Thằng nhỏ ba tuổi búi chặt lấy lưng chú, thằng bé lớn nhào xuống bờ ruộng, lấy hai tay bịt chặt tai, mắt nhắm nghiền. Tôi nghĩ đến một tuổi nhỏ của “guerre des boutons”, một tuổi nhỏ của Sài Gòn đường Nguyễn Huệ, tuổi nhỏ mồm ngậm kem và xem ti-vi. Các em ơi, các em có bao giờ biết có một tuổi nhỏ “thần thoại” nào như vậy? Quân rút ra theo đường bộ ngã chi khu Phú Thứ để ra quốc lộ 1, gần phi trường Phú Bài. Trời trở mưa, người lính cột thằng cháu nhỏ ở trên lưng bằng sợi dây ba chạc đạn, tay nắm khẩu garant, tay dẫn thằng cháu lớn. Dấu chân trần của thằng bé in trên cát ướt, thấy thấm thương như giọt máu hồng từ một quả tim non.

Xe đưa đoàn quân về lại Quảng Điền. 6 giờ chiều, tiểu đoàn vượt sông Bồ đóng quân tại làng Bát Vọng đối diện với Quận lỵ. Tôi ngã xuống chiếc võng cột giữa hai cây cột đỡ, kiệt lực như một người bệnh nặng hành quân đã hai tháng mười hai ngày...

Trăng soi xuống giòng sông lặn tẩn từng gợn sóng nhỏ không có được một chút mơ mộng nào trong lòng linh hồn chỉ ướt đẫm một thứ u uất hư hại như ánh trăng lặng lẽ soi xuống ngôi nhà thờ đổ nát bên kia sông. Bây giờ trời đang tiết thu sao trời đầy giá



rét tôi chìm sâu xuống một vùng tê cóng. Súng nổ, từ phía đại đội 93; nghe qua máy truyền tin được rõ toán phục kích bắn chết hai Việt cộng, tịch thu hai súng, một tên bị thương chạy vào xóm nhà dân... Bắn trái sáng, lục soát xóm nhà, thằng bị thương chắc hẳn trốn đâu trong đó... lệnh từ Tiểu đoàn. Cả một xóm làng bị dựng dậy trong đêm khuya, ánh lửa nhấp nháy từ những chiếc đèn con, ánh sáng từ quả sáng soi xuống nhợt nhạt...

- Trung úy, cho em qua bên đại đội 93 - hạ sĩ Em, thư ký hành quân của Đại đội tôi nói nhỏ - Qua bên ấy làm gì?... - Xóm nhà đó là nhà em, mẹ em ở trong đó! - Thật không? - Em gật đầu. Dưới bóng trăng mắt nó long lanh như khóc... Khi đại đội 93 lục soát xong, Em trở lại với một bà già gánh đôi quang gánh. - Mẹ em đây, Em giới thiệu bà già với tôi.

Người đàn bà ngồi bệt xuống đất kéo vạt áo lên lau nước mắt, Em ngồi xuống bên cạnh mẹ, nó nắm lấy bàn tay gầy guộc nhăn nheo. Hai mẹ con người lính ngồi im lặng dưới ánh trăng bàng bạc, thỉnh thoảng có một tiếng nấc nhẹ... Mẹ, theo con vào Sài Gòn nghe? - Không, tao ở đây còn coi đất, coi cát, buôn bán kiếm ăn qua ngày được rồi... - yên lặng trở lại trong đêm, dưới sông tiếng sóng nhỏ của con nước đang chảy về biển thì thầm như tiếng khóc bị nén. Hai mẹ con Em vẫn ngồi yên lặng trong sương đêm. Để lại Đại đội 93 tại vị trí đóng quân. Tiểu đoàn kéo ra lại Quận lỵ Quảng Điền - ngoài tên hiệu hành

chánh này, quận lỵ còn có một tên thật độc đáo – Sĩa – vô nghĩa nhưng hóm hỉnh và mộc mạc. Dân tộc tính, nếu có thì chính những chữ vô nghĩa này. Tôi là kẻ sinh quán từ miền Trung, nhưng một kẻ thứ miền Trung vong ân phế bỏ quê hương từ một thuở lâu lắm. Lẽ tất nhiên trong tận cùng ao ước, tôi chẳng bao giờ nghĩ đến lúc phải trở về trên mảnh đất nghèo hèn này; nhưng chiến dịch đã run rủi tôi trở về. Và tôi đã trở lại để thấy rõ sức mạnh tiềm tàng nhưng vĩ đại của tổ tiên: một giống họ “Phan” nghèo khổ theo chúa Nguyễn vào Nam, khởi đi từ những thôn xóm tận cùng miền Nghệ An, Hà Tĩnh...

Chúng tôi đã xa nhà từ lúc trời còn tiết hạ, đến bây giờ nổi chịu đựng đã lên đến tột đỉnh mệt mỏi rã rời cộng thêm giá rét của miền Trung người mềm đi, giống như bóng cò trắng đứng chờ vợ trên đồng vắng. Nhưng độc hại nhất là cảnh khổ phải chúng kiến – những khổ cực lý lợm nặng nề đè lên người dân, khiến họ còm cõi, lặng lẽ như ngọn đèn sắp tắt. Chiến tranh phá nát khắp cả quê hương miền Nam; những vườn cây ở Kiến Hòa, ruộng ở Long An, rừng dừa ở Bình Định dù có bị đạn bom tàn phá đến nát bầy, chúng vừa giữ được cái màu mỡ tiềm tàng trong lòng đất tươi tốt, trong thân cây dừa cứng cáp nhựa, dù lá có héo hon... Nhưng ở đây miền đất hẹp từ Quảng trị vào đến Thừa Thiên, chiến tranh đồng nghĩa với một phá vỡ đến tận gốc rễ... Khô cứng, tro trọi với cơn gió Nam thổi qua một vùng cát bụi mệt

mỗi phiên muộn. Nhìn một căn nhà ở vùng An Phú Đông bị sụp đổ: tôi có ý nghĩ rằng gia chủ sẽ cất một chiếc nhà mới ngay sau khi dứt tiếng súng, thiên nhiên giàu có tươi tốt ở đây là phép màu luôn luôn đốt sáng hy vọng trong lòng người... Nhưng ở đây khi đi qua những làng La Văn, Niêm Phò, những làng nhỏ bên sông Bồ, nhìn ra phá Tam Giang, những ngôi nhà sụp đổ là dấu hiệu tàn tạ của một thế hệ, một giống sống... Những nếp nhà thật xưa, trang nghiêm, kín đáo ba gian hai chái, thấp xuống, như muốn tan vào bóng mát của hai cây đào trồng đằng trước, nền gạch mát lạnh, lòng nhà tối tăm, hơi lạnh từ hàng cột, bờ tường rêu phủ xanh xao bốc lên... Trước nhà có non bộ, sau non bộ là bình phong, nhà có hàng rào bằng gạch trên có gắn miếng chai ngũ sắc, cổng có mái ngói, hàng câu đối nét chữ trang trọng... Suốt trên dãy quê hương này, ông cha chúng tôi dựng nên những nếp nhà như vậy, để đánh dấu một kiêu ngạo thầm kín muốn tồn tại hoài hoài trong một thế giới khô cằn nghèo khổ... Một tồn tại lặng lẽ nhưng đài các và cao sang hết câu hò tình tứ bay bổng trong nền trời từ một khoang dò lũng thũng. Tôi biết rõ niềm kiêu ngạo trong lòng tổ tiên, những người nông phu khốn khó đã rời bỏ quê hương đi về Nam, họ đã đến đây, sau khi đã đi hết một đoạn đường dài cát bụi của hai xứ Quảng Bình, Quảng Trị, họ đã đến đây và bị chặn lối bởi Hải Vân Sơn nên đành phải dừng lại, đứng lại để xây dựng một quê hương mới, một kinh

đô để biến mình thành một loại dân chốn kinh kỳ, người kẻ chợ. – Những tổ tiên đó đã chứng tỏ sức mạnh sáng tạo trên nơi chốn nghèo hèn bằng một lối sống đầy nghi lễ kiểu cách...

Nhưng trái bom đã rơi xuống trên mộ phần của tổ tiên, đã phá vỡ cái hàng rào quan liêu đài các của những ngôi từ đường thênh thang những phủ, những dinh, đã cuốn trôi hết thấy dấu vết của những người bình lặng vĩ đại ở linh hồn, cứng thẳng như một giống tùng đời đời xanh tốt. Tôi đi qua quê hương này để thấy rõ niềm ao ước của người xưa bị cắt đứt. Viên gạch, tảng vôi của những cổ mộ vùng Mậu Tài, Đồng Xuyên nổ tung dưới bom đạn trong xót xa như da thịt của người xưa. Tôi một kẻ nhỏ trở về để nhận thấy cái hân hạnh thảm hại – chúng kiến phút giây sụp đổ của tiền nhân. Nhưng cũng trong những lúc này, những lúc đổ vỡ toàn diện của quê cha, tôi được nhìn tận mặt cái phản kháng im lặng nhưng quyết liệt đối với định mệnh của một lớp người dù trong cuối đáy của khổ cực vẫn tin tưởng sắt son vào từng bụi cây khóm cỏ... Có một ngày, tôi dẫn quân đi dọc bờ sông... Quân đã đến làng Lương Cổ, làng vắng nhưng sao quang đường này sạch sẽ in dấu chổi vừa quét... Có tiếng động một bà cụ già tóc bạc phơ, áo quần rách vá chằng chịt, từ một bụi rậm đi ra... Bà cụ làm gì vậy? Cái giọng Trung pha Bắc lẫn Nam của tôi không làm bà cụ hiểu được, phải gọi thẳng Thiên tới, thẳng “lạc đà” người Huế của tôi...

- Mẹ làm chi rửa mẹ?

- Mẹ quét đường con... Mẹ ở một chắc rằng mẹ?

- Có ôn ở trong nhà nữa con. Hai vợ chồng già, già lắm trong một cảnh làng hoang vắng đổ vỡ, vẫn cố gắng quét sạch một đoạn đường làng trước mặt nhà; cỏ dại lá tre được un về hai mép đường khéo léo và gọn ghẽ; con đường đất vàng tươi phủ một lớp bụi phơn phớt lượn vòng vèo theo bờ sông dài đến trăm thước, thế nhưng bà cụ trên bảy mươi tuổi, yếu đuối lưng còng, do một thói quen đòi các muồn chỗ ở luôn luôn được sạch..., đã cố gắng quét dọn thật sạch sẽ. Tôi đi vào căn nhà phía trái con đường, ông lão chồng bà cụ đang lom khom trên một mảnh vườn nhỏ, hoa thực được nở từng đóa thật lớn, đỏ tươi chen lẫn với những đóa cúc vàng...

- Mấy cậu bắn rằng sập cái nhà của tui lại rồi! Lời trách cứ nhẹ nhàng làm lòng tôi chùng xuống – một quả đạn 105 ly đã rơi trong khu vườn làm sụp một mái nhà...

- Bị bắn lâu chưa ông? Đại bác trong quận bắn ra tối hôm qua đó cháu... Viên đạn phá vỡ tường nhà tối hôm qua, nhưng sáng hôm nay những viên gạch vỡ đã được xếp gọn ghẽ ở một góc tường.

- Bữa nào yên, ông đi Huế mua xi măng về xây lại đi ông già, người lính để nghị với một vẻ cười cợt...

- Cha, tui xây mấy lần rồi đó! Cứ làm xong là bị bắn sập! Nhưng lạ ông bà, vợ chồng tôi không có chi cả là mừng rồi!

Ông lão nói tự nhiên cái tai ương phải gắng chịu. Tôi không biết trong thân thể già nua đó, sức mạnh nào đã giúp ông qua được đời sống lửa đạn này để hằng ngày tĩa lại một nụ cười vàng rực rỡ. – Sao ông không về Huế mà ở?

- Tui già rồi, ba bốn trận giặc trước còn sống được thì lúc này có chi đi nữa tui cũng phải ở lại để coi nhà cửa đất cát! Ôi, nhà cửa đất cát, người già đã xây dựng từ một tuổi thanh xuân nay chúng tôi đi phá vỡ. Tình yêu đất đó, họa chẳng chỉ có người Trung Hoa mới có thể so sánh được – Phải chăng đó cũng là sức mạnh nền tảng của quê hương. Đóng quân ở Quảng Điền, lính vui vẻ vì thấy được người, uống được cà phê và nước đá. Riêng tôi xin quá đủ, đủ quá nên chỉ xin một thế giới thật vắng vẻ, một thế giới yên lặng không bị đánh thức bằng tiếng nổ; hãy cho tôi một giòng sông không pha máu người, không in bóng giáo đường bị cháy... Hãy cho tôi ngủ bình yên bên con sông mùa xuân tuổi nhỏ – sông Cẩm Lệ, chảy từ Phong Lệ qua Miêu Bồng ra sông Hàn, chỗ gần núi Non Nước – nơi đó, giòng sông thật mênh mông đầy cát nhỏ, tôi nằm dưới một giàn lưới cá, nước dưới lưng lạnh ngắt và thân thể ở trên hong nắng, một thứ nắng thật mới của ngày mồng hai tết. Cho tôi nằm lại trên giòng sông thơ ấu đủ để quên những đêm Thủy Tú, sông Bồ, Phá Tam Giang; xin cho tôi quên dấu chân đứa bé sáu tuổi in trên nền cát, chạy lom khom trong cái hấp tấp sợ hãi vì tiếng súng; xin cho quên

người mẹ được đánh thức trong nửa đêm để gặp lại đứa con sau bốn năm xa cách, nay mặc áo rằn ri của lính Nhảy dù: đứa con thơ dại năm xưa nay cần cỗi như một thú tù binh khốn nạn với những vết nhăn của gian lao và cực nhọc, người mẹ đã không nhìn ra nên đã ngồi xuống chấp tay van lạy xin tha tội! Ôi cái tội khốn khổ vì đã làm một người dân trong thời lửa đạn. Cho tôi quên Quảng Điền, với buổi sáng 7 giờ, người nhà quê vác vợ trên lưng, tay bế đứa con gái hai tháng, với một đứa lớn 4 tuổi leo đèo theo sau. Người đàn ông tiến vào văn phòng quận vì tới qua người vợ bị lạc đạn gãy chân... Đứa con nhỏ hai tháng được bố đặt sát vào ngực người mẹ cố tìm trên hai đầu vú thậm tím một giọt sữa trong khi người mẹ thiếp mê vì cơn đau. – Một ống chân bị đạn bắn vỡ – vẫn cố đưa bàn tay trong một hành động vô thức, ép chiếc đầu đứa con vào đầu vú héo hắt! Thôi đủ quá rồi, đóng quân ở đâu cũng chỉ có thể thôi... Hãy về ngủ yên trên một thôn xóm bình yên không nghe tiếng súng, và dân quê đừng chấp tay van lạy mỗi lần chúng tôi xét hỏi và người đàn ông xin đừng van vì than khóc khi thấy vợ mê đi trong cơn đau đớn, đưa bé chọt rú lên vì sữa mẹ cạn nguồn... Máu của mẹ đã chảy ra rồi đâu còn có sữa cho con. Quê hương của tôi ơi, Quảng Điền, Phong Điền, Phú Thứ, Hương Thủy, Đồng Xuyên, Mỹ Xá thôi đã quá đủ. Tôi đâu có ngờ một quê hương tang tóc như thế này? Muốn kết cỏ ngậm vành, muốn cắn răng vào đất, muốn nhỏ

máu xuống giòng sông – đau xót lắm, tôi đang phá  
quê hương bằng tuổi trẻ của tôi – quá đủ những ngày  
Thừa Thiên...

*Quảng Điền, tháng 10-1967*



# NGƯỜI LÍNH ĐÀO NGŨ

**T**rong ban chỉ huy của Đại Đội tôi, thằng Toàn xem như là kẻ sáng dạ nhất, khỏe mạnh chịu khó và có bằng Trung học. Suốt hai năm đi theo tôi để mang máy truyền tin không một lần kêu ca than vãn. Chiếc máy có cột tấm poncho, cái võng nylon, bộ áo quần bà ba đen để mặc ngủ – đồ ăn có thằng tải điện trở mang hộ – nó im lặng đi theo tôi như một cái bóng, một cái bóng thật khít khao đúng nghĩa. Trong khi thằng Hùng kẻ mang chiếc máy thứ hai huyền thuyên lém lỉnh, đói kêu, khát kêu, tuột dốc ngã xuống suốt la lối om sòm... Dừng quân, cơm dọn ra, nó ngồi ăn im lặng, nhai từng miếng nhỏ chắc chắn, xong rút về lại chỗ nằm, áp chiếc ống nghe vào tai, hút điếu thuốc. Thấy tôi đứng dậy để đi lên Bộ Chỉ Huy Tiểu Đoàn họp, mở miệng: Tui có đi theo không? Không – nó im lặng ngồi xuống nhìn vào khói thuốc. Những ngày đóng quân trong làng, trong khi những tên lính khác đi rong chơi la cà ở các quán nước hoặc những nhà có đàn bà con gái,

Toản ngủ vùi trên chiếc võng với cái ống liên hợp áp sát vào tai: trong giấc ngủ mê nó treo chiếc ống vào nút áo ở ngực nhưng bàn tay phải luôn luôn co lại trong vị thế đang bấm chiếc combine đặt sát vào tai. Trong giấc ngủ nó cũng không quên công việc như phản ứng của một loài vật dưới thí nghiệm của Pavlov. Nhưng có một ngày nó mất hẳn những nét tự nhiên và bình thản thường lệ, nó ngồi thừ người mắt nhìn vào khoảng trống tay cầm một lá thư, điều lạ lùng là chiếc ống liên hợp của máy truyền tin bị vất lăn lóc dưới đất – một việc làm suốt hai năm chưa bao giờ có – ống liên hợp, vật dễ hư hại mỏng manh nhất của một chiếc máy. Toản nâng niu gìn giữ như một thú của gia bảo, trời mưa được bọc kín bằng bao nylon buộc dây cao su thật chặt để không có một hơi mưa, một giọt nước nào phạm đến, lòi qua suối, bao giờ chiếc máy cũng ở trên đầu và chiếc ống nghe được nâng cao hơn... Cố gắng cao hơn tí nữa.

- Có chuyện gì vậy Toản ... Chuyện ở nhà, Trung úy... – nó ít nói ngay những lúc cần nói nhất. Tôi bỏ nó bước ra xa vì thấy không giúp ích gì được. Tối ấy, Toản uống rượu. Không biết nó uống bao nhiêu rượu đế, nhưng từ xa trên đường dẫn về chỗ ngủ tôi đã nghe tiếng chửi thề của nó... Đm. nó!... Đm. nó! Giọng nói của người dân xứ Quảng thường ngày vốn cứng ngắt và chắc nịch, trong cơn say tiếng chửi thề của nó trở nên chát chúa như tiếng búa gõ xuống mặt đê.

- Thằng Toàn say Trung úy. Thằng Thiên làm cho tôi vào mách.

- Kệ nó đừng đũa nào chọc vào hết...

Toàn trở về ngôi trên bực tam cấp của ngôi chùa chúng tôi đang đóng quân; nó nghiêng rặng trèo trẹo, kể lể ngắt khoảng chen lẫn tiếng chửi thề, tiếng chửi vang lên trên mặt sông trước ngôi chùa nghe xa vắng như một tiếng kêu cầu cứu... Mắc mớ gì hấn đốt nhà tôi? Mắc mớ gì mà hấn đốt nhà tôi! Con em thì ngu, ông già chỉ ôm được cái mền, bà già thì bị đạn! Trời ơi là trời... Mả cha mỗ tổ hấn.

Nhà của nó một chiếc nhà nhỏ ở Quế Sơn, Quảng Nam, vùng đất hoang vu hiu hắt, núi dựng trường thành che kín một vòng trời – những ngọn núi gồm đá tảng xếp cạnh nhau – một thứ đá nâu đen nhẵn thín kỳ quái, buổi sáng trong sương mù có màu đen đen xám xám, trưa hóa thành nâu đậm, và đến chiều trong ánh vàng hiu hắt của tia nắng quái, tảng đá hóa nên những khối, màu sắc tím, đen, đỏ, vàng linh động như một khối vật chất thần bí những phiến đá có sinh khí có tên và kỷ niệm cùng với những con người chất phác cứng rắn và quả cảm như sông Thu Bồn ào ào chảy về biển giữa hai hàng cát phẳng lì óng ánh hạt nhỏ kim cương. Ngôi nhà nhỏ mà Toàn hằng kể cho chúng tôi nghe bằng một giọng nói hết sức hãnh diện. Ngôi nhà gồm những chiếc cột to lớn trơn lẵn sờ vào mát rượi như không khí u tịch của rừng sâu. Chiếc cột được đốn từ nơi con sông chỉ là những

ngọn suối nhỏ, cả gia đình quây chung quanh một gốc cây tính toán, rồi nỗ lực nâng chiếc rìu nặng trĩu lên chặt những nhát búa đầu tiên xuống thớ gỗ cứng chắc vững vàng như khối sắt... Thân cây được buộc vào dây, dây nứa, trong lòng rừng, cong chiếc lưng kéo cây gỗ nhích từng tấc, từng thước... Từng đoạn đường tắm đẫm mồ hôi. Cây được mang xuống dòng suối, theo suối vượt qua ghè đá, qua ghềnh sông trôi về sông dạt vào bãi cát. Và lưng người lại thêm một lần hằn lên tím, đỏ vì những sợi dây thừng ấn sâu vào da thịt trắng lớp da non tạo trên vai, trên lưng những vết xước đỏ hồng tia máu... Chiếc cột được kéo từ bờ sông lên bờ đất, vượt thêm một chặng đường hoa nắng làm vỡ tung những con người những tròng mắt đỏ chạch vì gân máu cú gằm trên một lối đi sỏi nhỏ lung linh ánh sáng mặt trời – mặt trời miền Trung của những ngày hạ chí nóng như thiêu đốt. Và chiếc cột được dựng lên kiêu hãnh như một dấu vết sáng tạo mừng vui như đứa con thơ đầu tiên vừa ra đời. Căn nhà được dựng lên bằng tám chiếc cột lớn, mười hai chiếc cột nhỏ, rui mè, kèo cột được chạm trở lồi lõm thành hình những con dơi những cuốn sách, giải lụa, cây bút, cái nghiên. Ông già Toàn muốn bù lại phần thiếu sót học vấn bằng những sự đầy đủ của không khí văn học để con trai trong những buổi trưa nồng thiếp có giấc mơ êm đềm tưởng như giải lụa buộc vào cuốn sách đang phơi phơi bay trong cơn gió vô hình... Cái hình này là do thợ đục từ ngoài

Non Nước tui mượn vào làm khoán đó – ông già Toàn thường khoe với hàng xóm như vậy. Căn nhà đó, Toàn đã lớn lên từ thuở nhỏ, đã chứng kiến một cách say mê những nhát đục thật tinh xảo của một người thợ khắc – một thú nghệ sĩ hồn nhiên như cây tre trên bờ ao – bậm môi nghiêng răng đánh những nhát búa tài hoa trên chiếc đục tạo thành một cánh dơi thanh thoát bí ẩn như ý niệm siêu hình. Toàn đã từng nằm thật lâu trên chiếc ngựa bóng như mun để theo dõi, chờ đợi tưởng như cánh dơi kia đang chuyển động, sẽ bay ra ngoài bầu trời và trở về trong buổi chiều như một giống gia súc... Nhưng ngôi nhà không còn nữa, lửa đã cháy những chiếc cột của nỗ lực, những cuốn sách có giải lụa tài hoa, hình con dơi bí ẩn đã bốc lửa, đã hóa tan, đã tiêu tan vào hư vô như một lớp tro tàn bay trong bóng nắng... Ngôi nhà đã cháy như quá khứ của một giống dân bị hủy diệt, như tương lai của tuổi trẻ bị nhận chìm – ngôi nhà cháy cùng chấm dứt của hy vọng. Thôi rồi, thẳng Toàn hết còn hy vọng để trở về chốn cũ bước chân trên bờ sông chuyển động cát lún, những hạt cát xào xạc dưới bước chân, đềm căng chiếc đặng thật lớn chặn hết dòng nước để sáng mai thò tay vào dòng nước còn lạnh mát hơi sương bắt những thân cá bạc trắng vù vẩy như bọt sóng. Thôi hết rồi những hy vọng của tương lai vào rừng xanh, tay cầm mác lưng mang gùi đi tìm những thân cây trầm, huyền hoặc thơm ngát dấu tích cũ một loài tiên... Không

còn đâu tương lai về lại Quế Sơn để đưa cho người cha số tiền dành dụm của ba năm đi lính; ba năm lính chỉ ăn cơm hỏa thực Tiểu Đoàn, ba gói thuốc lá quân tiếp vụ được dè sẻn để dành hút cho đủ trong một tháng. Ba năm dành dụm một tháng tám trăm đồng, đủ để mua cho ông già cái áo blouson, đưa em gái ba thước lụa để may áo dài, suốt đời chỉ muốn có một khung cửi dệt lụa, đẹp như lụa ở Duy Xuyên và mẹ nó nữa... Người đàn bà khốn khổ lần đầu tiên ra Đà Nẵng thấy người ta gánh phở tưởng chừng như một tai nạn đang làm cháy đôi quang gánh nên đã la lớn: Cháy gánh! Cháy gánh! Bà Con ơi...

Nhưng chiếc trục thăng đã hạ cánh xuống trên nền đất sét trước nhà, gã lính Mỹ đã lừa vội ông già với chiếc mền ở trong tay cùng đứa em gái, bà mẹ thì được đi một chiếc tàu bay khác để về bệnh viện. Ôi, trại định cư của dân tỵ nạn cộng sản, Toàn đã biết quá nhiều, một nếp nhà hay tệt hơn một chiếc bạt nhà binh được cất lên trên một nền đất lầy lội hay một vùng cát xám cô liêu lác đác dăm cụm xương rỗng gầy guộc. Những người tỵ nạn sẽ chen chúc hỗn độn trên những nơi chốn đó, gia đình được ấn định trên diện tích rộng khoảng hai chiếc chiếu; “nhà” này được ngăn với nhà kia bằng một lớp giấy bìa của những hộp thức ăn Mỹ. Và trong những ngôi “nhà” đó cha nó sẽ ngồi bó gối đăm chiêu nhìn ra một bãi cát loang lổ khô cằn lúc nhúc một đồng trẻ con đang tìm tòi tội nghiệp với những cành khô, lá mục để

đem về làm củi đun một nồi cơm nhẹ hừng, khi sôi bọt nước chỉ chạm đến mép nồi... Những bữa cơm chỉ đáng gọi là nồi bất hạnh được hiện hình với một nắm cơm nằm chổng chơ bên cạnh một bát nước đen kịt mặn đắng chen lẫn với vài ngọn rau dền, rau má và ông già nó sẽ nhớ lại lát cá đối thật tươi giữa có một lớp mỡ nằm trong bát nước màu loáng ớt đỏ tươi. Ôi trại định cư, em gái nó, đứa em gái quê mùa nhưng xinh xắn như con cá nhỏ óng ánh màu sắc được nuôi trong một bóng đèn treo trước nhà như một kỳ quan, đứa em gái đó sẽ nhập bọn cùng với một lũ người rách rưới đi lang thang chung quanh các trại lính Mỹ nay ngồi bó gối trên một đồi cát cách xa hàng rào phòng thủ như một lũ kên kên loang lổ hôi hám đợi chờ thầy ma; họ sẽ ngồi như thế dưới ánh mặt trời đốt cháy trên lưng và hơi nóng từ mỗi hạt cát bốc lên theo sợi chân lông luồn sâu vào máu người khô như một ngọn cỏ giữa mùa hè... Cái lớp người thầy ma đó, trong cơn rã rượi ngất ngư phập phồng thở như những con cá kẹt trên cát, sẽ tung mình ngồi nhóm dậy chạy như một lũ điên, chạy nhanh như chưa bao giờ nhanh hơn được với những bước chân xiêu vẹo – lũ người đó sẽ chạy đến một chiếc xe Mỹ đưa những bàn tay đen đũi, gầy guộc, cẩu xé, đê bẹp lên nhau để tiến tới gần, gần hơn chút nữa, một đám lính đang ngơ ngác đang ngạc nhiên với đôi mắt xanh như bầu trời lần đầu tiên nhìn thấy một địa ngục có thật. Một số người được giữ

lại phần còn lại sẽ trở về ngôi chờ đợi một cuộc chạy đua mới để đưa sự thống khổ của con người vào đỉnh cao nhất. Số được giữ lại sẽ nhận hàng trăm bó bao cát oằn vai, và một cái xẻng. Rồi em nó trong số người có điểm phúc được chọn, cong chiếc lưng con gái mười bảy tuổi trên một nền cát hùng hực hơi lửa, hơi lửa sẽ làm sợi tóc xanh trở nên khô héo, những lông mi dài thanh tú sẽ cụt đi và rụng xuống theo một chớp mắt cay đắng để tan vào bão cát cùng với giọt mồ hôi. Em nó đã cho từng xẻng cát vào bao, nâng cao cặp mông tròn căng thẳng một sức sống mới lớn vào những gã trai trẻ ngoại quốc, đã bao nhiêu lâu xa đàn bà – những gã lính trẻ tràn đầy sinh lực đó sẽ im lặng đến đằng sau lưng em nó vòng tay ôm lấy cái thân thể tuy đang nóng nực mồ hôi cùng đất cát nhưng vẫn còn rất nhiều quyến rũ... Gã lính trẻ sẽ cười lên hô hố, cười vì sung sướng ngạc nhiên. Nó vừa ôm được một thân thể đang run lên bần bật, một thứ da thịt mới mẻ tinh khiết căng chắc và nồng nàn một hương vị bí ẩn – hương trinh trắng của một người thiếu nữ vừa lớn lên và em nó sẽ làm gì? Sẽ vùng vằng chống cự, sẽ khóc hay buông thả để dồn cát thật nhanh, dồn thật nhiều cát vào bao để sau đó xòe vạt áo bà ba nhận lấy một 3 hộp thức ăn, một vài tờ giấy có tiếng Mỹ hay một trăm đồng bạc Việt Nam màu đỏ. Em nó sẽ cắn răng thật chặt, chặt đến nẻ máu môi nhưng để khỏi tuôn nước mắt, cúi gầm chiếc đầu – chiếc đầu ngày xưa nó thường vụng về



cài lên một chiếc lược bằng đôi môi hay buộc hai sợi cao su vào hai bím tóc để con bé toét miệng cười – trên chiếc bóng đồ dài in trên nền cát. Vì khóc để làm gì? Giọt nước mắt đôi khi còn tạo nên một kích thích kỳ thú ở gã ngoại nhân! Thôi chỉ còn cần răng chịu đựng để mặc bàn tay thô bạo xoa trên chiếc mông tròn, luồn vào trong chiếc bà ba không áo lót. Khốn khổ cho em nó biết bao.

Còn mẹ nó nữa; bà mẹ già quê mùa sẽ được đưa vào một nhà thương thí nằm bờ vờ ngõ ngác trên một chiếc chiếu cáu bẩn hôi hám, với chiếc chân bị thương sưng tấy lở loét, đại tiện, tiểu tiện vào chiếc xô để ở bên cạnh: những lúc ấy ai sẽ đỡ giùm đôi vai, ai sẽ cho dựa chiếc lưng lúc đêm khuya khi vết thương nhức nhối để mẹ nó có thể nằm thở dễ dàng... Đến bữa cơm mẹ nó sẽ bò đến chiếc thùng cơm ở cuối phòng, chắc chắn sẽ bò bằng hai tay với đầu gối của chiếc chân lành lặn, đầu tóc dài rối tung kéo lê lết trên sàn nhà đen kịt vì đất bùn, nước tiểu và máu khô đã đông cứng – mẹ nó sẽ bò như một con vật đến chỗ để cơm vét một ít cơm thừa bằng một ống bơ sữa bò đổ vào đó một thứ nước canh mặn mặn cáu bẩn mẹ nó sẽ run run bò về lại chỗ nằm bốc cái thức ăn gọi là cơm đó đưa vào chiếc miệng hết răng, trệu trạo trên hai chiếc lợi cố nuốt lấy một phần thức ăn để mong được sống; ôi sự sống tàn bạo và cần thiết đến ngần nào... Đêm đã khuya, trăng thượng tuần xanh xao ở một góc trời; thẳng Toàn tỉnh rượu

ngồi trên bậc thang cấp nhìn về phía dòng sông đang im lặng chảy về biển –những đêm trăng tuổi thơ nó cũng đã từng ngồi thật lâu để nhìn dòng nước tràn ánh trăng lung linh chuyển động – con sông vẫn còn đó nhưng ngôi nhà thơ ấu đã tan hoang.

- Sau cuộc hành quân này, Trung úy cho tôi đi phép thường niên...

- Mà mấy năm rồi chưa đi phép?...

- Bốn năm kể từ ngày đi lính.

- Đi phép rồi có trở lại không? Hay đồng thẳng? – Toàn nhìn tôi im lặng, một thoáng ngần ngừ.

- Chắc tui đi thẳng! Nhà cửa như thế đó nóng ruột quá.– Tùy mày. – Chắc sau khi về ngoài đó, thế nào em cũng đi lính lại, nhưng đi nghĩa quân hay địa phương quân để coi lại nhà cửa...

Trong vụ biến cố Mậu Thân, chót cùng của nguy nan và khổ cực Toàn vẫn lặng lẽ và câm nín như sống ngoài một cảnh khác, thỉnh thoảng nó chỉ lẩm bẩm... Cha tiên sư chết lúc này là khổ lắm! Sau khi về đến Sài Gòn nó được đi phép thường niên, để lại cho tôi một bức thư. “Biết rằng đào ngũ bỏ Trung úy và Đại đội là bậy, nhưng tình cảnh gia đình em thật quá khổ, em phải về để lo cho xong, xin Trung úy hiểu lòng em”...

*An Lộ – Thừa Thiên, Mùa Đông 1967*

# ĐỨA BÉ Ở ĐÔNG HÀ

Quân đến Đông Hà để ra Gio Linh trong chiều hôm nay, tối nay là Noel. Phó Tổng Thống có mặt tại Đông Hà ăn tết cùng Bộ chỉ huy hành quân; chúng tôi có nhiệm vụ giữ an ninh xa cho buổi lễ. Rời Quảng Điền vào lúc chiều tối, lúc mọi việc đã sửa soạn xong cho buổi ăn nửa đêm, thật là khó chịu... Lính cầu nhàu tức tối... – Tức cái nỗi gì, mà yác luôn nổi cary vệt đi theo ra Gio Linh không được sao, phải cẩn thận. Anh thường vụ đại đội quát tháo âm ỉ đuổi lính lên xe thật gọn... Quảng Điền, Phong Điền, Quảng Trị, con đường số 1 vào buổi chiều sương mù phủ kín buồn bã, u uất như cảnh chết. Xe đến Đông Hà dừng lại đợi lệnh. Bước xuống xe nhìn về phía Trung Lương, Gio Linh xa tít, lòng bâng khuâng không duyên cớ; trời giá rét và gió lộng bốn hướng, chầm rãi điếu thuốc không được...

- Có hai thằng nhỏ xin theo ra Gio Linh, Trung úy có cho đi theo không? Tôi quay lại – hai đứa bé

trai, đứa lớn khoảng mười hai tuổi, đứa nhỏ kia bé hơn đôi chút...

- Ra Gio Linh làm gì, chú nhỏ?

- Dạ, nhà con ở ngoài nớ, nghỉ lễ Noel ra ở với ôn nội...

- Em học lớp mấy?

- Dạ học đệ thất, thằng ni học lớp nhì... Thằng lớn chỉ vào đứa em giọng đôi chút hãnh diện...

- Cha mẹ đâu mà phải ở với ông nội...

- Cha đi lính mạ bị thương nằm ở Quảng Trị – lệnh cho đoàn xe chạy trở lại, tôi cho hai đứa bé lên xe, nhìn chiếc áo trắng học trò cùng hai khuôn mặt ngây thơ ngơ ngác giữa một đám lính ồn ào lòng chột nhối lên một xót thương se sắt. Thuở xưa, tôi cũng vậy... Cũng lang thang dọc trên con đường số 1 trên những chiếc xe nhà binh bên cạnh những người lính đầy gươm đao và súng đạn; tôi cũng đi theo những chiếc xe hàng chạy đường Đà Nẵng, Nha Trang, Sài Gòn bên cạnh những lơ xe đồ tực tũ thô bạo. Tôi đã khôn, đã lớn, không phải trong lớp học, trong gia đình, nhưng trong những khoang xe hôi hám, ngửi trên bao gạo ẩm, nhìn thấy từ cuối khoang xe cảnh làm tình tàn bạo giữa gã lơ xe cùng với một chị nhà quê không đủ tiền mua vé xe đò... Gã thú nhì dựa lưng vào thành xe phụ lực bằng cách dùng chân đạp vào chiếc mông nhún nhảy của gã thú nhất!... Trong tiếng cười khoái trá thật thản nhiên. Xe chạy qua đèo Cả lúc ba giờ sáng, ánh trăng bạc thếch soi xuống

lòng xe một khoảng nhỏ, dưới kia bãi Đại Lãnh đẹp như một cảnh thủy mặc, mặt bể long lanh thần thoại và tôi thức giấc không phải vì hơi gió lạnh luồn qua nhưng vì tiếng nấc của người đàn bà bị cưỡng ép phải làm tình quá độ, với tiếng cười khoái trá của hai gã lơ xe lực lưỡng... – Đm., đi ở Quảng Ngãi chỉ có ba chục một cái, cho mày đi xe, tệ lắm cũng đỡ hai trăm, khóc cái con C...

Cũng trên những chiếc xe nhà binh, tôi học bài học sợ hãi và nhịn nhục đầu tiên trong đời dưới chân đèo Hải Vân, làng Liên Chiểu; anh tài xế người Việt Nam bảo tôi chui xuống đồng bật nhà binh bụi bặm đầy dầu mỡ khi viên sĩ quan người Pháp trưởng đoàn xe đi xét lại trước khi lên đèo... Nỗi sợ hãi lên đến tột đỉnh một giòng nước nóng chảy ra giữa hai chiếc đùi co quắp khi viên sĩ quan lấy chiếc gậy đánh ngay lên chỗ tôi nằm để la rày người tài xế vì tội bừa bãi. Ôi, những chuyến xe thời thơ ấu chỉ dạy cho tôi biết sự hèn mọn của kiếp người...

Hình ảnh hai đứa bé còn gợi cho tôi đến những toa xe lửa ám khói, những toa xe lửa hạng ba, sàn tàu là một chỗ di động đầy bùn lầy và rác rưởi, hơi nước tiếu tử phòng vệ sinh bốc lên nồng nặc. Những toa xe lửa hạng ba mù mờ với một ánh sáng bệnh hoạn vàng úa – trong khoang xe tôi ngồi như một con ốc mắt láo liên chờ đợi người soát vé – hiện ở đầu toa xe, tôi sẽ phóng một mạch về phía cuối cùng với một lũ trẻ con tội tàn, rách rưới leo vọt lên trần xe

nằm thật sát, hai tay dang rộng để tạo một thế nắm vững chãi trong khi xe đang chao mạnh trên khoảng đường Nha Trang - Mường Mán... Những toa xe lửa hạng ba khi qua khỏi Diêu Trì thì trời đã ngả về đêm. Những đứa con gái gầy gò, rách rưới, bán nước chè, bánh bột lọc cố gắng tạo nên một động tác khêu gợi dĩ thỏa, người rướn lên trong một nụ hôn tham lam, bật khay áo bà ba để bàn tay thô bạo của gã soát vé thông dong sờ soạng trên một thân thể dậy thì cứng chắc dưới kích động của dục tình và thế đứng chông chênh bất lợi cho một động tác ân ái... Cũng trên chuyến xe lửa hạng ba này, tôi đã thực hành cái trụ lạc đầu tiên trong cơn thăng thốt của đời đang chín đỏ lo âu; năm trăm cây số quá xa để trở về nhìn mặt người thân yêu nhất đời đang hấp hối, trong cơn say vầng vất tiếng tàu lửa ưu phiền trôi trong ánh nắng võ vàng của một chiều cuối năm, ngoài khung xe cánh đồng cát vùng Kỳ Lam, Thăng Bình trải dài như một bãi tha ma hoang phế; trong khung cảnh chết cùng với nỗi phiền lo ngập trong lòng, tôi còn biết gì hơn là một thoáng nổi trôi trong bình bồng của hơi men cùng những ham muốn ti tiện nóng bức một thứ lửa cuồng si, đại dột của tuổi dậy thì... Những chuyến xe lửa hạng ba đã dạy cho tôi biết chết khi đời đang mở ra cùng sự sống.

Nhìn qua khung cửa của ca bin xe GMC tốc của hai đứa bé tung trong gió, bốn con mắt trong sáng đang mở ra với tột cùng kinh ngạc theo câu chuyện

đầy tàn bạo và tục tằn của đám lính. Các em ơi, các em thật là rủi ro khi chọn chuyến xe này để đi về quê hương – hỗn trẻ thơ này làm sao rửa sạch được những vết hằn, mà câu chuyện người lính đã gieo trong lòng em. Anh xin lỗi các em, chuyến xe chót của một ngày đã hết, Gio Linh đã đến với tiếng nổ hỏa tiễn cực lớn cái chết sẽ đến lúc nào đây?... Thôi các em hãy quên những điều nghe trên chuyến xe, cũng như anh đang quên chiến tranh đang đẩy trên quê hương.

Tối hôm nay tôi uống rượu thật say, say quá đôi không nghe tiếng chuông nhà thờ mười hai giờ đêm, hỏa tiễn từ bên kia Bến Hải bắn qua không gây cảm giác, trong chập chờn của men rượu, tôi nhìn về phía nam phía La Vang tưởng như có một Thiên Chúa đang sinh ra chịu nạn trong đời; tôi hát... Đêm đông lạnh lẽo, chúa sinh ra đời. Trong khi đó từ lều của Bộ chỉ huy Tiểu đoàn về đến chỗ ngủ, tôi lọt vào một chiếc hố cá nhân, nhưng tay vẫn không rời những món quả nhỏ, gồm có chai rượu bằng hai ngón tay, một gói kẹo có bốn chiếc... Cát đi cho chúng nó, chúng nó là những Mễ, Tâm, Thành, Thừa bây giờ đang đem Đại đội vượt ranh Phi quân sự về phía Bắc... Chúng mày ơi, tối nay là Noel đấy...

*Gio Linh, tháng 12-1967*





# TÌNH GIÀ

**C**húng tôi đóng quân tại làng Tri Bưu, làng của những người Công giáo, những người dân chỉ một chiều chống cộng, kết chặt với nhau thành một khối nguyên xi không rạn nứt dưới bất cứ một ảnh hưởng nào. Điều này đã chứng tỏ từ hơn hai mươi năm qua dưới kìm kẹp, công phá của bom đạn hai thời chiến tranh. Bộ chỉ huy Đại đội tôi ở chung nhà của hai vợ chồng già. Đã từ lâu khi phải đóng quân ở trong làng dân, tôi thường chọn những nhà hoang không chủ, một ngôi chùa hay chiếc miếu để đặt ban chỉ huy Đại đội. Ở chung với dân tuy tiện lợi nhiều thứ nhưng lính thường có cơ hội làm phiền hà dân chúng – điều tôi muốn tránh trong lúc người dân đang nằm trong tội cùng khổ. Một cái chén, cái nôi cho lính mượn thường thường kèm theo một cái nhìn đầy lo âu than trách; biết làm sao được. Khi suốt đời họ chỉ có thể mua vài chiếc nôi để dùng vào trong những việc thật quan trọng như kỵ giỗ lớn – chiếc nôi đồng, một phần của gia tài gom góp

được sau những năm dài cúi đầu trên thửa ruộng nghèo nàn, khô khan úa phèn mặn chát. Tôi cũng tránh các nhà dân quá đông người, nhất là nhà có đàn bà con gái. Lính đi hành quân xa nhà lâu ngày này sinh ra những thèm khát lộ liễu – đêm ngủ yên lặng chiếc đèn tù mù đặt trên bàn thờ soi xuống căn nhà với một thứ ánh sáng héo hắt. Tôi nằm ngủ ở gian trái, gian phía phải gia đình bà chủ nhà cùng hai đứa con, lính của ban chỉ huy ở căn bếp... Có tiếng kẹt cửa! Một bóng người từ dưới bếp bò lên, chiếc bóng đi bằng hai tay, hai chân lồm nhồm trông buồn cười kỳ cục. Ngọn đèn được thổi tắt! Người đàn bà kêu tiếng nhỏ lo âu. Có tiếng người thì thầm xin xỏ trong bóng tối. – Đứa nào đấy? Tôi gằn giọng. Có tiếng chân chạy lại xuống bếp, bàn ghế bị xô đẩy. Đấy, đóng trong nhà dân thường xảy ra những hỗn độn linh kinh như vậy. Lỗi biết đặt vào ai? Vì một đôi khi những người đàn bà quê tội nghiệp đó, trong tận cùng của khốn khổ bỗng nhớ đến một lạc thú bị cắt đứt từ bao nhiêu lâu... Thôi cũng đành buông thả một lần, giữ làm gì khi sáng mai thức dậy đầy tai ương và chết chóc... Nếu kẹt quá không có một căn nhà hoang, thì tôi phải chọn một ngôi nhà nào ít người nhất, càng ít càng tốt nếu chỉ có ông bà già thật là tiện lợi – đóng ở nhà đông người, nhìn bữa cơm của một gia đình với tám miệng ăn nhưng chỉ có một đĩa rau chấm vào chất nước sền sệt, mặn mặn để nuốt trôi những miếng cơm đỏ lạnh tanh cứng

ngắc. Trong khi lính có những lát thịt mỡ, tôi thấy phạm tội như một kẻ xa xỉ quá mức. Ở làng Tri Bưu, ở chung nhà với hai vợ chồng già. Ông già đã quá tuổi của một người xông xáo, hai hàm răng rụng hết, tay chân nhăn nheo như một thứ vải nhàu úa. Nhưng bên trong thân thể cằn cõi đó chứa đựng một sức sống hăng hái kỳ dị...

- Chà, mấy em không biết đấy, lúc mà Việt Minh năm mươi bốn, năm mươi lăm muốn tấn công vào làng này, một mình với cái súng mút-cờ-tông, mười trái lựu đạn mà ôm giữ cái cửa gân nhà thờ suốt gân một ngày... Mẹ cha tụi hần! Sau khi bắt được, tụi hần đánh ông rụng hết răng! Ông ta chấm dứt câu chuyện bằng một tràng cười khanh khách ngạo nghễ. Người con trai của ông ta, thoát tiên chúng tôi không biết được có ở trong nhà, vì hần ta ở kín trong chiếc buồng con sát chái bên bếp. Đêm đầu tiên đang nằm ngủ, chúng tôi nghe tiếng hát từ căn phòng vang lên ngắt khoảng câu hát lộn xộn sai nhịp, bài *Xuất quân* chen lẫn với bài *Tiến quân ca*, và chen lẫn với những nhịp chân đập xuống nền đất... Lẫn trong những câu hát có tiếng đọc kinh nghe kinh dị lạ lùng, thỉnh thoảng có tiếng rít qua hai kẽ răng cùng với những tiếng đập thành thạch của một thân người bị ném vào tường đất. Chúng tôi ngồi nhóm dậy kinh ngạc, thằng Hùng hiệu thính viên bò lại căn phòng hé mắt nhìn vào phòng tối đen không nom rõ, nó trở lại báo cáo: chẳng thấy gì hết cả, chắc có

người nhưng có lẽ điên... Sáng mai thức dậy, đợi lúc vắng người, tôi lén nhìn vào căn phòng: đây không phải là một người thường, nhưng là một con vật trần truồng mềm oặt. Hắn ta ngồi im như một con gấu, hai cánh tay dài để thõng bên mình, đầu cúi xuống giữa hai đầu gối. Con vật người ngồi không cựa quậy nhúc nhích, sự sống chỉ có được ở những tiếng thở khò khè vang lên trong vùng ánh sáng mờ nhạt rọi qua khe cửa. Chúng tôi lặng lẽ dấu kín câu chuyện không bàn tán xem đây như một bí mật tủi hổ mà ông già không muốn tiết lộ. Nhưng đến buổi trưa khi mọi người ăn cơm xong, ông già bình thản đến mở cửa căn buồng: ra ăn cơm “Lăn” ơi! Không có tiếng trả lời, chỉ có tiếng thở khi khi nghe rõ mồn một. Mẹ cha mà, ra ăn cơm không tao đánh chết bây giờ? Câu la mắng nhưng đầy những âm thanh dịu dàng như dỗ dành. Có tiếng động, con vật người vụt ra như nháy mắt, hắn ta không đi, không bò, di chuyển trên đôi chân gập lại, lưng gù xuống hai tay để xuôi theo thân thể như một loài khỉ. Dưới ánh sáng chúng tôi trông rõ hắn ta hơn. Đó là một gã con trai trần truồng, tóc bờm xờm đôi mắt lơ lơ điên dại – một thứ điên im lặng nhưng chất chứa những cơn giận dữ ghê gớm. Đặc biệt dương vật dài quá khổ được kéo lết theo như một chiếc đuôi... Ông già thản nhiên đưa bát cơm cho gã con trai, hắn ta dùng hai tay bốc cơm thật nhanh cho vào miệng, nhai nhai nuốt nuốt, xong lúi về lại căn phòng, cái dương vật

lật ngược ra đằng sau trông đến kỳ quặc một cách kinh khiếp...

- Con ôn đó hả?...

- Ủ, thằng này là thằng út, nó ba mươi sáu tuổi rồi đó. Ông già nói đến gã con trai bình thân như không để ý về kinh ngạc của chúng tôi.

- Anh ta ba mươi sáu tuổi rồi hả ôn?

- Ủ, nó sống với vợ chồng tui như rứa là ba mươi sáu năm không xa một giây phút nào cả. Thương mỗi cái là dù đi đến cách nào nghe tiếng tôi hấn cũng im ngay? Nó có hiểu lắm...

Chúng tôi im lặng lắng nghe, nỗi ngạc nhiên cứ tăng lên cao. Ông già nói tiếp: sợ một điều là mẹ hấn buồn mà thôi, vì mẹ cứ nghĩ rằng sinh nó ra là lỗi tại mẹ! Chao ơi, Chúa đã định sẵn rồi, mình cứ thương hấn như những đứa con khác là được, mẹ hấn cứ bị tôi rầy hoài cái vụ này, nhưng nghĩ mà thương hết sức!

- Chắc thuở trai trẻ ôn “tay tổ” lắm hả? Mấy thằng lính của tôi vừa hỏi để trêu chọc.

- Chú sao! Cái đất Việt Nam này từ Nam chí Bắc tôi đi khắp. Xiêm La, Cao Mên gì tôi cũng đã tới. Chỉ có lúc để cái thằng “Lăn” này tôi nghĩ bụng thương mẹ hấn đau khổ nên mới ở nhà cho đến nay. Cha, cái thằng già này đâu phải thường...

Từ đó trở về sau, khi chúng tôi coi chuyện người con như một điều bình thường thì khám phá ra ông già như một nỗi kỳ lạ. Chúng tôi đánh bài cò con

chơi, ông ta gạ gẫm để giữ một chân; khi nào thua ông bực mình ra mặt, đờc, ông cười sang sảng... Hà! Hà! Ăn năm chục mua cho mẹ hấn lít rượu hai vợ chồng già say một phen. Buổi chiều lúc bà già đi chợ về muộn, ông lay hoay ra vào, bản khoản lộ trên nét mặt – cha, cái con mẹ hấn – đi chợ gì mà mất đất thế này? Con mẹ hấn, ông nói về bà già hoài hoài cả ngày như vậy; trái mít rụng ngoài vườn, nhánh cây rơi ngoài ngõ, tất cả đều có thể làm cho ông giật mình đến độ kinh hãi vì sợ rằng “con mẹ hấn” sẽ bị những tai ương kia, “con mẹ hấn” nằm trên cùng mọi câu chuyện, chiếm trọn hết lo nghĩ của ông lão suốt thời gian từ lúc bắt đầu một ngày – trời đang mưa, mẹ hấn đi làm chi cho cực, ở nhà một chốc nữa tôi đi lấy về cho. Đang nằm ngủ thiu thiu chợt thấy bà già vừa bước ra cổng để đi tìm cái thang, ông giật mình la lớn ngăn cấm.

- Ông già rồi mà thương mẹ quá hả? Tội lính của tôi trêu chọc. Đáng lẽ phản đối lại, thì ông ta gật đầu một cách hãnh diện – Chứ sao! Thuở trẻ mình đã làm cho mẹ hấn buồn thì về già mình phải thương lại! Chấm dứt câu nói thường thường ông lão cười với một giọng hào sảng phóng khoáng. Nhưng tôi biết đằng sau những ồn ào náo động này, ông lão đang bị mang nặng một mặc cảm phạm tội, một thứ tội lỗi thuở xa xưa, tội của những ngày trẻ tuổi phóng túng thiếu sót bốn phạm và nặng nề hơn hết là đứa con tật nguyền như giống thú, một dấu vết

ngày ngày hiển hiện. Ông lão là người Công giáo, nhưng một thứ Công giáo rất đông phương xích lại gần Phật giáo với những ý niệm sơ đẳng nhưng chắc chắn về luân hồi, cứu rỗi, đức tin về hạnh phúc nếu ăn ở ngay lành. Chính vì những điều này làm rõ ràng ý nghĩa của sự trừng phạt vì một lỗi trong quá khứ – nay hiện hình thành đứa con bất hình dạng, và người đàn bà tội nghiệp cùng nỗi hối hận đã sinh ra con vật người kia. Điều này tạo thành một nỗi ray rứt hoài lên trên linh hồn suốt ba mươi sáu năm, ba mươi sáu năm thời gian quá dài để biến đổi phản ứng cam chịu thành một giọng cười hào sảng và hóa thân nên một tình cha con, vợ chồng đầy thương yêu và cảm động.

Sau này tôi không đóng ở làng Tri Bưu nữa, Tiểu Đoàn về đóng ở ngã ba thôn Hạnh Hoa, để lại Đại Đội 94 giữ mặt bắc của làng. Đêm mồng một tết Mậu Thân, Việt Cộng tấn công vào làng này để làm bàn đạp vào Quảng Trị. Đại Đội 94 bị thiệt hại nặng nhưng Việt Cộng không thể giữ làng lâu vì bị phản công, đồng thời dân chúng phản đối ra mặt. Những người trai trẻ của làng đã chiến đấu với tính cách dân quân làm Việt Cộng hoảng hốt vì thái độ “hưởng ứng” của dân chúng đối với đoàn quân giải phóng! Và tôi nghe lính kể lại: ông già chỗ tôi ở, đã nhốt vợ con vào chiếc phòng, ông giữ chặt cửa bằng một con dao kèm với trái lựu đạn trước kia ông đánh cắp của chúng tôi. Thằng nào vào nhà này là chết

với tao! Thằng già này chết tui mày mới vào được. Mẹ con hẳn đừng sợ có tui... Trong đêm khuya của thời gian đó người ta vẫn nghe thấy tiếng hát và đọc kinh của gã con trai, tiếng khóc nhỏ của bà già và rõ ràng hơn giọng nói của ông lão... Mẹ con hẳn đừng sợ, có tui...

*Quảng trị, tháng 1-1968*



# NGHĨ VỀ MỘT KẺ T HÙ KIỆT LỰC

Lên xe chạy, Sài Gòn về An Phú Đông, lòng không một chút hứng thú; Sài Gòn, cái thành phố nóng bức bụi bặm không đúng là một chỗ để xuất quân. Xe lính đi vào trận đánh ngang qua thành phố, một đám đông hững hờ xa lạ, chẳng có một sự lưu ý đến toán người gươm đao, nếu không chỉ có những cau mày bực dọc... Xe nhà binh bụi quá! Mới Mậu Thân đây, máu của chúng tôi đã chảy xuống thật nhiều cho thủ đô như bản này. Về phần tôi vì một chuyện lảm lẩn, phải đổi về đơn vị mới tôi không thích – tôi muốn trở về Tiểu đoàn 7 Nhảy dù, đơn vị đầu tiên của tôi, nhưng bây giờ lại phải ở với Tiểu đoàn 2 Dù, lòng thật khó chịu... Không phải tôi chê gì Tiểu đoàn này, đây là Tiểu đoàn đánh giặc hách nhất của Sư đoàn chúng tôi, đánh ác liệt như Tiểu đoàn 5 trong năm 1965, nhưng vì ở đây tôi không có bạn thân – yếu đuối là ở chỗ luôn luôn là phải có người thân sống cùng bên cạnh tôi mới linh hoạt được. Hơn nữa Tiểu đoàn này đóng ở Sài Gòn, cái

thành phố tôi ghê sợ đến xương tủy. Xe chạy trên con đường lồi lõm đá, hai bên là dừa xanh, đến xã Thạnh Lộc vòng xuống để vào An Phú Đông. Bộ Chỉ Huy Tiểu đoàn đóng quân bên cạnh đường liên tỉnh lên Lái Thiêu, các Đại đội chia nhau rải đều khu vực... Tuần lễ đầu qua các Đại đội tuần tiểu lục soát, sáng đi chiều về chỗ đóng quân, rảnh rỗi tôi lập hội - hội nống rượu. Từ lâu nay tôi đã luyện được cái biệt tài về tổ chức ăn nhậu. Dù có thiếu thốn cực khổ đến thế nào, rảnh rỗi tôi vẫn tổ chức được những cuộc ăn nhậu nổi đình đám bằng tất cả sự khôn khéo và thông minh - nghề của chàng! Trong đời về mục ăn uống, tôi nghĩ chỉ thua mỗi mình ông Tản Đà. Vì ngay những ngày tang thương rách rưới ở Bồng Sơn, bữa tiệc cũng có đủ tiết canh vịt, vịt trời hầm đu đủ, cá chép hấp... Quảng Điền - với những màn heo sữa quay, sườn chó nướng được thực thi đến mức tối đa với chục lít rượu nếp cẩm. Trong thống khoái của hơi men cùng với sự nhốn nháo của một đám bạn bè, người cời trần ngồi dưới một một hàng mướp xanh tôi thỏa thuê như một con cá trong giòng nước. Những lần say rượu dưới chân núi Ngũ Tây - hòn núi đàng trước dãy Ngự Bình ở Huế - gió thổi tiếng thông reo, trong cơn say của mùa đông ở quận Phong Điền, trèo lên mái nhà cời áo đứng hát một mình trong đêm, hát thật to nhưng nghe buồn buồn những câu... Đại bác ru đêm... Trong khi Hiến “Chó xù” ngồi gầy đàn buồn

như nước, gió miền Trung lạnh giá và tiếng đại bác từ quận bắn đi xa... A! Những cơn say tuyệt đỉnh trên dòng sông Hương, đêm trung thu mờ mịt mưa giăng ánh đèn dưới cầu Gia Hội chênh vênh vàng vọt nằm trong khoang thuyền bồng bênh tưởng người như tan biến vào cơn mưa... Ngày cơn say thần tiên ở Dakto. Đêm mù mù sương muối, căn phòng đầy những tiếng hát buồn phiến khê đặc vang lên như một tiếng kêu thê thảm. Những ngày ở An Phú Đông này tôi lập lại những cơn say – đời là những ngày dài say sưa – từ khi tôi phán câu này, chúng anh hùng lấy làm một sự cảm phục. An Phú Đông, chiếu trong hàng dừa, hàng chực chai bia ướp lạnh được uống vào với tận cùng thỏa thuê, cá lóc nướng, tôm luộc, những cọng ngò gai thơm phức, những lá mùi xanh mát... Tôi đẩy mạnh cơn say lên tột đỉnh thên thang.

Những ngày bình yên đã hết. Tiểu đoàn nhận thêm khu vực trách nhiệm ở phía Tây và Bắc xã Thạnh Lộc, dọc theo rạch Bến Cát. Việt Cộng một phần của chủ lực đã tấn công vào Sài Gòn trong dịp Mậu Thân cùng với lực lượng mới được tăng cường (xâm nhập từ vùng An Điền, Lái Thiêu tới) đang ẩn trốn ở vùng này – lực lượng này phải cố bám cho được vùng ven đô để sau này dẫn đường cho những đơn vị khác tấn công vào dịp công kích đợt II... Tiểu đoàn bắt đầu đụng địch... Sáng đi vào phía tây, cách con rạch khoảng 500 thước là có tiếng súng nổ; lực

lượng địch không đông nhưng không thể rút đi được – sau lưng chúng là rạch Bến Cát, rạch Sơ Rô ở bên trái, bên phải là một chiếc rạch lớn khác – Việt Cộng như con thú bị kìm chân nên phải đào hầm thật sâu, công sự phòng thủ kiên cố và cố gắng tránh né chúng tôi đến tối đa. Nhưng các Đại đội chúng tôi đã đến quá gần: năm thước, bảy thước, Việt Cộng bắt buộc phải nổ súng... Lính đứng lên xung phong, không được, sinh ngập đến háng không thể rút chân để bước thêm một bước. Người bị thương nằm cách gang tấc không thể rút về... Ta với địch cách nhau một chiếc mương ba thước! Lùi ra xa đội bom... bom không trúng hầm... Việt Cộng vẫn còn, quân tiến vào đụng nữa. Anh Khiêm chết. Khiêm người sĩ quan khóa 17: gã đàn anh tôi chịu nhất của đám huynh trưởng. Thông minh phóng khoáng và khôi hài hóa tất cả mọi chuyện – cái điểm này hợp với tôi quá; tưởng tượng đến một cảnh tranh luận nào đó chỉ cần anh Khiêm cùng tôi cũng dư sức quật ngã bất cứ một loại mồm loa mép giải nào! Nhưng anh Khiêm đã chết, chết như thể một một câu nói khôi hài của thường ngày, chết như một cơn đùa trong buổi nhậu... Tôi nghe trong máy truyền tin tiếng của Khiêm; trình đích thân (Tiểu Đoàn Trưởng), tụi nó bắn tùm lum chưa lên được. Địch Thân để tôi “nhấn nha” thì tôi mới tóm được... Súng tụi nó bằng sắt cơ mà!

Thế rồi im bật, người hiệu thính viên run run báo cáo: Đại Đội Trưởng tôi bị... thương chết rồi! Tôi đem

xác Khiêm về sau, mắt anh đã nhắm... Những chiếc râu xanh lờm chớm ở cằm người chết linh động như một đời sống đang còn thở – nhưng anh đã chết rồi, rút quân ra ngày mai vào lại...

Quân vượt qua chiếc rạch nhỏ, dàn hàng ngang lội qua thật nhanh, hết chiếc rạch rồi bên kia là vườn cau, găng lên! Ba người lính lên trước và đứng dậy một loạt đạn nổ dồn... Hai bị thương. Tôi đang ở trong rạch lúng túng bắn khoản. Cả một Đại đội nằm trong nước bùn im lặng mặt cây nhỏ lung linh. Người lính đeo máy nằm bên cạnh tôi trở mình, một loạt đạn bay đến, những nhánh dừa nước rơi tung tóe. Bực mình quá tôi nổi liều, cầm một trái M72 đứng lên... Chiếc hỏa tiễn công phá được phóng đi, một tràng đạn đáp lễ lại xé rách chiếc quần – Đm... hằm tụi nó phá không nổi! Hồi ý kiến Đại úy Liên, Tiểu Đoàn Phó: Cho rút lui đánh vòng phía tay phải lên? Đồng ý – Tôi cho Đại đội từng người một, lằm bằm chửi thề... Mẹ cha chúng mày còn một tí người cũng đòi giở chuyện. Vòng từ phía phải lên đánh thật nhanh qua khu vườn mía. Việt Cộng bỏ chạy để lại ba xác chết nằm thẳng cẳng.

Đúng như tôi ước đoán, Việt Cộng ở đây chỉ còn khoảng một Đại đội nhưng một Đại đội ở rải rác khắp cả một vùng rộng lớn được phân tán thành những tổ nhỏ, có nhiệm vụ phải bám thật chặt sống chết với các bờ kinh, bờ rạch... Một Đại đội có đủ súng trang bị cho cả Tiểu Đoàn: cối 82 ly, 60 ly, đại liên 12 ly 7;

tóm lại đây là lực lượng lớn nhưng quân số chỉ còn lại khoảng một Đại đội, phân tán chui rúc vào những chiếc hầm kín đáo ngập đầy nước, trên có nắp, nguy trang thật kỹ chỉ có ba lỗ nhỏ nhìn ra ba phía và một lối vào hầm phủ đầy lá cây và dừa nước. Đấy, Việt Cộng chỉ còn có như thế nhưng họ không được lùi, không được thoát – bám thật chặt lấy chiếc rạch để chết, một cái chết chắc chắn sẽ xảy đến theo thời gian! Tại sao Việt Cộng làm thế? Có gì đâu: họ kiệt lực, trăm phần trăm kiệt lực. Trung đoàn 101 đánh vào Tiểu đoàn 5 Nhảy Dù ở Tân Thới Hiệp suốt ba ngày không nuốt trôi được Tiểu đoàn này, nhả ra và chạy về đây. Thành phần tấn công vào Gò Vấp, Xóm Mới thất trận cũng chạy về đây... Tan nát, thiếu thốn, suy sụp nhưng họ biết đi về đâu nữa? Đường giao liên phải vượt sông Sài Gòn: một mục tiêu lộ liễu dưới phi cơ và tàu thủy quan sát tuần tiểu thường trực – thế thì làm gì bây giờ? Cán bộ nằm vùng, dân chúng có cảm tình đã bị lừa ra khỏi vùng?... Họ bơ vơ, lang thang, lếch thếch như một đám ma đói khát tuyệt vọng. Nhưng lệnh trên đã bắt: phải bám sát bảo toàn lực lượng để chuẩn bị tổng công kích đợt II! Ôi tham vọng và ước muốn chính trị đã quên mất con người trong hoàn cảnh bi đát... Súng cối, súng đại liên được moi lên từ vườn dừa đám ruộng. Tiểu đoàn phó, Y sĩ trưởng, Đại đội trưởng súng nặng bị bắt, hồi chánh hay bị tử thương... Những người Việt Cộng bị chúng tôi ép vào một thế đường cùng.

Nhưng tháng Năm các anh cũng mở tổng công kích đợt II, và kết quả như đã xảy đến... Các anh ở bên kia, tôi muốn nói thật với hết cả chân tình trong lòng: các anh đã hết sức. Cái sức mạnh huyền hoặc của Điện Biên thuở xưa không còn giá trị lúc này nữa. Các anh mộng giải phóng, nhưng giải phóng cho ai? Các anh lao đầu vào cái chết nhưng chết với mục đích gì? Để chiến thắng! Ôi cái ảo tưởng đó, giờ này các anh vẫn coi là sự thật sao? Các anh lấy gì để chiến thắng? Vũ khí, nhân mạng bị thiệt hại đến độ vô chừng. Nhưng các anh vẫn chiến đấu, điều đó đã xảy ra và đang xảy ra thật là đau xót. Vì những người chỉ huy của các anh, những Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Chí Thanh nghĩ rằng các anh đang thắng, những người đó muốn chứng tỏ mình là một thứ tay tổ, một tay kiệt hiệt, một thứ tinh hoa của dân tộc, nơi kết tụ của thông minh và thiên bẩm, một thứ “Thiên Tài chỉ huy” của cả giòng dân tộc đang un đúc. Ôi chính vì những người chỉ huy thần thánh đó tin rằng có chiến thắng và các anh đã phải chiến đấu. Các anh còn phải chiến đấu để cho thứ phù thủy chính trị đặt được những lá bài tháu cáy trên canh bạc hòa đàm – những lá bài bằng xương và máu của các anh, lá bài đẩy một quả tim hồng mơ một ngày dân tộc được giải phóng. Các anh giải phóng hay làm điều linh tổ quốc và hủy hoại cuộc đời?... Các anh thật là đáng tội nghiệp.

Sau này tôi còn chứng kiến thêm nhiều cảnh các

anh “thừa thắng xông lên”. Tôi nghĩ đến những cao điểm, những chiến dịch Đông Xuân, Hè Thu chỉ là một loại lịch trình đã soạn thảo do một thứ chỉ huy u tối mê muội theo một ảo tưởng rực rỡ của quá khứ và một sách lược chính trị bỏ quên trong người. Làm sao để có thể gọi là cuộc tấn công lớn trong một cao điểm khi một Đại đội của các anh chỉ còn trên dưới 40 người, mặc dù còn đủ các vũ khí, bốn mươi người của các anh phải bố trí trên một trận tuyến dài trên 500 thước, ba người một chiếc hầm, chui rúc ẩn trốn, gạo ra nước lã, bị thương cần răng xuống để chịu đựng, để tự buộc vết thương bằng một miếng vải rách và những dòng máu thật tươi chảy ra dần dần, nét mặt tái xanh trở nên nhợt nhạt hiu hắt, và đời sống từ từ tắt lịm khi bàn tay từ từ mở dần, mở dần phơi dưới ánh mặt trời những đường chỉ tay bất hạnh.

Các anh chiến thắng ở đâu? Khi xác chết của các anh nằm lêu bêu vất vưởng suốt một vùng từ An Phú Đông lên đến Thạnh Lộc qua Tân Thới Hiệp, những xác chết trần truồng co quắp tênh hênh phơi dưới ánh mặt trời chương sinh thối tha đầy dòi bọ, bên gốc dừa, sau liếp cửa, trong đụn rơm... Các anh chết ở đây nhiều quá, lũ chó hoang bị người dân để lại tha hồ thỏa thuê trên những chiếc đui còn tím máu, chiếc đầu được cấu xé giành giật, từng tảng tóc xanh bị kéo lê lết trên khắp một vùng – các anh đã chết trên một địa danh thật mỉa mai: An Phú Đông... An



Phú Đông nơi dừa xanh vang tiếng sủng... An Phú Đông nơi sử Việt viết trên máu hồng. Cái địa danh này các anh đã một lần thần thành hóa, địa danh các anh đã xếp vào huyền thoại cùng sông Lô, Điện Biên. Các anh ở bên kia ơi! Dòng đời đã thay đổi, những chiến thắng giặc Pháp thuở xưa đâu phải là yếu tố chính để thắng cuộc chiến ngày hôm nay. Bây giờ các anh đối diện với chúng tôi, một lũ “ngụy” – nô lệ đánh giặc mướn, làm tay sai cho ngoại bang... A! Nhưng các anh có tự do nào? Đầu óc đầy thù hận và cuồng tín được dẫn dắt bằng một mục tiêu không tưởng vô vọng, một mục tiêu được thiết kế, hoạch định bởi trí não của một thứ lãnh tụ bị bao cứng bởi hào quang quá khứ, một thứ tin tưởng què quặt của loại siêu nhân kịch cỡm... Chúng tôi chiến đấu trong bi đát những vẫn còn tự do ở linh hồn – trong khi các anh chỉ là một lũ người máy mê muội trong vực đen của ảo tưởng – tệ hơn nữa một lũ người máy bất lực.

*An Phú Đông, Tháng 3-1968*



# NGƯỜI CHỈ HUY VỀ GIÀ

Có thể nói xếp cũ của tôi là một ông già, già nhất trong những người giữ nhiệm vụ chỉ huy của những đơn vị tác chiến. Ông ta đi lính từ một thuở thật xa, lâu lắm cách đây hơn 20 năm lúc quân đội chỉ độc các loại Commando, Lê Dương, Nhảy dù thuộc địa... đánh nhau bằng súng mút-cờ-tông bắn từng phát một hay những cây FM đầu bạc bắn gật gù như ông già ho lao... Lúc chiến tranh còn nằm tít trên biên giới Lào-Việt, trận đánh toàn một cách xung phong âm âm, ào ào để giữ những làng, những thị trấn mang tên lạ hoặc như Bản Hiu Siu, Mường Phen, Thất Khê... Ông già xếp tôi thuở đó khởi nghiệp nhà binh với lon Cai ở Commando. Không rõ những ngày ở đơn vị đó ông có những gì đặc biệt, chỉ biết ông ta nhắc lại đoạn đời đó bằng một câu thật gọn: “Cai thật trẻ”...? Cái giọng Bắc kỳ khàn khàn xuống mạnh vào chữ trẻ mang đầy kiêu ngạo và tự tin cái tước “Cai thật trẻ” hình như là một nỗi hãnh diện đầu tiên và đích thực nên sau này khi đã

đóng đến lon Quan Năm, lúc say rượu, dù cơn say vào đến độ tơi bời tàn khốc, ông vẫn còn nhớ được: “*Tao là Cai Hùng, đêch phải là Trung Tá cái củ C... gì ráo*”... Cai Hùng! Cai Hùng! Một tuổi trẻ gió bão nào đó đã đi qua. Lúc tôi về đến đơn vị này, ông đã gần năm mươi tuổi; gần năm mươi tuổi để làm cho tất cả đầu tóc bạc trắng và những nếp sóng nhăn cày thật sâu trên mặt, nhưng ông vẫn còn nguyên vẹn thái độ đối với đời sống của những năm trai trẻ. Những năm về trước ông đã nổi tiếng với những câu chuyện như sau: Quan ba Nhảy Dù nhưng vẫn đánh một chiếc xe đạp thổ tả cọc cà, cọc cạch rong chơi với một con gà ở đằng sau porte-bagage – thú nuôi gà của ông đã lên đến cao độ đến nỗi ông ta mang biệt hiệu “Hùng gà chọi”. Nghe tiếng một con gà nào đó ở Bà Điểm nổi danh vì một ngón đòn hay, ông ta lọc cọc chiếc xe vượt qua một quãng đường dài lồi lõm sóng trâu để chứng kiến cho được ngón đòn của gà... Hãy nghe ông “luận” về gà: nó là một “guerrier”, đây là một combattant, không bao giờ lùi không bao giờ chịu thua, đến chữ thua ông đưa một quả đấm lên trời, mắt long lên sòng sọc. Đúng là hình ảnh của một con gà chọi... Chẳng hiểu thằng nào gán cho ông cái biệt hiệu thật đúng phong phóc!... Nó là một tay gan lì! C'est un type! Dù có bị đánh lê nhê máu me đầm đìa, hấn ta vẫn nhẩn nha chiến đấu... Có con gà bị đánh mù mắt, hấn ta mù nhưng vẫn lừa đối thủ để kẹp lấy chiếc cổ và thế là a lê hấp nó phản đòn ngay... Ông có

thể luận về gà đầy đủ chi tiết, nhại lại thể đứng hay một ngón đòn hay của mỗi con gà một; không có gì phải bất tiện. Hai tay là hai cánh gà, hai chân biến thành một cặp chân tưởng như có đủ hai vuốt nhọn, đầu cúi xuống, ông diễn tả đầy nhiệt tình và chi tiết hấp dẫn của mỗi trận đấu... Thế giới loài gà nếu biết được sự ái mộ nồng nàn đó chắc hẳn không bao giờ buồn phiền nếu ở trong trường hợp “à la casserole” hay “à la gamelle”?... nếu sau khi bị thua trận. Sau đá gà là rượu; rượu là nước của ông, chiếc bị đòng sau lưng bao giờ cũng đầy rượu để ngâm vài cục đường phèn. Nhấp một tí rượu, cắn một miếng cóc nhỏ thế là đủ sức đi thêm một chân đèo, vượt một rặng núi. Dùng quân, cởi chiếc nón sắt, ông rút bị đòng làm một ngụm rượu, đốt một điếu thuốc, loại thuốc đen, Melia hay Bastos ngồi lim dim đôi mắt...

- Trung Tá có ăn cơm không? Anh lính cần vụ lên la đến hỏi.

- Tớ Đ... cần!

- Trung tá có mệt không?...

- Mệt thế chó nào được, ngày rút từ Lào về tớ chạy bộ suốt bao nhiêu ngày đêm cũng chẳng bõ bèn gì...!

- Chết mẹ; tụi lính xì xào... Ông già lại nói chuyện Bản Hiu Siu thì chết cả lũ! Đúng ngay bông! Ông bắt đầu kể chuyện Bản Hiu Siu ở bên Lào... “Lúc đó tớ là Thiếu úy, ban đêm Việt Cộng ủa vào, dây kềm gai chẳng thấp chừng này, lính: Baillonette au canon! À la grenade... En assaut... Việt Minh lừa vào, mặc! Tớ

cứ tương tựu đạn đều đều... Ông ta đứng dậy ngay trên sườn núi biểu diễn thể ném tựu đạn và đâm lưỡi lê. Ngừng một phút để hít thêm tí rượu, Thiếu tá cố vấn Mỹ đến hỏi một điều gì đó, ông cụt hứng gất um: C.! Đm,... cứ lắm cà, lắm cảm cả ngày! Anh cố vấn de lui, mặt mũi thộn ra trong “quê” một cục... Ở Phú Thứ, Thừa Thiên năm 1967, ông chỉ huy Tiểu đoàn tôi cùng Tiểu đoàn 7 Nhảy Dù tiến đánh vào khu giải phóng của vẹm; lúc Tiểu đoàn 7 đụng trận, ông đứng trên thiết vận xa nhảy cõn lên vì thích thú... Đấy, tớ biết ngay, các chú (Việt Cộng) đang ở chỗ này, nhất định là ở chỗ này... Thành 7 đụng ở đây, tớ dàn cậu (chỉ Tiểu Đoàn Trưởng tôi) ở chỗ này là đi đoong đời các chú, tớ nghiền... nghiền nát các chú ấy – chữ nghiền được diễn tả bằng hai bàn tay được bóp chặt vào với nhau và kéo dài theo hơi thở, mồm ông méo hẳn lại để diễn tả sự nát của các anh Việt Cộng. Đại loại là như thế, ông sống ở đời với một thái độ “Tiểu Ngạo Giang Hồ”. Cái nhân vật Lão Ngoan Đồng Châu Bá Thông chắc cũng đến độ của ông già xếp tôi mà thôi. Năm 1965 hành quân tại Đức Cơ khi rút ra Pleiku để nghỉ, không hiểu bị lôi kéo thế nào ông đi theo mấy ông Đại Đội Trưởng vào hội quán Phượng Hoàng để khiêu vũ! Lệnh ông tướng vùng bấy giờ cấm mặc quân phục vào hội quán. Anh Quân Trấn Trưởng nói năng ra làm sao, ông nổi sùng: Đm. Hùng đi hành quân chỉ có mỗi bộ áo quần nhà binh, không cho tớ mặc đồ trận thì tớ cởi truồng sao?

Thuận tay ông đưa luôn một quả direct, anh Quân Trấn Trưởng nằm thẳng cẳng... Đón quân ở Hương Trà, Huế, Tiểu đoàn tôi làm tiệc mời ông, đến lúc say mọi người mời ông hát – hát không được thì tở múa vậy! Nói là làm, ông đi một đường flamenco cũng lắc mông, lắc ngực. Để kết thúc là một bài thuyết trình *quest ce que l'armée?* Tiếp theo là những lời sỉ vả tàn tệ từ vua quan sĩ thứ người trong nước, ông nhớ đến ai ông chửi toí bởi hoa lá – chửi đích danh, chửi ngon lành – chửi như một cơn giận hờn bao nhiêu lâu bị che dấu nay cho tuôn ra như một dòng sông được mở... Đầu năm 1968, gần Tết Mậu Thân, Lữ Đoàn ông hết nhiệm vụ, từ Huế trở về Sài Gòn. Ông Tướng khu chiến thuật nhắc ông ở lại Huế, để đón Tổng Thống cùng Thủ Tướng – ông hạ ngay một câu: Tở hết hành quân là tở về, Tổng Thống đâu có thương tở bằng mẹ đĩ được! Nói xong ông leo lên tàu bay đi thẳng. Có một anh nhà báo lân la đến phỏng vấn: Xin Trung Tá cho biết ý kiến tổng quát về cuộc hành quân vừa qua?... Ý kiến hả... đợi cho anh nhà báo sửa soạn ghi chép, ông “tuyên bố”: sướng nhất là đêm Noel tở say rượu gọi máy truyền tin qua Bến Hải chửi Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh!

Nhưng đằng sau những cơn say, những màn tiểu ngạo ồn ào trên, thật dễ dàng nhận được niềm thiết tha, mối nhiệt tình nồng nàn đối với quân đội và quê hương. Thật lạ lùng với hai mươi năm ở đơn vị tác chiến thời gian bằng số tuổi của một gã trai trẻ – một

gã trai trẻ như cỡ tôi nhưng lòng hiu hắt như cơn nắng quái sắp tàn – hai mươi năm nhà binh với năm mươi tuổi, một mái tóc bạc trắng ông vẫn có một nụ cười thật tươi để thêm vào trong câu chuyện... Thế nào là một cán bộ giỏi? Thế nào là những nguyên tắc căn bản để chỉ huy? Thế nào là DOC (Diriger, Organizer, Contrôler) ông nói một cách say sưa, dẫn giải từng điểm một, chi tiết về bốn phận của người Trung Đội Trưởng, Đại Đội Trưởng. Khói thuốc lá làm cái nhìn hóa thành hiền hòa, ông nói sang sảng, trình bày mạch lạc... ông gây nơi tôi một sự xúc động kỳ lạ; nỗi xúc động khám phá được niềm tin vẫn còn trong lòng một người già, tóc bạc da nhăn với hơn hai mươi năm đi khắp rừng sâu núi cả của quê hương – hơn hai mươi năm gánh chịu cơn đau yếu đỏ lửa của tổ quốc, cơn đau yếu nhức nhối của một dòng sông chông chênh tàn bạo – chiến tranh vẫn chưa đốn ngã niềm tin trong lòng ông... Tổ chỉ là Cai Hùng – Cai thật trẻ, sau này ông ta bị ra khỏi binh chủng vì một lý do nào đó tôi không hiểu; nhưng điều này chắc chắn là một vết thương lớn nhất trong đời ông. Ông im lặng ngồi trong chiếc phòng con nhìn xuống chân đồi doanh trại, cười những tiếng cười gằn uất nghẹn và đau đớn. Làm sao nói cho hết nỗi cay đắng của người lính già khi phải từ bỏ đơn vị – một đơn vị cùng sống trên hai mươi năm, lúc tóc còn xanh như niềm hy vọng của một sớm mai đến nay khi mái đầu bạc trắng không những vì một tuổi già nhưng



cũng là lớp sương chống chất trên một khoảng thời gian bình biển. Thường ngày trong cơn say ông hay mò đến phòng chúng tôi để tìm người nói chuyện. Nhưng trong cơn say của thời gian này ông ngồi im như một niềm kiêu hãnh bị xúc phạm, từng tiếng hét được chìm xuống giữa hai kẽ răng thành những tiếng cười gằn nhức nhối như lưỡi dao đâm vào một quả tim đang mở miệng cười.

Ông ra khỏi binh chủng, chỉ huy một đơn vị bộ binh nhưng vẫn mặc đồ ngụy trang và đội nón đỏ. Đầu còn là những kích thích và hình thức quyến rũ đối với ông. Nhưng phải nghe ông ta nói: “Tớ là Nhảy dù... Tớ là Cai Hùng”... Tiếng “nhảy dù” nghe ngắn, chắc chắn như một xác định niềm hãnh diện có thật của một người đã sống hết đời cho một tập thể. Sau một thời gian ở Trung đoàn này ông bị một tai nạn trầm trọng: Tất cả cơ quan trong người bị đảo lộn. Ông phải chịu nhiều cuộc giải phẫu, thị giác trở nên yếu kém, ông cũng mất một phần ý niệm về đồ vật... Lúc chúng tôi đến thăm, ông không nhận biết, nhưng trong nỗ lực của trí nhớ, bỗng nhiên ông nhận được thằng Vinh “Con”, tên sĩ quan nhỏ tuổi nhất được ông thương mến như con cháu – ông nhận ra nó đồng thời với một giọng nói run run: tớ lúc này chỉ thấy mờ mờ nhân ảnh! – trong tận cùng của đờ võ, ông cũng không mất được đặc tính khôi hài, dấu hiệu của linh hồn dũng mãnh dù hoàn cảnh đã đẩy đưa vào hố thẳm của tuyệt vọng... Sau này

khi đã nhìn thấy được cảnh vật một cách lờ mờ, ông đến trại thăm lại nhà cửa, hỏi thăm các hạ sĩ quan và lính cũ... Trí nhớ chưa trở lại hẳn, ông mệt nhọc hỏi từng người với những câu nói rời rạc hỗn độn; sau cùng ông nói tôi để một người lính về giúp ông công việc riêng tại nhà... Lần đầu tiên nghe ông nói một câu chuyện liên quan đến gia đình. Khi tôi bảo người lính theo ông về nhà, ông vui vẻ ra mặt. Quý hóa quá! Thế mới biết anh em Nhảy dù luôn luôn giúp đỡ nhau... Lòng tôi chùng xuống như cơn mưa của những mùa đông buồn bã... Tiễn ông xuống đời, bóng người lính về già khuất sau lớp bụi – sau một kiếp người đặng đặng gian lao cho tổ quốc một khoảng trống thênh thang xám\_đặc bụi mù.

*Hậu cứ, Tháng 5-1969*

# CÁI CHẾT CỦA MỘT LÃNH TỤ

**N**gày 3 tháng 9 ông Hồ Chí Minh chết, thế là hết một cuộc đời tranh đấu không ngừng nghỉ, một đời sống ngoại hạng. Nhưng chết đồng thời với hết... Tôi dẹp tờ báo và chép miệng: Anh già thế mà đi đong. Ngoài kia anh Nguyễn “đen” thắng xe rủ tôi đi uống rượu.

- Ông nghe tin già Hồ chết chưa?...

- Rồi, tôi nghe ở radio...

- Ông có nghĩ gì không?

- Già thì chết chú sao! – ừ, tôi nghĩ thầm: – thắng cha này nghĩ theo kiểu một ông lang. Tôi trong đời chưa thấy “bác” một lần nào cả, chỉ thấy ở hình ảnh. Hình ảnh đầu tiên của ông Hồ đập vào trí tôi là chiếc hình thật lớn treo trên một cái cổng tre dưới có ông sao vàng với những sọc dài... Bấy giờ là năm 46 hay 47 gì đó, thuở ấy tôi khoảng bốn tuổi, bao nhiêu năm qua nhưng hôm nay tôi vẫn nhớ cái điệu hát ồn ào đại khái có những chữ Bắc Sơn! Bắc Sơn. Vườn hoa Nguyễn Hoàng lúc ấy bị đào thành giao thông

hào chi chút, trí nhớ đã gọi lại nỗi khó nhọc khi bước chân tuổi thơ leo trên những ụ đất nếu không có sự giúp đỡ của bàn tay cha mẹ... Đấy, lần đầu tiên tôi gặp bác trong ồn ào náo động của một chợ phiên và cũng là lần cuối cùng tôi đi chơi với cha. Sau đó người đi theo tiếng gọi của Bác và Đảng! Chiều hôm đó, hình như trong mùa lạnh, gió sông Hương se sắt trên làn da non... thế là hết kỷ niệm đầu tiên với ông Hồ và một người thân mến. Sau này tôi được thấy một vài hình ảnh đáng kể nữa của vị “cha già dân tộc”, hình chụp ông ta trong Phủ Chủ tịch Hà Nội, ông già hút thuốc Phillip Morris và uống Champagne, chỉ là loại thường: Cordon Rouge... Và một tập hình thật rõ tịch thu được hôm Mậu Thân binh biến: Cảnh ông Hồ lúc còn trẻ họp hội nghị ở Toulouse, đó là một gã thanh niên gầy nhưng mắt rất sáng, hình khác chụp ở chiến khu ông sửa soạn lên yên ngựa và một bức hình khác, một bức hình tệ nhất mà tôi nghĩ rằng những người Cộng Sản quá đại dốt khi cho phổ biến: hình chụp ông Hồ ngồi chung với nhóm biệt kích Mỹ nhảy dù xuống Thái Nguyên năm 46. Đấy là hình của một người không già không trẻ hom hem, mặc quần short chân mang dép bata, và bên cạnh Võ Nguyên Giáp đánh bộ complet trông nhà quê không chịu được. Một bức hình nữa của Bác, có lẽ là bức hình mới và đẹp nhất trong cuộc đời chụp ảnh của ông già – hình như ông ta trước kia làm nghề phó nháy nên bức hình nào cũng có vẻ hay ho. Chắc hẳn

ông ta đã “đạo diễn” một phần khi đứng trước ống kính. Chẳng bù với ông Diệm đẹp trai mà chẳng có bức hình nào đáng tiền – tấm ảnh của ông Hồ được in trên giấy cứng dưới có bài thơ chúc bà con đầu xuân đánh Mỹ cứu nước. Bài thơ thì dở ẹc nhưng tấm hình rất sáng nước, đây là một ông già đẹp lão, phương phi béo tốt rạng rỡ như tiên... Như thế này ông Hồ chỉ thua ông Tưởng Giới Thạch về vụ đẹp trai trong toàn thể các lão tướng... Đẹp trai thế này thì vô sản với lại là công nông thế nào được, trông cũng có vẻ bơ sữa và quan cách ra mặt. Và tấm ảnh chót cũng là tấm ảnh cuối cùng của Người – một “Người” nằm thẳng cẳng buông tay nhắm mắt – thế là xong; một cuộc đời trường thiên gió bão, vị cha già của dân tộc, khối óc kết tụ tinh anh của nòi giống Việt, một lãnh tụ trên tất cả các lãnh tụ, người đưa đường mở lối khai phá cách mạng Việt Nam... Mắt người là Thái Bình Dương, râu người là núi rừng Việt Bắc, người cao như Trường Sơn... Thôi cũng nhắm mắt xuôi tay, anh già về bên kia thế giới! Anh già thì anh chết – phán xét như thể anh lang Nguyễn là hay hơn hết Chẳng bù lại với những tiếng khóc kêu róc của những anh miền Bắc – mối đau thương vĩ đại, niềm mất mát vô biên, sự thiệt hại to lớn... Ôi nghe nhức cả đầu và mệt cả khối óc. Mệt mỏi như nhìn vào những khuôn mặt méo mó đầm đìa nước mắt, giọt ngắn giọt dài của những chị em ở Hà Nội ngày đưa đám ông già. Làm gì phải khóc than nhiều như

vậy... *Trai trẻ bao năm mà đầu bạc. Trăm năm thân thế bóng tà dương...* Trăm năm không có những bảy mươi chín năm của ông già cũng quá đủ rồi, khóc làm gì nữa những người ở miền Bắc? Hãy để nước mắt khóc cho những xác chết nằm cong queo lạnh lùng, những xác người mất đầu, những xác vỡ ngực, trần truồng, chương sinh, nằm rải rác khắp một dãy quê hương... Hãy dành nước mắt khóc cho những đám dân vô tội ngã xuống nghẹn ngào tức tưởi oan khiên trôi vạt vờ theo con suối ở những vùng Nam Hòa, Khe Trá... Hãy khóc nữa, khóc thật nhiều cho những trái tim ngừng đập, những trái tim trai trẻ hồn nhiên, những trái tim chất phác hiền hòa của những người Việt Nam nằm xuống trong cơn bão tố hai mươi năm của quê hương. Khóc làm gì cho một xác ma còm cõi của một người đã đem điều linh cho dân tộc... “Vị cha già” của những trẻ thơ không cha đang lang thang trên hai miền Nam, Bắc. Khóc làm gì cho một người nằm xuống thật nhàn hạ, cuối đường của một cuộc hành trình đẫm máu.

Cái chết của ông Hồ với bản chúc thư nhạt tẻch, đầu đuôi chỉ có mỗi ba ý: Gắng đoàn kết đánh Mỹ cứu nước, đoàn kết để tạo cán bộ mới với thành phần thanh niên mới lớn và kêu gọi các ông Cộng Sản Quốc Tế thôi không hục hặc nhau... Đúng là một bản chúc thư lãnh nhách. Và tôi nghĩ rằng sau cái chết của ông Hồ các anh cầm quyền ở miền Bắc thế nào cũng giở đòn để hạ nhau, chẳng phải vì ý thức

hệ, đường lối chỉ đạo chiến tranh gì ráo... Sẽ chỉ là những đòn phang vào nhau vì va chạm cá nhân, vì tị hiềm danh vọng. Những anh Tướng Tư Lệnh sẽ chê những anh Ủy Viên Chính Trị là không tướng, lý thuyết suông, đòn phép gian trá... Những anh “Bắc kỳ” sẽ tự suy tôn... Cộng Sản Bắc Việt, thành trì vô sản của thế giới, vùng đất chiến khu thần thánh đầu tiên nuôi dưỡng và phát triển cách mạng nhân dân, quá khứ oanh liệt với Điện Biên, Sông Lô, Đông Khê, Cao Bằng! Những anh “Nam kỳ” sẽ tự nói: những chiến sĩ anh hùng trong tuyến đầu miền Nam anh dũng chống Mỹ cứu nước, nêu cao lá cờ giải phóng của chiến tranh nhân dân, cao trào của cuộc vận động toàn thể công nông thế giới! Những điều trên không phải là quá đáng: vì bao nhiêu chuyện hủ hóa, bao nhiêu điều hỗn loạn vì tham ô tranh chấp của những người lãnh đạo Cộng Sản, dù có bưng bít dấu kín cũng vẫn bị xả ra thế giới bên ngoài, để thấy rõ cán bộ Cộng Sản, dù thuộc vào thành phần – cốt cán cao đẳng – những cán bộ với ý thức sâu sắc và vai trò lãnh đạo của tập thể sắt máu, những con tim nồng cháy cách mạng... vẫn còn những ham si mê muội của một con người trần thế. Vậy khi ông Hồ chết, lớp keo gắn bó những con người đối cực với nhau đó sẽ tan đi; còn sức mạnh và quyền năng nào để hòa hợp những giai cấp lãnh đạo đã bị phân hóa – phân hóa từ những cấu tạo dị biệt của con người cũng như cách thế đối với đời sống – rồi cũng xảy đến những

giành giựt quyền hành, những tội hiểm vụn vặt nhưng rõ ràng như ánh nắng rọi xuống từ mặt trời.

Cái chết của ông Hồ đồng thời như dấu hiệu chấm dứt thế kỷ của huyền thoại về lãnh tụ thần thánh. Thế kỷ của Staline, của Churchill, Mao Trạch Đông, Tưởng Giới Thạch. Thuở xưa tôi đã một lần chiêm ngưỡng nếu không nói là quá suy tôn những con người này – một hôm ở chiến khu, tôi mới bảy tuổi hỏi một anh vẹm: Tại sao súng của chú lớn thế này? – “Chú Nhân” đáp ngay một hơi: súng của chú là súng thật, súng để giết Tây; súng của tụi Tây cháu thấy ở thành phố là súng giả, chỉ có thể để bắn chim! Đồng chí Võ Nguyên Giáp một mình cỡi ngựa trắng hai tay hai súng vào đồn Tây bắn một hơi chết mười hai thằng, một viên đạn là một mạng giặc! BỐ KHỈ, anh vẹm nói cứ như là cha thiên hạ không bằng nhưng trong tuổi nhỏ mê muội đó tôi cứ bị ám ảnh hoài chuyện bác Hồ cỡi ngựa từ ngoài Bắc vào tận Liên khu 5 thăm các cháu nhi đồng trong dịp Tết. Lớn lên sống với một dòng đời hỗn loạn nhọc nhằn tôi vẫn không thôi mơ tưởng một lãnh tụ sáng giá làm kẻ dẫn dắt cho cuộc đời. Nhưng đến khi vào lính, lúc đứng trước mặt ông Ngô Đình Diệm để nghe biểu thị – người của một lần tuổi trẻ tôi tôn thờ và cảm phục, ngày ông Diệm khánh thành đường xe lửa xuyên Việt, tôi đi theo một chuyến xe hoa gồm toàn những goòng chở hàng từ Đà Nẵng vào Kỳ Lam để nhìn cho được mặt vị lãnh tụ anh minh của dân



tộc. Bộ áo quần trắng, nét mặt rục rờ và nụ cười hiền hòa của ông đẹp như biểu tượng chói lòa nhất của tôi. Nhưng khi đứng trước mặt ông nghe những biểu thị rồi bởi lệt lệt, bàn tay cầm điều thuốc đập đập đầu tàn xuống bàn một cách rất bình thường...

Giọng nói không sinh khí và những ngón tay run run nhọc mệt bóp bóp thành bàn, gõ lên mặt gỗ liên hồi... Tôi như khám phá được một kiếp người hạn chế, dù người đó là Tổng Thống, là Lãnh Tụ. Khi ông Diệm bị hạ đố, nghe những lời sỉ nhục tuôn tràn trên đài phát thanh, báo chí? Mặc dù đối với ông Diệm tôi không có một ý niệm hay cảm tình nào rõ rệt nhưng vẫn thấy mình bị thua lỗ, mất mát... Hết rồi những ngày có thần tượng. Ra trường với những ngày dài của khổ cực, tôi thấy thật rõ và thật rõ: những thần tượng sẽ không một lần nào có nữa trong lòng... Vì đoạn đường cho một người tù trong bóng tối khi bước lên ngôi cao rục rờ, thu hút hết mọi chiêm ngưỡng và quyền uy sẽ rất nhiều thủ đoạn, đẩy những tàn bạo kinh khiếp lộ liễu hay che dấu. Thần tượng sẽ ngồi trên cao, chống trên xương máu của rất nhiều người –những con người vô danh nhưng tội nghiệp vô cùng. Lãnh tụ nào đi qua chẳng để lại sau lưng thịt rơi và máu chảy? Và con người sẽ là gì nếu người đó đã hủy diệt Con Người. Rồi bản chất của lãnh tụ còn có vô vàn nhỏ nhoi và ti tiện –những nhỏ nhoi đeo chặt vào cuộc đời như một bản thể đầu tiên... Thượng Tọa đó, thầy đó, tôi đã va vào

những lãnh tụ tôn giáo này biết bao nhiêu lần bi đát. Đằng sau những khuôn mặt của hào quang quyền uy và đức độ, tôi vẫn thấy rõ những hạn hẹp sân si của những con người tại thế. Chiếc roi của vị linh mục quất vào chiếc lưng thẳng bé vì tội ăn cắp một chiếc quần viện trợ Mỹ tại nhà thờ Đà Nẵng đã biến thành một nỗi cay đắng khi tôi nhìn thấy được đục vụng căn bản luôn luôn hướng dẫn tinh thần con người...

Ông Hồ Chí Minh với nét mặt già nua bên cạnh chai Champagne ướp lạnh, một vẻ thỏa mãn kín đáo trong khóe mắt, một ít mẫn nguyện nhẹ nhàng ở bàn tay – Thôi, hết cả thần tượng, hết cả lãnh tụ, siêu nhân. Chôn thật kỹ xác người già lại để nghĩ rằng: Có những người thật trẻ đang chết mỗi giờ trên đất nước của chúng ta. Hãy nỗ lực để ngăn lấy những đau thương này hơn là nhỏ nước mắt trên thân thể già nua đã mỗi một và mẫn nguyện – những người Cộng Sản hãy khóc cho quê hương.

*Long Bình, Tháng 9 năm 1969*

# NGÀY TÂY NINH

Tôi gọi những “ngày Tây Ninh” vì xem danh từ riêng này như một tình tự, một tính cách, một biểu hiện của định mệnh, một định mệnh có thể bi thảm nhưng cũng tràn đầy thần diệu. Những ngày ở Tây Ninh là ngày sống dậy của một giấc ngủ dài... Năm nay hai mươi bảy tuổi; sắp ba mươi và đã già rồi đấy – người đàn bà, vợ tôi vẫn hằng nhắc nhở đến như vậy. Nhưng cũng chẳng cần, tôi đã già từ lâu, lúc từ trái tim hình như không còn một xúc động nào kể cả cái chết cùng những kích thích của đời sống.

Tây Ninh, thành phố quá nhỏ, chưa bao giờ xuất hiện trong ý nghĩ, tôi đã đến một lần rồi quên đi, hôm nay đến lại, sống cùng và phải nhớ. Tây Ninh thành phố chót của một đời người tỉnh giấc. Ở đây tôi làm việc chung với Sư đoàn Kỵ binh Không vận Hoa Kỳ, hằng ngày đứng ở đài cao điều khiển tàu bay đi tiếp tế cho những căn cứ Tiểu đoàn đóng dọc theo biên giới. Nắng, cát, gió từ những chiếc quạt khổng lồ thổi bụi bay mù trời đất, tôi sống trong một lò lửa

di động và vụn vỡ linh hồn. Vì ở Tây Ninh để chứng kiến cơn tàn hại xuống dốc tột cùng của lòng người Việt Nam. Từ lâu khi nghe tin một vụ ngoại tình giữa một người đàn bà Việt Nam với ngoại nhân, tôi cứ nghĩ đấy chỉ là kết quả của thôi thúc cưỡng ép từ gã đàn ông cộng với sự mềm yếu trong chốc lát của người đàn bà. Nhưng không phải là như vậy, ở đây đã thấy rõ những người đàn bà Việt Nam, những người đàn bà ít học, vợ của một anh lính, hay một người thợ, người đàn bà làm mẹ những đàn con đồng đảo – người đàn bà Việt Nam, sinh vật chịu đựng đẹp đẽ nhất của giòng văn chương sinh động trên hai ngàn năm nay, chỉ vì một trái cam ăn thừa, một trái lê được nhặt từ đồng rác, vì để được khỏi cuộc cỏ, cho đất vào bao cát, một bao thuốc lá, cục xà phòng, nên để thân thể nhàu nát bụi bặm hôi hám dưới bàn tay tham lam, thèm khát của những tên lính ngoại quốc tuổi bằng em út. Tây Ninh nơi chúng kiến những đĩ thỏa tàn tệ, và xấu hổ của người “Mẹ Việt Nam”, niềm hãnh diện sắt son, cột trụ chống đỡ cho gia đình, đơn vị căn bản của nòi giống – những người mẹ đó đã khởi đầu những động tác khiêu gợi dâm ô, rách nát để gọi lên dục vọng của những kẻ xa đàn bà, những tên lính ngoại quốc tò mò muốn được xem dưới lớp áo bà ba, dưới chiếc quần đen vấy bẩn thế nào là một thân thể đàn bà da vàng, một giống dân da vàng tồn tại qua một giòng đời triển miên khôn khó và thảm hại. Tây Ninh, nơi để thấy những người

con gái mười tám tuổi, số tuổi mười tám thần diệu đầy những mơ mộng đẹp đẽ như chiếc lá bay trong trời thu; mười tám tuổi, người con gái đã làm tình một cách vội vàng đầy nhiệt thành và cuồng loạn, đã cố gắng quýt chài mồi, đã say sưa kích thích để tạo thành cảm giác tột đỉnh cho cơ thể cường tráng của gã trai ngoại quốc; nhét vội năm MPC kiếm được vào trong nịt vú, lén thật nhanh ra ngoài căn phòng, chỉ được che bằng phen nứa, thật nhanh để kiếm một tên lính khác... kiếm thật nhiều, tạo thành một kiêu hãnh – kiếm được gần hai mươi MPC trong một giờ nghỉ việc buổi trưa...

Tây Ninh, để thấy trên sân khấu lộ thiên người thiếu nữ Việt Nam thật trẻ tuổi, chưa quá hai mươi, phơi bày đầy đủ tám thân, uốn éo, lặp lại các động tác làm tình dưới ánh sáng của sáu chiếc đèn cực mạnh: nhăn nét mặt, lắc đôi hông, vặn chiếc thân với một kẻ ân ái vô hình dưới hàng trăm cặp mắt tối đen đục vọng với những chiếc mồm há hốc gào thét thật lớn... suck the dick! holly belly!...

Tây ninh, để khi ra đường nhìn vào mắt của một người con gái có thể nói một câu thật mất dạy: đi với anh không em? – vì nghĩ rằng cô ta vừa từ một vòng tay ngoại nhân nào đó đi ra.

Cũng ở Tây Ninh, để thấy Phước chết một cách tức tưởi, nằm xuống kết thúc một định mệnh oan khiên. Đêm bệnh viện Tây ninh lạnh lẽo. Trú run ray cảm cây nến trên đầu kẻ chết – một xác chết không

đầu, đôi giày loang lổ thò ra khỏi lớp poncho dính từng tảng đất khô cứng. Người tôi như một trái cầu bay bổng hoà lên một khoảng không vô tận. Phước ơi, hộp bia tao gửi mày có uống được không? Giọt nước mắt nào đọng trên mi đây – khóc đi, thôi vô ích, chỉ còn trong lòng một tiếng than im lặng...

Nhưng cũng cảm ơn đời và cảm ơn Tây Ninh, trong đó vỡ và tan nát của tình đời, tôi nhìn được mặt người qua một tình yêu...

*Tây Ninh, Tháng 11 năm 1969*

# VIẾT SAU HÀNG RÀO GIẤY KẼM GAI

Tôi phải vào tù vì một tội không đâu, tội say rượu và đánh lộn. Nhưng thật ra không phải là như vậy. Đã từ lâu tôi có thói quen chế ngự kích thích do men rượu gây nên, có thể nói rượu không gây thành phản ứng ở trong tôi. Nhưng trong thời gian sau này, có những cơn cuồng bạo bùng nổ sau các bữa rượu làm cho tôi phải nhìn lại vấn đề, nhìn lại vấn đề, nhìn thật kỹ để thấy rằng lòng vẫn còn rất nhiều thù hận, một nỗi thù hận mệnh mang tiềm ẩn trong lòng như một thứ sốt rét định kỳ, có cơ hội sẽ dấy lên tác quái... – chốn đông người và tiếng động thường gây cho tôi những cơn giận giữ vô cớ, thuốc an thần phải uống vào đều đặn và một nỗi ám ảnh giận hờn nào cứ chống chất mãi lên cao. Nói một cách ví von, người tôi là một khối thuốc súng, men rượu là một ngòi nổ và như thế chỉ cần một điều kiện bên ngoài làm vật xúc tác, người tôi sẽ là một cơn điên không giới hạn... Như trận đánh lộn vừa qua, trong cơn ngây ngất của men rượu, nhìn lên sân

khẩu của chốn ăn chơi thanh lịch nhất của cái thủ đô Sài Gòn; cái gì đây? Đằng sau một lớp con gái trần truồng uốn éo nhảy múa, một đồng đàn ông con trai đứng làm phong cho cái bối cảnh sinh động trên, ý hẳn người đạo diễn cái lớp tuồng này muốn đóng góp vào thú vui ăn chơi một hình ảnh anh lính Việt Nam, nên hẳn ta chen vào cái lũ người hỗn độn đứng làm phong, một anh chàng mặc đồ đại lễ của trường sĩ quan Thủ Đức, tôi thấy một ngọn lửa nào đốt cháy trước mi mắt, một đống đầu tui nhục nào ngùn ngụt trong trí não, tôi vừa ở Tây Ninh trở về, Tây Ninh, để thấy những người lính cũ của tôi, những người lính của tiểu đoàn 9 Nhảy dù, khi được đưa từ rừng về Tây Ninh đã rách rưới như một lũ ma ốm đói, những người lính khi về đến thành phố, việc đầu tiên mua một chai bia, trong khi chờ đợi cục đá tan đi trong chất nước, đã không chịu đựng nổi sự nồn nóng thèm khát, dùng hai ngón tay bốc cục đá bỏ tọt vào mồm. Tây Ninh, để thấy những người sĩ quan bạn tôi mặc những bộ áo quần may bằng giấy kẽm, vá chỗ bị rách bằng băng cứu thương... Và cũng ở Tây Ninh để thấy thằng bạn thân chết cụt đầu, nằm lạnh tanh trong đêm với ánh nến hiu hắt như một oan hồn vất vưởng; thế cho nên mắt tôi có vương một cái gì nặng nặng, một đống đầu tui hổ vô danh đột nhiên như cơn gió thổi qua linh hồn nóng bỏng, mang hơi lửa đốt cháy hết thần kinh. Tay tôi run bần bật, tôi nhào lên sân khấu, hỗn loạn ồn ào từ đó đổ xuống như



một con thác lớn chảy từ độ cao... Anh kếp hát dẫn độn ngu ngơ tròn mắt trước khi nhận quả đấm vào mặt, cả một khu phòng trà nhốn nháo, những bóng dáng chập chờn, tiếng tu huýt, lời nói xúc xiểm vang vang, những khuôn mặt thù hận, khinh bỉ... Tất cả hòa với nhau như một cơn cháy lớn, tôi trở nên một kẻ điên trong cơn cuồng giận bốc lửa. Một giờ đêm tỉnh giấc trong nhà giam người ê ẩm vì trận đòn hội chợ, hai cườm tay sưng tấy vì chiếc còng sắt siết vào quá chặt... Tỉnh giấc vì mùi nước tiểu và mùi hôi của chiếc phòng. Đây thật ra không phải là một nhà tù, chỉ là chỗ tạm giam để điều tra tư pháp, nhưng cảnh khổ cũng đáng để gọi là nhà tù. Phòng giam rộng hơn mười thước vuông sát một chuồng xí, đen đui ám khói, khí trời chỉ lọt vào bằng một ô cửa sổ cao quá đầu người. Lũ người bị giam gồm có 16 mạng lúc nhúc trên một sân gạch đen xỉn, lúc nhúc mồ hôi và nước tiểu. Mười sáu người trên một diện tích chật chội như thế chỉ đủ chỗ để ngồi, một thế ngồi đặc biệt của nhà giam: Hai chân bó lấy gối, đầu gục xuống. Tôi có thể chịu đựng được nỗi khổ này nhưng không thể làm sao chịu nổi được khói thuốc lá lúc nào cũng dày đặc, và tiếng người nói, dù nhỏ đến thế nào cũng vang vào đầu, tưởng như tiếng vọng của ngàn tiếng trống. Khốn nỗi không có thuốc lá và những câu chuyện nhảm thì không làm sao chịu nổi những giờ khắc nóng đỏ dài dặc này, nên mặc dù mệt nhọc, mọi người vẫn cắn răng chịu

đựng cái phiền toái do chính mình đem lại. Thuốc lá được hút liên miên và câu chuyện thì không bao giờ dứt. – Được, tôi nhủ thầm thử sức chịu đựng của cơ thể một phen. Đã bao nhiêu năm nay, dù dưới một hoàn cảnh nào đi nữa tôi vẫn tắm một ngày hai lần. Sáng mai thức dậy và tối trước khi ngủ bây giờ tôi thử sức bằng cách không tắm vào những giờ người ta mở khám cho ra, tiến hơn tý nữa tôi không rửa mặt và đánh răng... Hơi người, hơi thuốc lá, mùi nước tiểu, mùi chuồng xí đọng lại thành một lớp dày trên da mặt, tôi có cảm giác khuôn mặt bây giờ cũng loang lổ như nền nhà đầy tàn thuốc và nước bọt... Ép người hơn một chút nữa, tôi ngăn hẳn nhu cầu đi đại tiện, chiếc bụng tưởng như nứt hẳn làm đôi, tôi có cảm giác như những cuộn ruột bị rối tung dưới một bàn tay vô hình – tôi nín thở để đè xuống những cảm giác sinh lý để nghĩ hoài đến một kim kẹp dây dưa của một tình yêu vô dụng! – hay thực, tôi nhủ thầm, trong hoàn cảnh bắt buộc, con người có những tiềm năng kỳ lạ được khai triển để giúp cho qua một chặng đường khổ ải – miễn là trí óc được minh mẫn và tự do – tự do, hiện thành một sức mạnh ào ào như thác đổ.

Những ngày ở trong tù tôi còn thấy những khía cạnh kỳ lạ và tốt đẹp của lòng người, những tình cảm thật nồng nàn và đôn hậu mà chính cá nhân kia phải che dấu thật kỹ càng, che dấu tận cùng của chốn linh hồn, vì sự bộc lộ những tình cảm đó đồng

nghĩa như một sự xuống dốc mềm yếu của một trí não mệt nhọc.

Trong số những người ở cùng phòng có một gã 23 tuổi, 23 tuổi nhưng cần cỗi như một cành cây khô: nghiện thuốc phiện từ năm 17 tuổi, đến bây giờ nó không hút nữa, nhưng lại “thẩu”, nghĩa là nuốt thuốc phiện sống! – bị vào tù vì tội buôn bán ngoại tệ, suốt ngày nó nằm hút thuốc lá liên miên, không ăn hoặc nói chuyện với bất cứ ai. Đến ngày thứ ba, nó ngồi bật dậy như một con thú, khi có người quân cảnh vào bảo có người đến thăm... mười lăm phút sau, khi trở vào mặt nó râu rĩ, giọng chùng xuống nói cùng cả phòng:

- Tôi đã giấu không cho biết là bị bắt nhưng không hiểu sao vợ tôi nó biết được nên mò đến đây!

- Thế mày chưa bị tù lần nào sao? Một tên khác hỏi.

- Đm., cả chục lần rồi, nhưng lần này chắc chắn bị lâu vì lòi ra tội đào ngũ, bốn lần trước, tao không muốn cho nó biết để nó có thể ở nhà kiếm thằng khác! Đm., suốt đời chỉ có đi nuôi tao thì sống sao nổi... Nó chồm hẳn dậy, dán mặt vào khung cửa hét lớn... Đm., về đi, lần này lâu lắm, về lấy chồng khác đi. Lúc nó quay vào nước mắt chảy ướt má, nó ngả xuống như một con vật hết máu. Ngoài sân một cô gái còn trẻ chạy ủa vào nói trong tiếng khóc... Để em lo! Trong này thằng nghiện 23 tuổi vẫn lằm bằm: Đm., về lấy chồng đi... – Đm., nó lên cơn nghiện sùi bọt mép trắng phếu.

Đêm thứ ba lúc mọi người đang say ngủ, của phòng giam mở, một bóng trắng được đẩy vào, y chạm phải chỗ để nước tiểu ngã rầm xuống. Cả phòng thức hẳn dậy. Một tên cướp xác tay, bị bắt truy ra tội đào ngũ. Sáng hôm sau khi tỉnh giấc, chính tôi cũng ngại ngùng không muốn trả lời những câu của y hỏi, nhưng đến buổi trưa, gã chinh phục được hầu hết cảm tình của toàn phòng. Gã ăn nói nhỏ nhẹ, lễ độ với hầu hết mọi người, mặc dù những vết thương vừa bị đánh chưa khép, gã vẫn chịu khó làm tất cả mọi công tác vệ sinh trong phòng. – Em phải đào ngũ vì con vợ bị tù không ai lo; nó tâm sự với tôi như thế...

- Thế bây giờ cậu bị tù, thì làm sao lo được cho nó nữa?

- Bây giờ em có được một ít rồi, lỡ có bị kẹt cũng không sao! – Bây giờ cậu có lo gì nữa không? – Nói thì Đại úy bảo xạo, chứ thật tình em muốn bị kêu khoảng một năm lao công đào binh, thả em ra bây giờ sau vài tháng tù, thấy vợ con nheo nhóc em lại tiếp tục làm bậy mà thôi, cho em đi lao công cho nó yên người...

Đây mới là hai trong số cái đám đông bị cột chung một phòng, tôi cứ nghĩ rằng loại người này phần đông không còn những nhân tính căn bản; nên khi đọc chuyện kể về du đảng tôi cứ nghĩ rằng các anh Nguyễn Thụy Long, Duyên Anh chỉ có nước bịa, mặc dù tôi cũng chẳng phải thuộc thành phần

con nhà quý phái, bố thượng thư, chú là tổng đốc gì ráo... Thuở bé của tôi cũng là những ngày không sáng sủa gì cho lắm... Nhưng thôi, nói hoài thì làm ra vẻ thương hại hay biện hộ, cả hai tôi đều muốn tránh; nhưng những lời lẽ thì thăm của những người lính tối tàn kia cứ ám ảnh tôi hoài hoài...

Những ngày trong tù, còn chứng kiến thêm những đổ vỡ thật tan hoang trong lòng người – những người với cấu tạo hình hài cũng như linh hồn chỉ là những khung đời bình yên, những người suốt đời không một lần nổi giận, những ngày yên phận, trôi theo giòng sông như một chiếc lá khô. Nhưng trong căn nhà tù này đã xuất hiện loại người như vậy. Thằng bé 21 tuổi, phải gọi là thằng bé chứ không thể gọi một gã thanh niên được, người thấp nhỏ yếu đuối, ngày di cư với ông bà nội sống heo hút ở một khu dinh điền tỉnh Long Khánh, ngoan đạo như một bầm sinh, lớn lên trong thiên nhiên của rừng xanh, đất đỏ; đêm ngồi đuổi heo, đuổi hổ từ những chiếc chòi cao, kéo những ống tre va chạm vào nhau để tạo thành tiếng động vang đi xa; chạy dài trong luống bắp. Ngày ngày nó cong chiếc lưng trên những luống rẫy đỏ tươi gieo từng hạt giống, những cây đu đủ non với mơ ước trong tương lai làm chủ một khu vườn đầy bóng xanh trĩu trái nặng. Nhưng đời sống đã không theo nẻo mơ ước bình yên đó, lửa đã đổ xuống căn nhà nhỏ bên giòng suối, chất hóa học làm chết đi những nhựa sống trên chồi non đang xanh tốt

trên cành lá, làm rụng xuống những lá xanh co quắp để trở nên vàng úa, mệt mỏi vỡ vụn theo cơn gió tan vào lòng đất. Chất hóa học cũng làm nứt những thớ gỗ xanh tươi, vết nứt sâu hoắm mở ra như vết thương của một chúng phong cùi, một chúng phong cùi cho thiên nhiên và phá nát lòng người cùng hy vọng. Bà nội phải đi ở tại một ngôi nhà thờ, bỏ lại đằng sau chiếc lều đẹp như mơ đã ngã xuống, giòng suối trong lành bên những mảnh gỗ cháy đục ngầu như nước trong lòng huyết. Bà nội vào ở chiếc lều cạnh nhà thờ, ngày ngày ngửa tay nhận mười bốn đồng cùng nửa bao gạo mỗi tháng, góp vào trong một nồi cơm chung... Miếng cơm nhạt thối được đưa vào chiếc mồm nhúm đong đưa những chiếc răng yếu đuối cố nhai nát hạt cơm trong khi nước mắt, cái ân huệ ghi đời thượng đế đã ban cho, cái vốn liếng không bao giờ cạn; từ những ngày đói kém ở miền Bắc xa xưa, từ ngày theo ông nội bế đứa cháu ngời co ro trong chiếc mảng trôi về phương Nam; và nước mắt đã nhỏ xuống thật nhiều mới đây như trong cơn mơ khi thấy ông nội ngã xuống, hàm râu trắng ướt đầy máu... Ông ơi là ông ơi! Bốn mươi năm ông sống cùng tôi, ông ơi là ông ơi! Bà nội khóc, không chỉ những giọt nước mắt rơi âm thầm trên chiếc thánh giá mang hình Chúa chịu nạn cho đời. Bỏ lại ông nội trong lòng đất, bà nội với những ngày quì không mồi dưới chân chúa – sau đôi mắt lờ mờ chỉ còn một thế giới chói lòa của ánh nến và

tượng chúa cúi đầu. Thằng bé đăng lính. Đăng lính để mang trên người chiếc ba lô thật nặng, năm trăm viên đạn M-16, sáu trái lựu đạn, một khẩu súng cầm tay chui rừng, băng núi để sống, tưởng như không phải là người – vì người là phải có một mái nhà, một bữa cơm, một nơi nằm xuống cho mỗi ngày và giấc ngủ đầy dự tính cho ngày mai. Ở đây không phải là như vậy, nó sống dưới hầm, ngủ trên lá, ăn một thứ cơm nhạt như giấy khô, như một thứ cỏ; nó không sống dưới bầu trời nhưng dưới một vòm cây xanh đặc lá, vang động đầy tiếng nổ và chết chóc. Nó sống chui rúc lẩn trốn, sợ hãi và khốn khổ hơn một con thú – và thật ngạc nhiên khi thấy được sống sót sau ba năm lửa đạn. Nỗi ngạc nhiên thật kỳ quái vì thấy da thịt còn thở. Nó ngạc nhiên vì chưa chết!... Bị thương một tháng ở bệnh viện ngày hai buổi nhảy lò cò bằng chiếc chân còn lại đến thùng cơm đặt ở giữa phòng, nhào vào dành giựt ào ào như những lần xung phong, mặc những cái đấm, cái đá thật tàn bạo, vào chiếc xương đùi đang đau nhức, sưng tấy vì vết thương chưa khép. Bị thương thật là dễ chịu vì đôi khi nhận được gói quà có cục xà phòng, bàn chải đánh răng và năm trăm đồng bạc do những bà sang trọng cho; có bà lại đưa tay vuốt tóc! Ôi, người nó run lên bần bật tự hỏi vì sao có những người đẩy từ tâm đến thế... Bị thương nó còn được nghe cô Thanh Tuyền ca hát, cô Thanh Tuyền hát những bài ca tặng... “Anh là lính đa tình”..., bỗng chốc nó hóa

thành mơ mộng và kiêu hãnh vì cái tước hiệu “lính” của mình, một thứ kiêu hãnh thật tội nghiệp như ảo giác về ánh sáng xuất hiện trong phút chốc đối với kẻ mù... Nhưng thời gian nằm bệnh viện quá ngắn, cái “hạnh phúc” mỏng manh một tháng đi qua, thằng bé phải già từ bệnh viện với chiếc nạng bên người, gói áo quần, năm trăm đồng bạc... Long Khánh, quá xa rồi với chiếc nhà đã cháy nằm trong vùng không an ninh, hơn nữa bà nội nghe nói hình như đã chết! Thằng bé đi lang thang trong Sài Gòn để nhờ bữa cơm bệnh viện. Làm sao để sống qua hết những ngày Sài Gòn với năm trăm đồng bạc? Một bà già ăn mặc sặc sỡ đi đến...

- Muốn có em không? - Tui không có tiền... -  
 Đừng lo tui này chịu chơi lắm, mày chơi điệu, nó còn cho mày thêm tiền... Thằng bé đi theo bà già về một chiếc chùa ở Khánh Hội. - Gái đâu? Bà già cười ỏn ẻn... - Nóng quá vậy cũng, dễ thương qua cho tiền... Bà già búi lấy cổ nó hôn tới tấp, mắt sáng rực một ngọn lửa kỳ quái... - Ở đây với qua, qua thương, qua cho em thật nhiều tiền... chịu đi qua thương... Tiền - Bà già dúi vào tay nó tờ giấy năm trăm. Thôi, lương tâm trong sáng như giòng suối chảy qua rừng? Thôi tuổi nhỏ thần tiên đẹp như chiếc hoa mướp nở trong giàn lá xanh đầy ánh sáng, thôi niềm tin vào chúa Trời nay bỏ trôi đi. - Ba năm lính nhọc nhằn, con đường Sài Gòn đầy tiếng người và xe cộ, nó thằng lính bị thương không gia đình sẽ sống ra sao? Cho



trôi vậ! Cho chảy tan người dưới dục vọng bốc lửa của một tuổi già bệnh hoạn, một cơ thể lệch lạc trái thiên nhiên – một xác thân bán nam bán nữ – với những thèm khát thật lộ liễu kinh khiếp... Còn gì đâu phải giữ gìn! Cơ ân ái bản thủ được diễn thành thú vui bệnh hoạn được chấp nhận... Sáng mai ngủ dậy của mỗi ngày, nó có trong tay hai trăm đồng bạc, để đi rong chơi suốt Sai Gòn và trở về lúc buổi chiều ngói đình lỏng chổng trướng, liễn, cờ, quạt, thanh la, mã tấu và một khuôn mặt già nua cằn cõi nặng trĩu những tham lam dâm dăng đầy nghịch tính... Nó nổi điên trên những ngày nhàn hạ ghê tởm này!... A! Nhà hàng Văn Cảnh, một dãy hình ca sĩ đẹp như tiên, nó nhớ tới Thanh Tuyền của những ngày bệnh viện, và đây nữa – Một hình ảnh đàn bà thật đẹp, đang trần truồng uốn éo khiêu gợi... Thế này mới gọi là đàn bà chú; phải có những đường nét đẹp để đôi ngực phải lớn, chiếc mông đầy... Nó nhớ tới cái thân thể già nua kỳ cục của mẹ già đồng bóng đôi vú nhăn nheo, cái “bộ phận” dị hơm, nó lợm giọng khi nghĩ đến những giây phút “ái ân” kinh tởm còn hơn một trò bạo dâm!... Như vậy đâu phải sống với người?... Một thú người hạ đẳng với những thú vui tàn khốc không bao giờ thỏa mãn... Nó quyết định: cơm, rượu được kê thật đầy đủ, nó thỏa thuê nhìn ca sĩ hát những bài hát phần nhiều để ca tụng lính và tình yêu, nó rung động toàn thân khi nhìn người con gái bỏ từng lớp áo quần trên thân thể; lột từ từ

thả xuống trên chiếc đui nuốt nà để trình bày một sự sống – một sự sống toàn mỹ đẹp đẽ và hợp lý... Nó rung động toàn thân. Ôi! Đây mới là con gái và đàn bà thực sự, đây mới là giống cái, đây mới là loài người. Tình – Tiền, tiền làm gì có, nó cười thật giản dị với người bồi khách sạn... Hai người Quân Cảnh đón nó tại cầu thang, nó đưa hai cánh tay yên lặng đặt vào chiếc còng đang mở... Xong rồi, một đời sống trẻ thơ đã đi qua...

Ở tù tôi được dịp thấy người Thiếu úy thật trẻ, làm giám đốc một cơ sở thương mại lớn, giàu có và đầy đủ với hạnh phúc số đông mơ ước đến. Nhưng đời sống đã không đi theo con đường bình yên, như chiếc xe mercedès lăn thật dài các trên thành phố. Vì đời sống còn có những phản bội nhục nhã, những lừa dối thật tàn bạo trên một tình vợ chồng được cấu kết từ thuở sắt son, một tình yêu từ lúc còn trẻ, lúc tóc còn xanh, lúc vợ chồng còn là những thiếu thốn nhưng đầm thắm và nồng nàn. Nhưng bây giờ là Việt Nam với năm 1969; thời gian của những cuộc chạy đua đến chóng mặt với đồng bạc, thời gian của những cuộc ngả giá với số lẻ được tính bằng một, hai triệu... Năm 1969, để những người vợ biến khỏi ngưỡng cửa của gia đình một cách bán chính thức, bỏ lại đàn con để đi vào những chiếc phòng im lặng. Chỉ có tiếng máy lạnh rì rào, và ngã xuống trong một vòng tay khác tay người chồng. Và khi trở ra với giấy phép được đi đến một nơi xa,

giấy phép để mở một nhà giặt, một tiệm nước trong căn cứ của người Mỹ. Việt Nam năm 1969, để người con gái mất trinh lúc mười bảy tuổi, xem thường như mất một thỏi son, một áo lót, để từ đấy tự do tung hoành điều khiển một đám đông vừa ngoại nhân vừa Việt Nam, để chiều đến khi trở về nhà với một nắm giấy in hình nhà thiên tài quân sự của quê hương hoặc hình một phi hành gia hay một anh lính thủy mặt nước cao thật kiêu hãnh... Năm 1969 để người vợ phụ bạc người chồng một cách thật thản nhiên ở một thành phố tại Nhật Bản – vì nghĩ rằng chuyến viễn du sẽ mang về rất nhiều tiền bạc để có thể xóa tan dấu vết một cuộc tình vụng trộm đang lớn dần trong bào thai...

Người Thiếu úy trong tù hay người chồng bị phụ bạc, một nhân dáng thật hiền lành, đôi mắt dịu dàng sau chiếc kính trắng, tiếng nói mềm mỏng, cử chỉ khoan thai – nhưng đã bắn những viên đạn quyết liệt vào người vợ – với những nát tan vỡ vụn trong lòng; bắn vào kẻ mình đã ấp ủ thương yêu trên mười năm, giờ đây chỉ còn lại như đối tượng của một túi hổ vì bị xúc phạm. Người Thiếu úy trong tù đã ngồi im lặng bên cạnh chiếc thùng đựng nước tiểu suốt đêm khuya sau khi cơn cuồng nộ bị thấm lắng xuống. Người Thiếu úy đã thờ dãi trong đêm, nghe trong lòng những xót xa cay đắng hiện hình như bốn bức tường oan nghiệt của phòng giam. Và người chồng bị phụ bạc, người chồng chung thủy bị lừa dối

đã mừng lên trong cơn sung sướng khi biết tin người vợ chỉ bị thương. Ôi tôi thương anh biết bao nhiêu, người sĩ quan bị sỉ nhục bằng một thứ dối trá ti tiện, tôi thương anh biết bao nhiêu, và sau viên đạn phần nộ được bắn đi anh vẫn giữ tình yêu của một lần anh đã có; tình yêu đó giờ đây đã rữa nát, hư hao nhưng anh vẫn giữ trong lòng, quý giá như một thiên đường đã cách xa...

# NHỮNG NGƯỜI ĐIÊN

*Viết để nhớ N. C. Đức, N. Đ. Cần*

**N**gười điên đầu tiên tôi gặp được và phải sống cùng là một cô gái, cô gái thật trẻ và đẹp như một vị Thánh. Tôi ở cùng với cô gái điên kia trong một giai đoạn thảm thiết nhất của đời sống – thế giới là một chiếc phòng sơn xanh nhạt u ám và cáu bẩn. Cửa kính đục ngầu vàng ố lâu ngày không chùi rửa, trong chiếc phòng đó có hai giường: một của mẹ tôi, người đàn bà của một cuộc sống đầy gian nan và bây giờ sắp chấm dứt bằng bệnh ung thư gan vào thời kỳ chót. Bên kia là giường của cô gái điên – con một gia đình khá giả nên thay vì ở trại thần kinh cô ta được ở phòng chung với mẹ tôi. Cô ta bị bệnh điên “buồn”, căn bệnh hợp với khuôn mặt xinh đẹp trăm mặc cao quý như một thứ hào quang siêu thoát làm rạng rỡ thêm những đường nét thanh tú cùng đôi mắt xanh biếc lạnh lùng như một vị tiên nhỏ. Thuở đó trời mùa đông căn phòng bệnh im lìm xanh xao lạnh buốt như một chiếc nhà mồ. Mẹ tôi,

một bộ xương người được bao bọc bởi một lớp da vàng bệch nhàn nheo nằm im lặng như một cây chết, ngoại trừ những lần lên cơn, bà cong người co quắp trợn trừng như một con giun bị xéo nát dưới gót chân! Ngoài những giây phút đó căn phòng chỉ còn một nỗi im lặng của một thế giới địa ngục. Tôi ngồi bên cạnh mẹ tôi, người cứng ngắt trong giá rét cùng những đón đau cuồng nộ được đè nén xuống như cơn nghẹt thở, nhìn về phía cô gái, cái đối tượng độc nhất sinh động trong căn phòng. Tôi không hiểu được nguyên do của căn bệnh, nhưng tôi nghĩ rằng giá bây giờ được nằm trong cơn điên của cô gái thật là dễ chịu cho tôi biết mấy. Cô ta ngồi trên giường hai chân co lại cho đầu gối đỡ lấy chiếc cằm, hai bàn tay trên đầu gối đặt hai bên má. Mặt nhìn ra phía cửa kính nơi phản ánh sáng tỏ nhất ở khung cửa, đôi mắt nhìn chăm chú mở lớn, những sợi lông mi màu xanh cong vút mở ra không cử động, không một cái chớp nhỏ. Con người trong vắt, thỉnh thoảng lóe lên những tia nhìn nồng nàn như thích thú, cười cợt, kèm theo một cái nhếch môi thật kín đáo, hai hàm răng cắn nhẹ vào nhau... Sự sống chỉ xuất hiện trong những giây phút mong manh ngắn ngủi đó; ngoài ra thân thể cô ta hoàn toàn bất động, không có một lần cựa mình để nhúc nhích một thoáng nhỏ... Cô ta ngồi suốt buổi sáng, có thể kéo dài qua đến buổi chiều nếu không có người nhà vào để bắt buộc ăn uống hoặc dẫn đi tiểu tiện... Thật là một người điên

tuyệt diệu. Những ngày đón đau câm nín đỏ qua đi như cái chết đến chắc chắn với mẹ tôi đã bắt đầu từ những ngón chân – những ngón chân không có cảm giác, lạnh buốt dưới bàn tay của tôi, độc địa như một loại thuốc độc bắt đầu làm tê mạch máu tim tôi. Cô gái trong lúc này không nhìn qua phía cửa sổ nhưng lại quay về phía tôi – đối tượng mới cho cái nhìn câm nín của trí não đang mở đường lên hư không. Tôi xoay trái, phải, sửa lại thế nằm cho mẹ tôi, từ ngoài cửa bước vào, ngồi xuống hay đứng dậy; lúc nào cũng bị cái nhìn kia theo dõi từng giây từng khắc. Nhưng có gì đâu thắc mắc, những cơn điên im lặng cũng đã có đâu từ trong đầu não, đã có đâu từ một quả tim mệt mỏi, đã có đâu từng mỗi ngón tay xanh muốt đầy gân xanh của tôi – tôi cũng đã điên trong hẻm hốc tối tăm của căn phòng này. Bên cạnh một người mẹ đang đợi cái chết có thể tối nay hay ngày mai, cái chết đã đến từng mỗi ngón chân, trên tròng mắt mất thần sắc, trên chiếc lưỡi tê cứng cử động như một miếng gỗ khô. Tôi cũng đã điên rồi... Tôi ngồi yên lặng trên chiếc ghế hai tay khoanh lại dựa lưng vào thành giường và nhìn lại một khoảng trống: bức tường xanh bên kia phía cô gái và hai cái nhìn của chúng tôi gặp nhau. Hai cái nhìn trống vắng như giọt sương rơi xuống chiếc hồ bốc khói trong sáng mùa đông.

Người mẹ mất và tôi vào lính trong mùa đông đó, cái nhìn của cô gái điên được quên đi trong những

tháng ngày đỏ lửa đằng sau. Những năm kế tiếp của đời lính cho tôi được nhiều cơ hội để thấy những người điên, lẽ tất nhiên đây không phải là những con vật người nhất ở nhà thương điên Biên Hòa – những con người với những lúc lạng lờ trầm mặc, cái nhìn ngơ ngác buồn thảm hoặc hung tợn như một con chó bị siết cổ thè lưỡi, trần truồng tênh hênh trong chiếc lồng sắt như những con dã nhân, la lối khóc than như dục vọng không thỏa mãn, như ước ao bị kìm kẹp ần ứ... Những người điên đến độ ngất xỉu khi thấy “cái giống” của người khác phái, mê muội như trí não bị đốt cháy với đam mê đời đời ám ảnh – tôi không nói những người điên ấy; vì đó là những người điên hạnh phúc, những người điên có được niềm sung sướng thỏa thuê tàn phá cuộc đời của mình trong thế giới mịt mờ của ần ứ niềm sung sướng thật khốn nạn nhưng cũng đủ để đốt cháy một trí nhớ, một hoài niệm tội nghiệp muốn quên đi như dấu tích của một lần cưỡng dâm trên thân thể tinh khiết của người con gái vừa đang lớn – ôi, những những kẻ điên hạnh phúc và thảm thương biết chừng nào. Nhưng ở đây tôi nói đến những người điên khác, những người điên sống cùng với bạn, với tôi trong những ngày tháng bình thường – một nỗi bình thường khốn khổ như vành khăn trên đầu tóc xanh của một trẻ con mất cha. Những người “điên” như thằng bạn tôi, thằng Đức “điên”, nó điên tội nghiệp và đáng thương như một nỗi bất hạnh xảy



đến từ từ nhưng chắc chắn, nhận chìm xuống chốn sâu của tuyệt vọng một niềm thương đời đang vừa nở những lộc đầu tiên. Nó đi trong đường phố mặc quần áo trận, chân mang dép nhựa ngoài khoác thêm cái áo bà bà đen. Quân cảnh chặn lại hỏi:

- Anh lính gì?

- Biệt Động Quân, Thiếu úy.

- Sao Thiếu úy ăn mặc lạ vậy? Cho coi giấy? – Tổ không có giấy – giấy dơ rồi – giấy không có, đánh mắt! Nó sửa gọng kính, châm thuốc lá nhìn lại đám đông bao quanh đang nhìn nó tò mò như con vật lạ! – Thế nào... Tổ đi nhá! Nó đi thẳng cười tùm tùm. Điên rồi. Điên là phải, không điên sao được khi nó vừa từ Đức Hòa trốn về đây. Đức Hòa với những khu vườn hoang vắng, căn nhà tranh sụp xuống tan hoang, nó xua trung đội chạy qua vườn thơm chói chang, ánh nắng và mặt trời mùa hạ như đốt cháy thịt da. Nó sất, ba lô, người nặng như một hòn đá lăn hoài trên một sườn dốc đổ về một vực thẳm vô vọng. Đức Hòa nó chạy trước khinh binh, khẩu M-79 cầm tay: Bắn, bắn... Nó bắn vào đàng trước, bắn vào địch quân hay bắn vào hư không, vào cuộc đời nó đang sống, bằng những viên đạn mang linh hồn vỡ vụn của nó đi xa... Trúng rồi, nhà cháy rồi! Xung phong... Một tên con nít 16 tuổi nằm banh ngực chết tênh hênh... Thành nhỏ chết rồi, Việt Cộng? Du kích, chính quy hay giao liên? Nó chỉ thấy thành nhỏ chết, chết thật, chết bằng những mảnh M-79 găm đầy người... Ôi viên

đạn của đời nó bắn ra... Không diên sao được khi nó vừa ở ngoài Huế trở vào, vui như Tết vì vừa lên Đại úy, bắt được cái “Tiểu Đoàn Phó”... – Chuyển này tao phải đàng hoàng lại, nó gât gù cái đầu – Thằng Cẩn chết rồi – Cái gì? – Thằng Cẩn chết ở Khe Sanh. Ôi Cẩn ơi! Ôi Cẩn ơi, nó khóc như chưa bao giờ nó khóc thật đến thế, nó kêu tên thằng Cẩn như một oan hồn uống tử hã cố gắng trở về với giòng đời, một giòng đời hỗn loạn và nhơ bẩn nhưng cũng vô cùng cần thiết – cần thiết lắm Cẩn ơi! Mà còn nhớ mà lên chúc nhanh, mà thương bạn bè, mà có vợ con! Cẩn ơi, Cẩn ơi...!

Mày chết sao được Cẩn ơi! Nó nhào đến chùa Xá Lợi kiểm quan tài Cẩn “bơi”. Đây rồi, nhưng nắp quan tài đã kín, người chết đã nằm yên, đã có mùi... Mày chết rồi Cẩn? Nó nhìn ảnh thằng Cẩn mờ mờ nhạt nhạt qua lớp kính, khói hương như bay từ địa ngục mờ mịt xông lên. Diên là phải, nó hút thuốc phiện vào người thổi ra những vòng khói mang những mảnh đời, mang tuổi trẻ, hy vọng bay lên cao... Và mày cũng chết nữa rồi Đức “diên” ơi! Tao không khóc được cho mày, chỉ thấy trong lòng từng cơn đau nhói như một chứng nội thương nhập lý nặng nề – thôi mày hãy gắng ngủ yên nghe Đức, bỏ cơn diên lại cho đời, hồn mày bay bay lên như khói thuốc thanh thang - ngủ yên như không có bảy năm nhà binh buồn và mê muội, hãy ngủ yên như chưa sống với đời.

Tôi tiếp tục sống để nhìn thấy được người Đại Đội Trưởng Đại Đội 74 Tiểu Đoàn 7 Nhảy dù cũ của tôi, một mẫu người thật bình lặng, ít nói, bình dị giống như mảnh vườn trĩu nặng bưởi chín, xanh um bóng mát bên cạnh một giòng sông thắm màu phù sa. Nhưng người lính bình lặng đó sau trận Đồng Xoài, sau khi đã xua Đại đội tiến lên như vũ bão để cố vượt cho được thảm cỏ xanh cuối phi đạo, bị đánh bật lại mất hai Trung Đội Trưởng ngay từ giờ phút đầu tiên đã cố gắng trong một hoàn cảnh tuyệt vọng với quân số còn lại, mở một đường máu cho thành phần còn lại của Tiểu đoàn. Về đến được hậu cứ. Đứng ở cửa văn phòng đại đội như một pho tượng chết, khi tiếng khóc của vợ con lính tử trận vang lên vây bủa xung quanh – người như bị vây vào trong rừng gươm đao thù nghịch... Và ông đã nổi điên – cơn điên thâm lặng, ẩn kín trên mọi sợi thần kinh, đè lên từng hơi thở, cơn điên không ồn ào đập phá, không la hét hung tàn, ông lịm xuống chết đi một phần đời... Xuống tóc và im lặng như chưa có một niềm kín đáo bi thiết nào hơn thế nữa. Đáng kính phục biết bao nhiêu, sau một thời gian ngắn, ông nghiền chặt hàm răng chôn kín hết xúc động trở lại cầm Đại đội. Đại đội đã chỉ huy từ 5 năm nay với những sợi tóc điểm bạc trên vùng tóc xanh non của tuổi trẻ bắt đầu đi qua...

Đổ vỡ từ trên cao, hư hại từ nền gốc. Nhìn xuống đám lính dưới quyền, khi đóng quân xong nghe câu

chuyện lãng đãng của những mảnh đời bèo bọt lang thang trên ngày tháng như một cọng rác trôi theo giòng sông, để không ngạc nhiên khi biết thằng Huệ tại sao không bao giờ đi phép? Tại sao không bao giờ nổi giận? Im lặng hoài hoài với nụ cười thật buồn... Từ một tỉnh nhỏ ở miền Nam, để vợ con cùng mẹ già lại trong làng nhỏ bình yên bên giòng sông vĩ đại, đi lính Nhảy dù. Ra Vũng Tàu chơi trong dịp nghỉ quân, nó ngỡ là chiêm bao, nhưng không, đấy là sự thật: trong vòng tay của một tên Mỹ đen nghênh ngang to lớn: vợ nó, đứa con gái quê mùa chỉ ước ao làm sao để biết đi xe đạp, kính yêu chồng như giống đực rục rở nhất của đời sống – Ảnh đi lính nhảy dù trên Sài Gòn. Vợ nó đã từng khoe với đám gái làng như vậy, với hãnh diện rõ rệt như sự thật. Nhưng bây giờ thì khác hẳn: vợ nó đã mặc chiếc áo đầm, một loại áo quần chưa bao giờ nó nghĩ sẽ có trên thân thể của người con gái suốt một thời gian dài lớn lên theo con nước... Vợ nó mặc áo đầm để phô ra đôi chân nâu sạm chắc nịch, chiếc áo hở cổ thật lớn bày ra một khoảng ngực nở nang khỏe mạnh... Và thằng Mỹ đen đã véo những ngón tay suông sã trên vùng da thịt bí mật kia trong tiếng cười hăng hắc khoái trá. Nó tiến tới... Không một chút kinh ngạc, vợ nó: À anh – xi xô một câu tiếng Mỹ, thằng lính ngoại quốc thò tay ra cho nó bắt... Ngỡ ngàng, thằng Huệ đưa tay lại, thằng Mỹ nắm tay nó lắc mạnh tỏ ý thân thiện! Con vợ cho nó địa chỉ – tối về đó gặp em... Thằng Mỹ bắt tay nó

lần nữa rồi dìu vợ nó đi xa – tưởng như chỉ là giấc mơ không thật! 10 giờ tối thẳng Huệ đến chỗ hẹn với vợ và đêm đó nó đã năn nỉ người vợ trở về nhà – Hồng được! Về dưới cực lắm. Tui chịu không nổi, anh đừng lo, tháng tháng tui gửi tiền về cho má... À tiền, nó thiếu quá nhiều thứ này, lương lính độc thân – vì làm sao nó biết cách làm hôn thú, vợ nó không khai sinh. Một tháng trừ tiền cơm còn một ngàn tám trăm đồng bạc... – Tui gửi cho bà có tháng bảy ngàn. Bảy ngàn, số tiền quá nhiều – nó không thể có trong một lần được.

Sáng hôm sau trở về Bà Rịa nơi Tiểu đoàn đang thụ huấn – bị phạt vì tội trốn đi chơi; nó phải chạy 10 vòng sân với súng cầm tay. Trong những giọt mồ hôi chảy xuống má có chen một thứ nước nhạt mùi hơn chảy từ khóe mắt – lần chót trong cuộc đời nó khóc. Đêm gặp gỡ chém nhát chém độc địa xuống linh hồn của một người hồn nhiên như ánh nắng, đêm gặp gỡ cũng gây cho nó chứng bệnh kỳ lạ suốt đời chưa bao giờ có, một chứng bệnh tử hủ như lần ân ái thâm não đầy tiếng van xin của nó với vợ – bệnh lậu – người đàn bà, vợ nó đã đem nó xuống chiếc hố đen đục nhục nhàn và hổ thẹn...

- Lúc này thẳng Huệ nó tàng tàng Trung úy! – Thằng Hùng mang mách cho tôi mách lại... – Nó lãnh lương bao nhiêu đem đi chơi đã hết! – Thật không? – Tui không xạo đâu, lãnh lương là nó đem gửi dưới 292 (chỗ chứa điểm dờ nhất Sài Gòn) rồi nó đến chơi

từ từ! – Xạo mà? – Không, tôi nói thật đó Trung úy hỏi nó xem. – Đạo này thằng Huệ hay đau những cơn đau bụng đột nhiên, bụng nó quặn thắt nằm co quắp lăn lộn một hồi xong, chấm dứt. Bác sĩ không biết căn nguyên. Nhưng tôi nghĩ người nó hết lực dưới cái tai nạn thảm thương tử hủ nọ và biến thành cảm giác “đau” có thật. Quả tim sau lần bị xúc phạm.. Hãy điên đi người lính nhỏ của tôi. Điên như một ân huệ khốn nạn Thượng đế để lại cho em

Trong đám người lếch lác trí óc đó phải nói đến tôi. Đúng nếu không nói đến tôi thì thật là một thiếu sót hoàn toàn – nhưng tôi nói về tôi thì thật là kỳ cục, một thứ vạch áo cho người xem lưng, một type hết thời, nhưng lỡ rồi phải nói cho hết. Tự đêm lâu lắm lúc chưa vào lính, một tối trời mưa ở Đà Nẵng, với mùa đông giá rét lạnh, buổi mưa bay che kín thành phố, chỉ có những vùng ánh sáng chao động dưới các ngọn đèn đường, thành phố chỉ lốm đốm những khoảng đen u tối loang lổ chuyển động theo cơn gió... Tôi đi dọc bờ sông bọt nước vỗ vào ghè đá bắn lên cao tạt vào thân hình ướt đẫm. Đột nhiên tất cả tiếng động của thành phố hình như mất hút vào bóng tối, mờ mờ qua ánh mắt một làn nước đang dâng lên từ từ như một cơn lụt bí ẩn đang nhận chìm thành phố. Tôi thấy mình chơi với lạng lờ và chìm thật sâu vào khối đen im lặng nặng nề, như hai tảng kim khí ép vào thật chặt. Khi tỉnh lại thấy đang đứng ở trong nước: tôi đã bước xuống bờ sông

lúc nào không hay, những ngọn đèn trên mặt đường đột nhiên như quá sáng – một dãy mặt trời mọc trên cành cây! Cái ồn ào cùng mới lạ của những năm mới vào lính cho tôi được một phần bình yên trong hai năm đầu tiên, nhưng kể từ năm 1965 trở đi, sau trận Đồng Xoài – sau buổi chiều 13 tháng 6 trèo lên chiếc GMC nhìn vào 4 xác chết trong đó có xác của Tiểu Đoàn Trưởng. Bốn cái xác chương sinh đen kịt lúc nhúc trên lưng một đồng dòi bọ kinh khiếp tanh hôi. Buổi chiều đó tiếp theo những buổi chiều ở nghĩa trang về tôi đắp cái áo của Dũng, thằng bạn vừa chết vào mặt để ngủ... Chiếc đầu đột nhiên được nâng cao, chiếc cổ dài ra, dài ra mãi. Cái đầu chạy vào khoảng không hun hút, đột nhiên quay lại nhìn tôi cười! Tôi hú những tiếng lớn để gọi linh hồn đang phiêu lưu một chốn nào, ở nơi xa, tỉnh giấc không ngủ vì mắt vẫn mở trùng trùng vào đỉnh màn như đang bốc lửa. Cơn “điên” gọi đúng ngôn từ nếu chỉ là một khoảnh khắc, một thời gian ngắn ngủi điên mê thì đúng với trạng thái của tôi thường gặp, sự gặp gỡ khốn nạn như cảnh chạy trốn của Sébastien trong “Soudain l’été dernier” – Đà Lạt đang ngồi chơi cùng một đám bạn bè... – Tự nhiên tao bực mình quá. – Mà xuống đồi, đi chơi chỗ khác! Tâm chỉ tay xuống đồi... Tôi bước xuống triển dốc theo sức nặng của thân thể lăn đi, tóc tai áo quần dính đầy lá thông không buồn phủi... Con đường núi buổi chiều mỏng một Tết vắng vẻ, nắng tươi và lạnh của buổi đầu năm

nồng nàn như có mùi lạ – một cô gái Thượng đi đến, loại gái Thượng vẫn minh nước da nâu bánh mật, chiếc bóng của nó hiện trên đường thắm đỏ rực rỡ ánh nắng trông như cành cây khô... Tao đốn mày! Tôi nhào vào về phía cái bóng đen, tiếng la, tiếng hú giữa tôi và đứa con gái Thượng chen lẫn nhau, con bé khoẻ như một con nai, nó đánh lại tôi bằng tay lẫn chân, hai chiếc bóng quấn chặt lấy nhau như hai bóng ma cụt đầu trong chuyện Thần Hồ. Tụi bạn trên đồi ừa xuống kéo tôi ra. Đm., mày ra trường binh Binh nhì bây giờ con ạ! Mày điên à? Tôi không trả lời – người nào lạ đó ở trong tôi.

Những cơn mê muội túi hồ đó nói hoài làm sao cho hết tám năm dài điều linh dục trên bề dài của quê hương, tôi có được một giấc ngủ nào thật bình yên – sáng mai thức dậy khi ánh nắng chói chang dội trên mặt như sau những đêm mùa hè thuở bé ngồi đốt những vỏ xe gắn máy tạo thành ngọn lửa ấm áp: Trạc, Tơ, Tuấn Hải ngồi chung quanh... – Mấy giờ! Chẳng ai biết... chỉ biết có tí màu đỏ đang vạch trên bầu trời xanh thắm, một tia ánh sáng yếu ớt... Ngày đang bắt đầu. Làm sao tôi có được nỗi bình yên như mặt trăng im lặng, lên tự hồi nào? Chỉ biết đột nhiên biến hóa thành lóng lánh và những bọt sóng như có lân tinh – Trăng lên rồi đấy chúng mày! Những bình yên đó đã tan đi như hơi sương trên một cây gai mắc cỏ, chuyển động dưới cơn gió buổi sáng, gió mang một chút ánh nắng chạy loạn xạ trên cánh đồng.



Bình yên đó đã hết, hết thật sự khi bắt đầu thò tay lấy những đồng bạc đầu tiên phát từ người Trung úy phát hướng viên – tất cả đã hết nên chỉ còn những buổi sáng trời đang chói chang ánh nắng nghe trong máy lời báo cáo: Phước chết. Trí não vang lên một tiếng nổ rồi tan vỡ thành muôn ngàn hạt nhỏ, nóng đỏ bốc lửa cháy cuồng loạn dưới lớp da đầu lấm tẩm những giọt mồ hôi. Tất cả bình yên đã hết để trong buổi tối trốn từ nhà tù ra, lòng trống rỗng như khu vườn khô lá trong mùa đông bỗng nghe tin Đức chết – chết bằng một viên đạn xuyên từ hông trái qua hông phải... Viên đạn đi như thế này! Thằng Chiêu ra dấu viên đạn bằng ngón tay. Người tôi lạnh cóng tưởng như thân thể đang vỡ nát dưới viên đạn vô hình... Uống! Trông lóng lánh của ly rượu tôi thấy giòng máu đỏ tươi đang chảy vào miệng mình...

Điên nữa, điên nữa. Điên như thức ăn nghiệt ngã cố nuốt vào để lết lê sống trên một giòng đời bão loạn, điên như loại thuốc tê chích vào những đường giây thần kinh hằm hập, sôi sục lửa đỏ – điên như địa ngục hạnh phúc và kiêu hãnh. Hãy điên như cầm dao cứa vào mạch máu của quả tim khô héo treo trên ngọn cây buồn phiền!

Hãy điên nữa đi anh em, điên như chúng ta đang sống trên một đất nước điêu tàn tên gọi quê hương

*Saigòn Tháng 12-1960*



# TẠM KẾT

**T**hế là sắp hết một năm – một năm – đơn vị thời gian cho một khoảng đời đã trôi đi như lượn sóng biển biệt! Một năm nghe như chừng tiếng thở than nho nhỏ được nén xuống che dấu tâm thường. Những ngày còn nhỏ khi nghe đến câu “một chàng trai hai mươi tuổi” – hai mươi tuổi – tưởng như một chín chắn rực rỡ, trưởng thành vững vàng đầy đủ, hai mươi tuổi, chiếc hoa nở đầy vẻ tinh anh trong nắng sớm – nhưng tôi đã qua tuổi hai mươi, một thứ hai mươi khó nhọc, vất vả, đầy dẫy những bất hạnh; tuổi hai mươi mất dạy như một tiếng chửi thề. Đã qua một tuổi hai mươi và sắp đến tuổi ba mươi. Ba mươi tuổi nghe nặng nề như thanh sắt đánh xuống đỉnh đầu chơ vơ đại đột, ba mươi tuổi trợn tròng nghiệt ngã và đớn đau âm thầm như cái nhói ở trong tim khi người yêu quý chìm dần trong một đám đông hỗn loạn và mặt trời chói chang ở đỉnh đầu. Ba mươi tuổi để thấy mình thật tội nghiệp như buổi sáng thức dậy trong căn phòng trọ hoang vắng, mặc áo quần

đội mũ bước ra cuộc đời như kẻ lang thang – ba mươi tuổi khốn nạn vẫn còn chuẩn bị cho những lêu bêu vất vưởng, ôi số tuổi hết lực và khô queo hy vọng

Vì hy vọng nào được đốt cháy lên đây? Chính bản thân tôi trong những tháng ngày ở ngục tù này thật là đáng sợ – chung quanh bốn bên tường màu vàng mệt nhọc ánh đèn điện ma quái khô khan, giấc ngủ chập chờn mộng mị – tay chân đột nhiên dài ra..., dài hẳn ra trở lại đánh vào mắt! Giật mình tỉnh dậy, mồ hôi xâm xấp, quả tim đập từng nhịp nặng nề u uất; trở mình... mở mắt đỉnh màn u ám. – Ngoài kia có tiếng nước chảy nhỏ giọt từ một chiếc vòi, mệt ngất ngư tưởng chừng như những giọt máu của chính bản thân rơi trên mặt đá đầy rêu. Hy vọng nào nữa ở trong tôi, gần ba mươi rồi; cả một thời đẹp nhất của đời người đem hết cho quân đội cho binh chủng hào hùng của tuổi thơ ngưỡng mộ. Đến bây giờ sắp sửa đi ra một đơn vị khác – Bộ binh, ở vùng nào? – Vùng 1 hay vùng 2...

Hy vọng nào nữa đây và đời mạng pháp đang chờ một vị Phật – nhưng phật tại tâm và tâm lại bệnh bông. Đời ơi! Tâm của bãi chiến trường tử huyệt và u uất như chiếc sọ người nằm ngơ ngác dưới giòng suối bạc.

Thời thế đã đủ rồi, tôi nghĩ rằng hơn hai trăm trang trên đã nói đủ hết, vì có thêm nữa cũng bằng thừa – Dọc trên Quốc Lộ I, quê hương nhỏ bé này chỉ có chùng đó một thứ bệnh di truyền khốn nạn

để lại cho mai sau – Gánh đi! Những con người Việt Nam hãy gánh cho hết, còng lưng xuống vác lên vai như anh không là Atlas vác trái địa cầu thối tha – Ta hãy gánh tai ương kia như một thứ tài sản mất dạy, như một định mạng không bỏ, như Anté phải sống với đất.

*Những ngày cuối cùng của năm 1969 - Trại tù*  
*PHAN NHẬT NAM*

